



SƠN HẢI KINH

Tác giả: Khuyết danh
Người dịch: Nguyễn Đức Vịnh



vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

SƠN HẢI KINH

Tác giả: Khuyết danh

Người dịch: Nguyễn Đức Vịnh NhutTruong.COM - Sơn
Hải Kinh

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

1. NAM SƠN KINH (南山經)
2. TÂY SƠN KINH (西山經)
3. BẮC SƠN KINH (北山經)
4. ĐÔNG SƠN KINH (東山經)
5. TRUNG SƠN KINH (中山經)
6. HẢI NGOẠI NAM KINH (海外南經)
7. HẢI NGOẠI TÂY KINH (海外西經)
8. HẢI NGOẠI BẮC KINH (海外北經)
9. HẢI NGOẠI ĐÔNG KINH (海外東經)
10. HẢI NỘI NAM KINH (海內南經)
11. HẢI NỘI TÂY KINH (海內西經)
12. HẢI NỘI BẮC KINH (海內北經)
13. HẢI NỘI ĐÔNG KINH (海內東經)
14. ĐẠI HOANG ĐÔNG KINH (大荒東經)
15. ĐẠI HOANG NAM KINH (大荒南經)

LỜI NÓI ĐẦU

“*Son Hải Kinh*” là cuốn kỳ thư từ thời xa xưa, truyền từ đời Chiến Quốc và được tổng hợp vào đầu đời nhà Hán, lưu truyền mãi đến nay, được công nhận là một bộ sách quý báu kỳ lạ. Trong sách ghi chép về những loại thần linh nhiều đến hơn 450 loại, mỗi mỗi đều hình dạng quái lạ, thần thông quảng đại. Ghi chép lại ước chừng có nhiều đến hơn 40 nước địa phương, 550 tòa núi, khoảng 100 nhân vật lịch sử. Đó là trứ tác được bảo tồn hiện còn tư liệu thần thoại cổ đại thật tối đa, có thể xem là kho báu của thần thoại Trung Quốc thời thượng cổ. Toàn bộ sách có 18 quyển, chia làm hai loại lớn là *Son Kinh* và *Hải Kinh*, ước có 31"000 chữ. Nội dung có phạm vi liên quan rất là rộng rãi, bao hàm các phương diện nội dung cả địa lý, lịch sử, thực vật, động vật, khoáng sản, y dược, quỷ thần, tế thờ, bộ lạc thị tộc... Tác giả cuốn sách này theo nguyên đề cho rằng đó là vua Hạ Vũ, Bá Ích, thực tế thì đây chẳng phải là tác phẩm của riêng một người hay một thời nào, mà có thể là sáng tác của nhiều người vô danh. Niên đại của cuốn sách được hình thành này khoảng trước 4000 năm xưa, chép định trong khoảng thời gian 2000 – 2500 năm trước.

Văn chữ của “*Son Hải Kinh*” khá giản gọn, giải thích khó khăn, nội dung tản mạn, không thành hệ thống, như đập vàng rơi bàn ngọc, nếu như có thể thêm phá giải, thì đối với nghiên cứu lịch sử Trung Quốc thời thượng cổ có ý nghĩa cực lớn.

Các học giả ngày nay như tiên sinh Mã Xương Nghi đã khôi phục lại mục diện chân thật của “*Son Hải Kinh*”, cấp cho độc giả và người nghiên cứu được tường lãm một bộ vốn báu của thời xưa, có xét thưởng, thu tàng và giá trị nghiên cứu học thuật thật chân chính, năm lịch số khổ công, sưu tập đến 10 loại cổ bản “*Son Hải Kinh*” thời Minh – Thanh, thu thập nhiều hơn 2000 bức vẽ, lại tinh tuyển có 1000 bức, đem vào chỉnh sửa, nghiên cứu, giải thuyết, cuối cùng thành tựu được “*Cổ bản Son Hải Kinh đồ thuyết*”.

1. NAM SƠN KINH (南山經)

“Nam Sơn Kinh” ở đầu là Thử Sơn 鵠山. Đầu nơi đó là núi Chiêu Diêu 招瑤, đặt ở trên vùng Tây Hải 西海. Lắm cây quế (một loại cây dùng làm thuốc), nhiều vàng ngọc. Có loài cỏ, dạng nó như rau hẹ mà hoa xanh, tên nó là *chúc dư* 祝餘, ăn vào thì không đói. Có loài cây, dạng nó như cây cóc (một loại cây dùng làm giấy) mà vân đen, hoa nó chiếu bên bên, tên nó là *mê cốc* 迷穀, mang vào người thì không mê. Có loài thú, dạng nó như con „ngư" (một loài vượn đuôi dài) mà tai trắng, lúc náu lúc đi như người đi vậy, tên nó là *ting ting* 狴狴, ăn vào thì chạy tốt. Có dòng nước Lệ Lộ 麗 [鹿/旨] chảy ra, dòng chảy về hướng tây trút vào biển, trong đó có nhiều loài *dục bá* 育沛, mang vào thì không bị bệnh nổi hòn (trong bụng).



Chúc dư



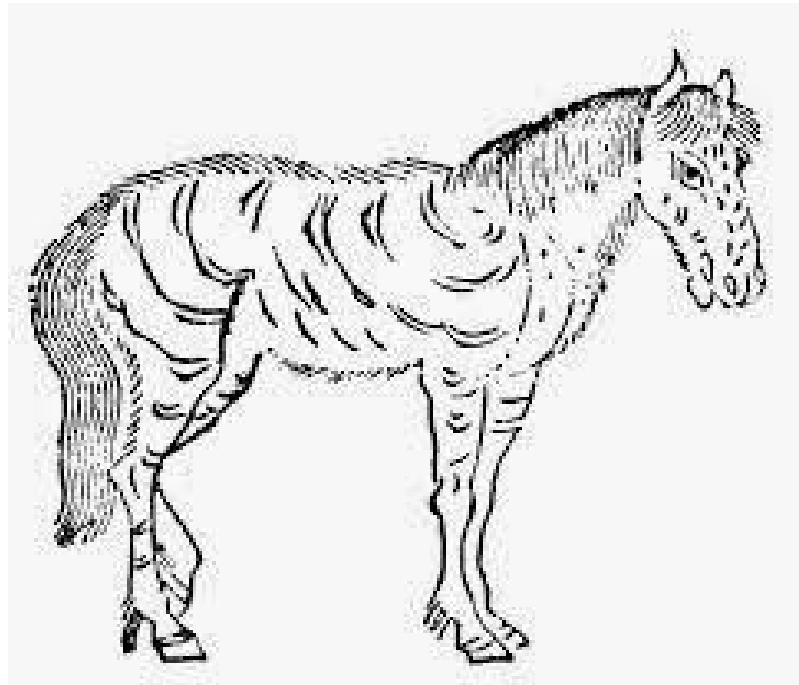
Tinh Tinh

Lại hướng đông 300 dặm là hòn núi Đường Đình 堂庭, có vàng và cây, nhiều loài vượn trắng, nhiều thủy ngọc, nhiều vàng ròng.

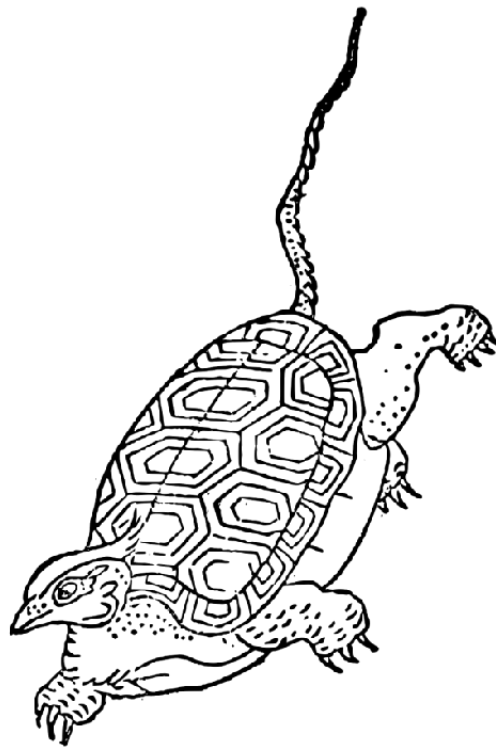
Lại hướng đông 380 dặm là hòn núi Viên Dực 猿翼. Trong đó nhiều quái thú, nước nhiều cá lạ. Nhiều ngọc trắng, nhiều phúc trùng (một loại rắn độc), nhiều rắn lạ, không thể lên phía trên được.

Lại hướng đông 370 dặm là hòn núi Nữ Dương 柩陽. Mặt nồm có nhiều vàng đỏ, mặt bắc có nhiều vàng trắng. Có loài thú, dạng nó như con ngựa mà đầu trắng, vằn nó như con hổ mà đuôi màu đỏ, tiếng kêu như tiếng hát, tên nó là *lộc thực* 鹿蜀, mang vào thì hòa hợp con cháu. Có dòng nước lạ chảy ra, mà chảy về đông rót vào nước sông Hiến Dực 憲翼, trong nước nhiều loài cá màu đen tuyền, dạng nó như con rùa mà đầu chim đuôi rắn „hủy" (một loại rắn độc), tên nó là *toàn quy* 旋龜, tiếng của nó như gõ vào cây, mang vào thì không điếc, có thể dùng làm bệ nền.

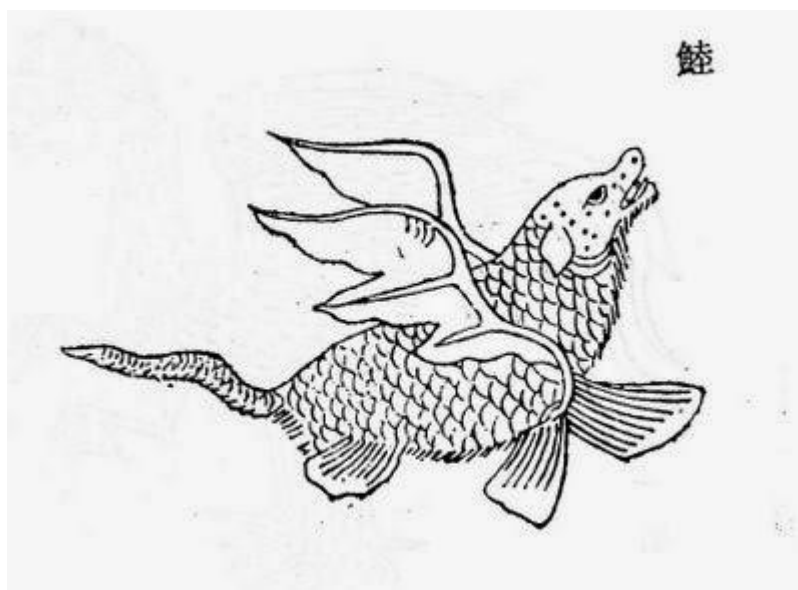
Lại hướng đông 300 dặm là Đê Sơn 柢山, nhiều nước, không cỏ cây. Có loài cá, dạng nó như con trâu, sống ở gò đất, đuôi rắn mà có cánh, đuôi nó ở tại dưới (0) (chỗ này nguyên văn ghép từ chữ “ngư” 魚 và “khứ” 去, không rõ chữ gì), tiếng kêu như con trâu „luu" (không rõ loại trâu gì), tên nó là *lục* 鱮, chết đi rồi sống lại, ăn vào thì không bị bệnh phù thũng.



Lộc thục



Toàn quy



Lục

Lại hướng đông 300 dặm là hòn núi Đản Viên 亶爰. Nhiều nước, không có cây, không thể đi lên được. Có loài thú, dạng nó như con mèo rừng mà có lông mao, tên nó là *loại* 類, tự làm con đực con cái, ăn vào thì không gan ghét.



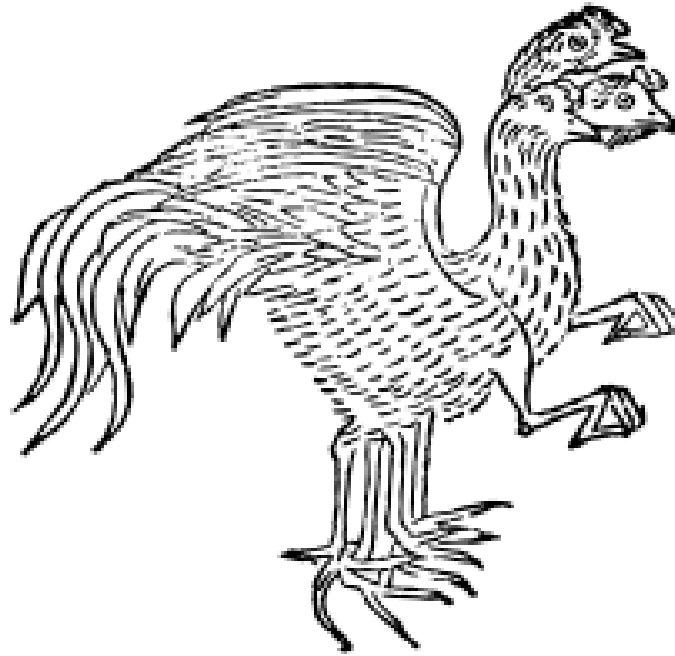
Loại

Lại hướng đông 300 dặm là Cơ Sơn 基山, nó như có nhiều ngọc, mặt bắc

nhiều cây lạ. Có loài thú, dạng nó như con dê, chín đuôi, bốn tai, mắt nó ở lưng, tên nó là chuyên dã 獬豸, mang vào thì sợ sệt. Có loài chim, dạng nó như con gà mà ba đầu, sáu mắt, sáu chân, ba cánh, tên nó là thượng phó [●], ăn vào thì không nằm được.



Chuyên dã

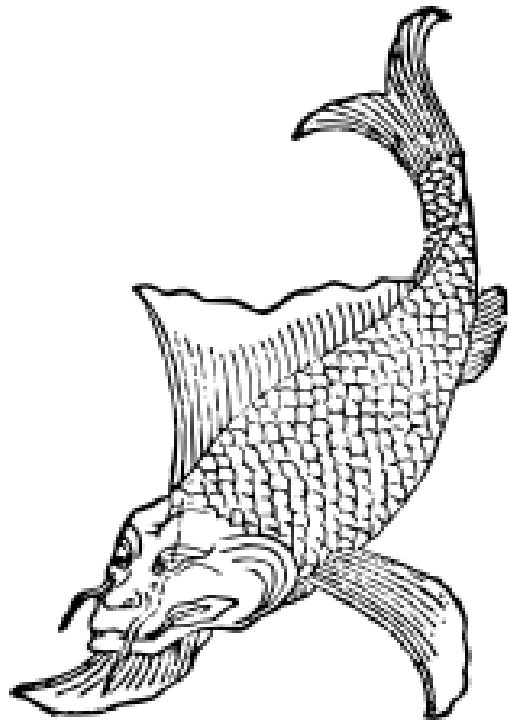


Thượng phó

Lại hướng đông 300 dặm là hòn núi Thanh Khâu 青丘. Mặt nôm nhiều ngọc, mặt bắc nhiều đá *thanh hoạch* 青腹. Có loài thú, dạng nó như con cáo mà chín đuôi, tiếng nó như trẻ sơ sinh, có thể ăn thịt người, người ăn vào thì không bị ngải yếm. Có loài chim, dạng nó như chim cưu (một loại chim họ bồ câu), tiếng nó giống kêu „a", tên là *quán quán* 灌灌, mang vào thì không mê hoặc nữa. Sông Anh Thủy 英水 chảy ra, dòng chảy hướng nam rút vào đầm Tức Lưu 即流, trong đó nhiều loài *xích nhụ* 赤鱗 (một loài cá lạ), dạng nó như con cá mà mặt người, tiếng nó như chim uyên ương, ăn vào thì không bị lác.



Cáo chín đuôi



Xích nhu



Quán quán

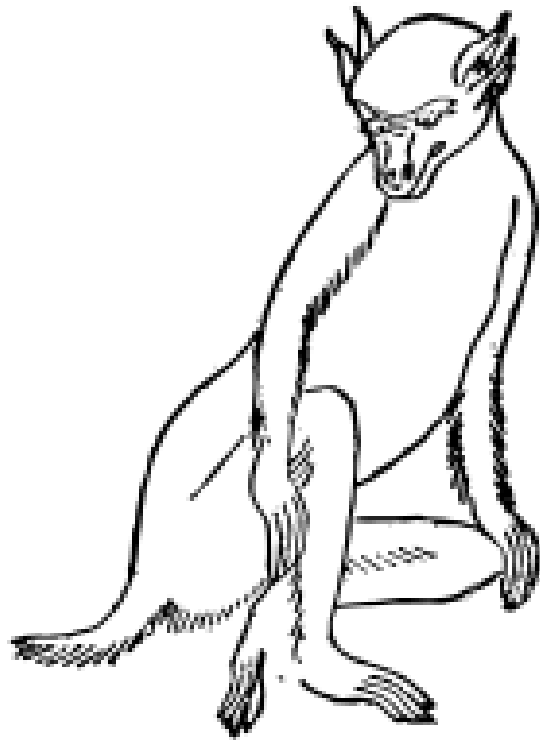
Lại hướng đông 350 dặm là hòn núi Ki Vĩ 箕尾, từ mặt đuôi chân đó ở về Đông Hải 東海, nhiều sỏi cát. Sông Hán Thủy 漢水 chảy ra, mà dòng chảy hướng nam rót về Dục Thủy 涑水, trong đó có nhiều ngọc trắng.

Phạm ở đầu Thử Sơn, từ hòn núi Chiêu Diêu để đến hòn núi Ki Vĩ, phạm có 10 núi, 2"950 dặm, thần ở đó dạng đều thân chim mà đầu rồng, lễ tế vị đó: lông mao, dùng một ngọc chông chôn xuống, gạo cúng dùng gạo lúa nếp, một bích, gạo thóc, đá oánh trắng làm chiếu.

“Nam kinh thứ hai” ở đầu là Cử Sơn 柜山, phía tây đến Lưu Hoàng 流黃, phía bắc nhìn thấy các (0 – [凶比] – [tín bỉ]) (không rõ là gì), phía đông nhìn thấy Trường Hữu 長右. Sông Anh Thủy đi ra, chảy về tây nam trút vào Xích Thủy 赤水. Trong đó nhiều ngọc trắng, nhiều lúa tẻ đỏ. Có loài thú, dạng như con heo sữa, có cựa, tiếng nó như chó sữa, tên nó là *li lực* 狸力, thấy được thì huyện đó nhiều động đất. Có loài chim, dạng nó như con cú tai mèo mà tay người, tiếng nó như tê liệt, tên nó là *chu* 鵠, tên nó tự hô vậy, thấy được thì huyện đó phần nhiều bỏ đất.



Chu



Trùng hũu

Hướng đông nam 450 dặm là hòn núi Trường Hữu, không cỏ cây, nhiều nước. Có loài thú, dạng nó như vượn „ngu" mà bốn tai, tên là *trường hữu*, tiếng nó như rên rĩ, thấy được thì quận huyện nước to.

Lại hướng đông 340 dặm là hòn núi Nghiêu Quang 堯光, mặt nôm nhiều ngọc, mặt bắc nhiều vàng. Có loài thú, dạng nó như người mà lông bờm lợn, sống ở huyết mà ăn nấu mùa đông, tên nó là *hoạt hoài* 猾褢, tiếng nó như đăn cây, thấy được thì huyện đó có điềm tốt lớn.



Hoạt hoài

Lại hướng đông 350 dặm là Vũ Sơn 羽山, dưới đó nhiều nước, ở trên nhiều mưa, không cỏ cây, lắm phúc trùng.

Lại hướng đông 370 dặm là hòn núi Cù Phụ 瞿父, không cỏ cây, nhiều vàng ngọc.

Lại hướng đông 400 dặm là hòn núi Câu Dư 句余, không cỏ cây, nhiều vàng ngọc.

Lại hướng đông 500 dặm là hòn núi Phù Ngọc 浮玉. Phía bắc nhìn ra Cự Khu 具區, phía đông nhìn ra các [凶比 - tín bỉ]. Có loài thú, dạng nó như

con hổ mà đuôi trâu, tiếng nó như chó tru, tên nó là *trê* 𧀂, ăn thịt người. Sông Điều Thủy 苕水 đi ra về mặt bắc, chảy hướng bắc đến với Cự Khu, trong đó nhiều loài cá *thự* 鯪.



Trê

Lại hướng đông 500 dặm là Thành Sơn 成山, bốn phương mà ba đàn, ở trên nhiều vàng ngọc, ở dưới nhiều đá hoạch xanh. Sông (0 – không rõ chữ gì) Thủy đi ra, mà chảy hướng nam trút vào Hô Chước 虬勺, trong đó nhiều vàng ròng.

Lại hướng đông 500 dặm là hòn núi Hội Kê 會稽, bốn phương. Trên đó nhiều vàng ngọc, ở dưới nhiều đá *thạch phu* 石夫. Sông Chước Thủy 勺水 đi ra, mà chảy hướng nam vào Xổ 溟.

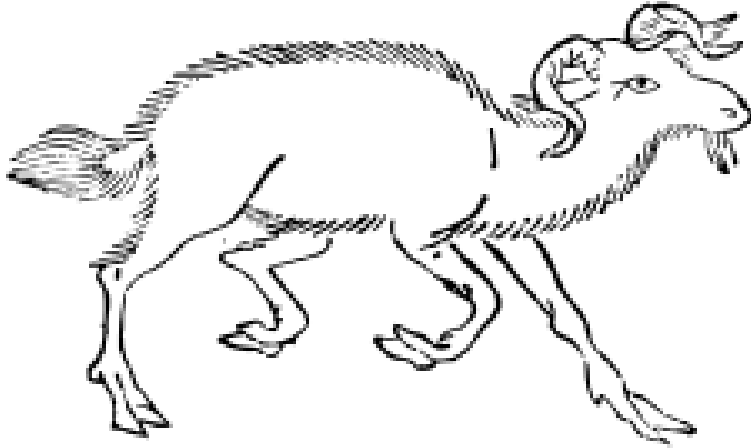
Lại hướng đông 500 dặm là Di Sơn 夷山. Không cỏ cây, nhiều sỏi cát. Sông Xổ Thủy chảy ra, mà chảy hướng nam trút vào Liệt Đồ 列塗.

Lại hướng đông 500 dặm là hòn núi Bộc Câu 僕勾, trên đó nhiều vàng ngọc, ở dưới nhiều cỏ cây. Không chim thú, không có nước.

Lại hướng đông 500 dặm là hòn núi Hàm Âm 咸陰, không cỏ cây, không có nước.

Lại hướng đông 400 dặm là Tuân Sơn 洵山. Theo đó nhiều vàng, mặt bắc nhiều ngọc. Có loài thú, dạng nó như con dê mà không có miệng, không thể

giết được, tên nó là *hoạn* 羗. Sông Tuân Thủy chảy ra, mà chảy hướng nam trút vào đầm Át 闕, trong đó nhiều con *ti lỏa* 芘羸.



Hoạn

Lại hướng đông 400 dặm là hòn núi Hô Chước, trên đó nhiều cây tử nam (loại cây dài hơn mười trượng có lá hình bầu dục, dùng để làm cột nhà hoặc đồ gỗ), dưới đó nhiều cây kinh kỉ (Kinh là loại cây bụi dại mọc khắp đường xá đồng hoang, Kỉ là loại cây lấy gỗ làm vật dụng hoặc để đóng quan tài). Sông Bàn Thủy 滂水 đi ra, mà chảy hướng đông trút vào biển.

Lại hướng đông 500 dặm là hòn núi Khu Ngô 區吳, không có cây, nhiều sỏi cát. Sông Lộc Thủy 鹿水 đi ra, rồi chảy hướng nam trút vào Bàn Thủy.

Lại hướng đông 500 dặm là hòn núi Lộc Ngô 鹿吳, ở trên không có cây, nhiều vàng đá. Nước sông Trạch Canh 澤更 đi ra, rồi chảy hướng nam trút vào Bàn Thủy. Nước có loài thú, tên là *cổ điêu* 蠱雕, dạng nó như chim điêu hâu mà có sừng, tiếng nó như tiếng kêu trẻ sơ sinh, ăn thịt người.



Cổ điêu

Hướng đông 500 dặm là hòn núi Tất Ngô 漆吳, không có cây, nhiều đá *bác thạch* 博石. Xứ ở Đông Hải, nhìn ra Khâu Sơn 丘山, ánh sáng truyền ra truyền vào, là thứ *duy nhật* 惟日.

Phàm ở đầu “Nam Kinh thứ hai”, từ Cử Sơn đến hòn núi Tất Ngô, phàm có 17 núi, 7"200 dặm. Thần ở đó dạng đều thân rồng mà đầu chim, tế thần: lông mao, dùng một bích chôn xuống, gạo cúng dùng lúa nếp.

“Nam Kinh thứ ba” ở đầu, là hòn núi Thiên Ngu 天虞. Trên đó nhiều nước, không thể đi lên được. Hướng đông 500 dặm là hòn núi Đảo Quá 禱過, trên đó nhiều vàng ngọc, ở dưới nhiều loài tê giác, lăm voi. Có loài chim, dạng nó như chim „giao" mà đầu trắng, ba chân, mặt người. Tên nó là *cù như* 瞿如, tiếng hót như tiếng gào. Sông Ngân Thủy 浪水 đi ra, rồi chảy hướng nam rót vào biển. Trong đó có con *hổ giao* (虎蛟, một giống thường luồng), dạng nó thân cá mà đuôi rắn, tiếng nó như chim uyên ương, ăn vào thì không bị phù thũng, có thể khỏi bệnh trĩ (loại bệnh loét nhọt ở hậu môn).



Cù như

Lại hướng đông 500 dặm là hòn núi Đan Huyết 丹穴, ở trên nhiều vàng ngọc. Sông Đan Thủy 丹水 đi ra, rồi chảy hướng nam trút vào Bột Hải 渤海. Có loài chim, dạng nó như con gà, năm màu mà có vằn, tên là *phượng hoàng* 鳳皇, vằn ở đầu là chữ “đức” 德, vằn ở cánh là chữ “nghĩa” 義, vằn ở lưng là chữ “lễ” 禮, vằn ở ngực là chữ “nhân” 仁, vằn ở bụng là chữ “tín” 信. Đó là giống chim ăn uống tự nhiên, tự ca tự múa, thấy được thì thiên hạ yên ổn.



Phượng hoàng

Lại hướng đông 500 dặm là hòn núi Phát Sáng 發爽, không cỏ cây, nhiều nước, nhiều vượn trắng. Sông Phàm Thủy 汎水 đi ra, rồi chảy hướng nam trút vào Bột Hải.

Lại hướng đông 400 dặm đến về phần đuôi núi Mao Sơn 旄山, mặt nam có cái hang gọi là Dục Di 育遺, nhiều chim lạ, gió ấm từ đó đi ra.

Lại hướng đông 400 dặm, đến về đầu núi Phi Sơn 非山, trên đó nhiều vàng ngọc, không có nước, ở dưới lắm phúc trùng.

Lại hướng đông 500 dặm là hòn núi Dương Giáp 陽夾. Không cỏ cây, nhiều nước.

Lại hướng đông 500 dặm là hòn núi Quán Tương 灌湘. Trên có nhiều cây, không có cỏ, lắm chim lạ, không có thú.

Lại hướng đông 500 dặm là Kê Sơn 雞山, trên đó nhiều vàng, dưới đó nhiều đá phẩm *đan hoạch*. Sông Hắc Thủy 黑水 đi ra, rồi chảy hướng nam rót vào biển, trong đó có nhiều cá *chuyên* 鱓, dạng nó như cá giếc mà đuôi lợn, tiếng nó như heo sữa, thấy được thì thiên hạ đại hạn.

Lại hướng đông 400 dặm là hòn núi Lệnh Khâu 令丘, không cỏ cây, nhiều lửa. Mặt nam có cái hang gọi là Trung Cốc 中谷, gió thông từ đó ra. Có loài chim, dạng nó như mềm mại, mặt người, bốn mắt mà có tai, tên nó là *ngung* 鬲, tiếng hót tự gào, thấy được thì thiên hạ đại hạn.



Ngung

Lại hướng đông 370 dặm là hòn núi Lôn Giả 侖者, trên đó nhiều vàng ngọc, ở dưới nhiều đá *thanh hoạch*. Có loài cây, dạng nó như cây cóc mà viền đỏ, mồ hôi nó như sơn đen, mùi vị ngòn ngọt, ăn vào thì không đói, có thể dùng để giải mệt, tên nó là *bạch cữu* 白[卅/咎], có thể dùng huyết ngọc. Lại hướng đông 580 dặm là hòn núi Ngu Cảo 禺[高/木], nhiều quái thú, lắm rắn lớn.

Lại hướng đông 580 dặm, là núi Nam Ngu 南禺 này. Trên đó nhiều vàng ngọc, ở dưới nhiều nước. Có ổ huyết, nước chảy xối vào, mùa hè chảy ra, mùa đông đóng lại. Sông Tá Thủy 佐水 đi ra, rồi chảy hướng đông nam rót vào biển, có chim phượng hoàng, chim uyên sồ.

Phàm ở đầu “Nam dĩ thứ ba”, tự hòn núi Thiên Ngu đi đến hòn núi Nam Ngu, phàm có 14 núi, 6"530 dặm. Thân ở đó đều thân rồng mà mặt người, tế thân đều cúng một con chó trắng, gạo cúng dùng lúa nếp.

Kể chép về gần kề Nam Kinh, lớn nhỏ phàm 40 núi, 16"380 dặm.

2. TÂY SƠN KINH (西山經)

“Tây Sơn Kinh” ở đầu Hoa Sơn 華山 là hòn núi Tiền Lai 錢來. Trên đó lắm cây thông, dưới có nhiều đá tủy¹. Có loài thú, dạng nó như con dê mà đuôi ngựa, tên là *hàm dương*² 羴羊, mỡ của nó có thể dùng phơi khô.



Hàm dương.

Hướng tây 45 dặm là hòn núi Tùng Quả 松果, sông Hoạch Thủy 濩水 đi ra, chảy hướng bắc trút vào sông Vị 渭 (thuộc tỉnh Cam Túc, TQ). Trong đó có nhiều đồng. Có loài chim, tên nó là *điều cừ* [蟲鳥]渠, dạng nó như con gà núi, thân đen chân đỏ, có thể lấy chữa khỏi nứt da.

Hướng tây 10 dặm là hòn núi Thái Hoa³ 太華. Mòn vót thành xong mà hiện bốn phương, nó cao 5000 nhận (1 nhận bằng 8 thước, chừng sáu thước bốn tấc tám phân bây giờ), nó rộng 10 dặm, chim thú tuyệt chẳng sinh sống. Có loài rắn, tên là *phì di* 肥[蟲遺], sáu chân bốn cánh, thấy được thì thiên hạ đại hạn.



Rắn Phì di.

Lại hướng tây 80 dặm là hòn núi Tiêu Hoa 小華, cây ở đó nhiều loài kinh và kì, thú ở đó có nhiều loài trâu *tạc* [牛乍]. Mặt bắc nhiều đá *khánh* 磬, mặt nồm nhiều loại ngọc *du phù* [王蠡] 瑀.

Chim có nhiều loài *xích tế* 赤鷲, có thể ngăn được lửa. Cỏ ở đáy có *tì lệ* 萆荔, dạng nó như rau họ đen, mà sinh ở trên đá, cũng leo rìa cây mà sinh, ăn vào thì khỏi được bệnh tim.

Lại hướng tây 80 dặm là hòn núi Phù Ngu 符禺, mặt nồm nhiều đồng, mặt bắc nhiều sắt. Trên đó có loài cây, tên là *văn hành* 文荃, nó thật giống cây táo, có thể chữa khỏi điếc tai. Cỏ ở đó nhiều loài *điều* 條, dạng nó như đài hoa quỳ, mà hoa đỏ quả vàng, như lưỡi em bé, ăn vào có thể khiến người không bị mê hoặc. Sông Phù Ngu đi ra, chảy hướng bắc trút vào sông Vị. Thú ở đó nhiều loài *thông lung* 蔥蘢, dạng nó như con dê mà râu đỏ. Chim ở đó nhiều loài *mân* [民鳥], dạng nó như ngọc thúy mà mỏ đỏ, có thể chống lửa.



Thông lung.

Lại hướng tây 60 dặm là hòn núi Thạch Thúc 石脆. Cây ở đó nhiều loài cây cọ cây nam. Cỏ ở đó nhiều loài điều, dạng nó như rau họ, mà hoa trắng quả đen, ăn vào khỏi bị ghẻ lác. Mặt nôm nhiều loại ngọc dư phù, mặt bắc nhiều đồng. Sông Quán Thủy 灌水 đi ra, rồi chảy hướng bắc trút vào sông Ngu Thủy 禺水, trong đó có dòng chảy, đem bơi lên trâu ngựa thì không bị bệnh. ướng tây 70 dặm là Anh Sơn 英山. Trên đó nhiều cây *nữ cương* 柎樞, mặt bắc nhiều sắt, mặt nôm nhiều vàng đỏ. Sông Ngu Thủy đi ra, chảy hướng bắc trút vào sông Chiêu Thủy 招水, ở trong có nhiều cá *bạng* [魚豐], dạng nó như con ba ba mà tiếng như con dê. Mặt nôm có nhiều *tiễn mị* 箭[竹媚], thú ở đó nhiều trâu tạc, dê hàm dương. Có loài chim, dạng nó như chim cun cút, thân vàng mà mỏ đỏ, tên nó là *phì di* 肥遺, ăn vào khỏi hủi độc, có thể đem giết sâu bọ.

Lại hướng tây 52 dặm là Trúc Sơn 竹山. Trên đó nhiều cây cao, mặt bắc nhiều sắt. Có loài cỏ, tên nó là *hoàng quán* 黄藿, dạng nó như cây sù, lá nó như đay, hoa trắng mà quả đỏ, dạng nó như đỏ tía, gột tẩm khỏi được ghẻ lác, lại có thể khỏi bệnh phù trứng. Sông Trúc Thủy đi ra, chảy hướng bắc trút vào sông Vị, mặt nôm nhiều tre trúc, lấm ngọc xanh. Sông Đan Thủy 丹水 đi ra, chảy hướng đông nam trút vào sông Lạc Thủy 洛水, bên trong

nhiều thủy ngọc, lắm cá hình người. Có loài thú, dạng nó như heo sữa mà lông trắng, lông to như trâm cài mà mỗi lông đen, tên là *hào trệ* 豪歲.

Lại hướng tây 120 dặm là Phù Sơn 浮山, nhiều cây phán, lá cây chỉ mà không gây tổn thương (lá cây chỉ rất sắc bén), cây có loài trùng cư ngụ. Có loài cỏ, tên là *huân thảo* 薰草, lá đay gai mà cọng thẳng thóm, hoa đỏ mà quả đen, mùi như cỏ *mi vu* (靡蕪, một loại cỏ thơm), mang vào có thể khỏi bệnh hủi.



Huân thảo.

Lại hướng tây 70 dặm là hòn núi Du Thứ 渝次, sông Tát Thủy 漆水 đi ra, chảy hướng bắc trút vào sông Vị. Trên đó nhiều cây vực cương (loại cây có thể dùng để chưng cất rượu), ở dưới nhiều tre trúc, mặt bắc nhiều đồng đỏ, mặt nồm lắm loại ngọc *anh viên* 嬰垣. Có loài thú, dạng nó như vượn đuôi dài thì tay dài, đầu to, tên là *hiêu* 黠. Có loài chim, dạng như con *niều* (裊, một loại mèo đầu chim ưng), mặt người mà một chân, tên là *thác phi* 橐[非/巴], mùa đông thấy còn mùa hạ ẩn, đeo vào thì không sợ sét.

Lại 450 dặm là Thì Sơn 時山, không cỏ cây, sông Trục Thủy 逐水 đi ra, chảy hướng bắc trút vào sông Vị. Trong nước nhiều thủy ngọc.

Lại hướng tây 170 dặm là Nam Sơn 南山, trên nhiều lúa tẻ đỏ son. Sông Đan Thủy đi ra, chảy hướng bắc trút vào sông Vị. Loài thú có nhiều con báo dữ, loài chim nhiều con *thi cưu* 尸鳩.

ướng tây 180 dặm là hòn núi Đại Thì 大時. Trên nhiều cây cóc và cây tạc (loại cây dùng làm lược chải đầu), dưới nhiều cây nữ và cây cương. Mặt

bắc nhiều bạc, mặt nổi nhiều bạch ngọc. Sông Sâm Thủy 涿水 đi ra, chảy hướng bắc trút vào sông Vị. Sông

Thanh Thủy 清水 đi ra, chảy hướng nam trút vào sông Hán Thủy 漢水.

Lại hướng tây 320 dặm là hòn núi Phan Trung 幡冢. Sông Hán Thủy đi ra, rồi chảy hướng đông nam trút vào sông Miện (沔, một con sông ở tỉnh Thiểm Tây, TQ); sông Hiêu Thủy 囂水 đi ra, chảy hướng bắc trút vào sông Thang Thủy 湯水. Trên đó nhiều cảnh đào và cây *câu đoan* (鉤端, một loại cây cũng thuộc họ đào), thú có nhiều loài tê giác và gấu to, chim nhiều loài gà núi trắng và chim trĩ đỏ. Có loài cỏ, lá nó như hoa huệ, gốc nó như cỏ *kết ngạnh* (桔梗, một loài cỏ dùng làm thuốc), hoa đen mà không có quả, tên là *cốt dung* 葍蓉, ăn vào sẽ khiến người không có con.

Lại hướng tây 350 dặm là hòn núi Thiên Đế 天帝. Trên nhiều cây cọ và cây nữ, dưới nhiều cỏ gian và hoa huệ. Có loài thú, dạng nó như con chó, tên nó là *khê biên* 谿邊, ngồi trên da của nó thì không bị ngải độc. Có loài chim, dạng nó như chim cun cút, vằn đen mà lông cổ đỏ, tên là *lịch* 櫟, ăn vào thì khỏi bệnh trĩ. Có loài cỏ, dạng nó như cỏ quỳ, mùi nó như cỏ thom mi vu, tên là *đỗ hành* 杜蘅, có thể làm ngựa chạy nhanh (nếu ăn nó), ăn vào thì khỏi u bướu.



Đỗ hành.

Lại hướng nam 380 dặm là hòn núi Cao Đồ 皋塗. Sông Tường Thủy 蓄水 đi ra, chảy hướng tây trút vào dòng sông Chư Tư 諸資; sông Đồ Thủy 塗水 đi ra, chảy hướng nam trút vào dòng sông Tập

Hoạch 集获. Mặt nôm nhiều lúa tễ son, mặt bắc nhiều bạc và vàng ròng, ở trên nhiều cây quế. Có loại đá trắng, tên nó là *dự* 譽, có thể làm thuốc độc chuột. Có loài cỏ, dạng nó như cỏ *cảo bạt* (稂芨, một loài cỏ thơm), lá nó như lá quỳ mà đằng sau đỏ, tên là *vô điều* 無條, có thể làm thuốc độc chuột. Có loài thú, dạng nó như con hươu mà đuôi trắng, móng ngựa tay người mà bốn sừng, tên là *quặc như* 獲如. Có loài chim, dạng nó như cú tai mèo mà chân người, tên là *sổ tư* 數斯, ăn vào khỏi u bướu.



Sổ tư.

Lại hướng tây 180 dặm là Hoàng Sơn 黄山. Không cỏ cây, nhiều tre trúc. Sông Phán Thủy 盼水 đi ra, chảy hướng tây trút vào Xích Thủy 赤水, trong đó nhiều ngọc. Có loài thú, dạng nó như con trâu, mà mắt to màu xanh đen, tên nó là *mẫn* [敏牛]. Có loài chim, dạng nó như cú vọ, cánh xanh mỏ đỏ, lưỡi có thể nói như người, tên là *anh mẫu* 鸚[母鳥].

Lại hướng tây 200 dặm là Thúy Sơn 翠山. Trên đó nhiều cây cọ và cây nữ, ở dưới lắm tre trúc, mặt nôm nhiều vàng ròng và ngọc, mặt bắc nhiều loài bò mao, linh dương, hươu xạ; chim ở đó nhiều loài *điệp* 鷗, dạng nó như chim khách, màu đỏ đen mà hai đầu bốn chân, có thể đem chống lửa.

Lại hướng tây 250 dặm là Quy Sơn 隗山, nó đậu ở tại Tây Hải.

Không có cây, lắm ngọc. Sông Thê Thủy 淒水 đi ra, chảy hướng tây rót vào biển. Trong nước nhiều đá màu, vàng ròng, lắm lúa tễ son.

Tổng cộng “Tây Kinh” đứng đầu, từ hòn núi Tiên Lai đến núi Quy Sơn, gồm 19 núi, 2"957 dặm. Nhà thờ ở Hoa Sơn, lễ để cúng thần: thái xa (bò, dê, lợn). Thần ở Du Sơn, cúng tế dùng đuốc, trai giới 100 ngày rồi dùng con muông (để tế), dùng ngọc du chôn xuống, nước dùng là 100 chén rượu, đeo theo trăm ngọc khuê và trăm ngọc bích. Ngoài ra tế ở 17 núi khác, đều là lông trâu, dùng một con dê cúng tế. Đuốc thì lấy trăm loại cỏ chưa bị cháy tro, chiếu trắng sắc màu phải thuần.

“Tây Kinh thứ hai” ở đầu là Kiềm Sơn 鈐山. Trên đó nhiều đồng, dưới đó lắm ngọc. Cây ở đó nhiều loài nữ cương.

Hướng tây 200 dặm là hòn núi Thái Mạo 泰冒. Mặt nôm nhiều ngọc, mặt bắc nhiều sắt. Sông Dục Thủy 浴水 đi ra, chảy hướng đông rót vào sông ngòi, trong nước lắm tảo ngọc, nhiều rắn trắng.

Lại hướng tây 170 dặm là hòn núi Số Lịch 數歷. Trên đó nhiều vàng ròng, ở dưới nhiều bạc, cây ở đó lắm nữ cương. Chim ở đó nhiều loài anh mầu (vẹt). Sông Sở Thủy 楚水 đi ra, chảy hướng nam trút vào sông Vị, trong nước nhiều ngọc châu trắng.

Lại hướng tây 150 dặm là Cao Sơn 高山. Trên đó nhiều bạc, ở dưới nhiều ngọc bích xanh, hùng hoàng (một loại đá ngọc), cây ở đó nhiều cây cọ, cỏ ở đó nhiều loài trúc. Sông Kinh Thủy 涇水 đi ra, chảy hướng đông trút vào sông Vị, trong nước nhiều đá khánh, ngọc bích xanh.

Hướng tây nam 300 dặm là hòn núi Nữ Sàng 女床. Mặt nôm nhiều đồng đỏ, mặt bắc nhiều đá nhuộm, thú ở đó nhiều hổ báo tề giác. Có loài chim, dạng nó như chim trĩ mà văn năm màu, tên là *loan điểu* 鸞鳥, thấy được thì thiên hạ yên ổn.



Loan điều.

Lại hướng tây 200 dặm là hòn núi Long Thủ 龍首. Mặt nôm nhiều vàng ròng, mặt bắc nhiều sắt. Sông Điều Thủy 苕水 đi ra, chảy hướng đông nam trút vào Kinh Thủy, trong nước nhiều ngọc đẹp.

Lại hướng tây 200 dặm là hòn núi Lộc Đài 鹿台. Trên đó nhiều bạch ngọc, ở dưới nhiều bạc. Thú ở đó nhiều trâu tạc, hàm dương, bạch hào (loài lợn lông trắng). Có loài chim, dạng nó như gà trống mà mặt người, tên là *phù hê* 鶡, tiếng nó như tự kêu vậy, thấy được thì có chiến tranh.

Hướng tây nam 200 dặm là hòn núi Điều Nguy 鳥危. Mặt nôm nhiều đá khánh, mặt bắc nhiều cây đàn và cây chử (dùng làm giấy), trong đó nhiều cỏ nữ sàng. Dòng sông Điều Nguy đi ra, chảy hướng tây trút vào sông Xích Thủy, trong nước nhiều lúa tễ sơn.

Lại hướng tây 400 dặm là hòn núi Tiểu Thứ 小次. Trên đó lắm bạch ngọc, dưới đó nhiều đồng đỏ. Có loài thú, dạng nó như con vượn, mà đầu trắng chân đỏ, tên là *chu yêm* 朱厭, thấy được thì thiên hạ chiến loạn to.

Lại hướng tây 400 dặm là hòn núi Đại Thứ 大次. Mặt nôm nhiều đất trát, mặt bắc lắm ngọc bích, thú ở đó nhiều loài trâu tạc, linh dương.

Lại hướng tây 400 dặm là hòn núi Huân Ngô 薰吳. Không cỏ cây, lắm vàng ngọc.

Lại hướng tây 400 dặm là hòn núi Đê Dương 底陽. Cây ở đó nhiều loài lúa tặc, nữ, long nã, thú ở đó nhiều tê tê, tê giác, hổ, báo, trâu tạc.

Lại hướng tây 250 dặm là hòn núi Chúng Thú 眾獸. Trên đó nhiều loại ngọc dư phù, dưới đó lắm cây đàn cây chử, nhiều vàng ròng. Thú ở đó nhiều tê giác.

Lại hướng tây 500 dặm là hòn núi Hoàng Nhân 皇人. Trên đó nhiều vàng ngọc, ở dưới nhiều hùm hoàng xanh. Sông Hoàng Thủy 皇水 đi ra, chảy hướng tây trút vào Xích Thủy, trong đó nhiều lúa tể son.

Lại hướng tây 300 dặm là hòn núi Trung Hoàng 中皇, trên đó nhiều vàng ròng, ở dưới nhiều cây huệ cây đường.

Lại hướng tây 350 dặm là hòn núi Tây Hoàng 西皇. Mặt nôm nhiều vàng ròng, mặc bắc nhiều sắt; thú ở đó nhiều con nai, hươu, trâu tạc.

Lại hướng tây 350 dặm là Lai Sơn 萊山, cây ở đó nhiều cây đàn cây chử; chim ở đó nhiều chim la la, nó ăn thịt người được.

Tổng cộng “Tây Kinh thứ hai” ở đầu, từ Kiềm Sơn đến Lai Sơn, gồm 17 núi, 4"140 dặm. Ở đó có 10 vị thần, đều mặt người mà thân ngựa. Bảy thần ở đó đều mặt người mà thân trâu, bốn chân một tay, nắm gậy mà đi, đó là vị thần thú bay. Tê thần dùng vật có lông là: thiếu xa (lợn, dê), cỏ gian trắng làm chiếu, mười bậc thần linh kia dùng vật có lông để tể là một gà trống, khi cúng thì không dùng gạo lúa (để tể), lông mao sặc sỡ.

“Tây Kinh thứ ba” ở đầu là hòn núi Sùng Ngô 崇吾. Tại sông ngòi phía nam, hướng bắc trông ra núi Trùng Toại 冢遂, hướng nam trông thấy đầm Dao 瑤, hướng tây trông thấy Thiên Đế ở vùng đồi Bác Thú 搏兽, hướng đông trông thấy Yên Uyên

[虫焉]渊. Có loài cây, lá tròn mà bầu trắng, hoa đỏ mà viền đen, quả nó giống quả cây chỉ, ăn vào thì hòa hợp con cháu. Có loài thú, dạng nó như vượn đuôi dài mà tay có vằn, đuôi báo mà đầu to, tên là *cử phụ* 舉父. Có loài chim, dạng nó như con le, mà một cánh một mắt, gặp gỡ nhau bèn bay, tên là *man man* 蠻蠻, thấy được thì thiên hạ có nước dâng to.

Hướng tây bắc 300 dặm là hòn núi Trường Sa 長沙. Sông Thử Thủy 洑水 đi ra, chảy hướng bắc trút vào sông Ưu Thủy 洑水. Không cỏ cây, nhiều hùm hoàng xanh.

Lại hướng tây bắc 370 dặm là hòn núi Bất Chu 不周. Hướng bắc trông thấy núi Chư Bì 諸毗, đến ở vùng núi Nhạc Sùng 岳崇 đằng kia. Hướng đông trông thấy đầm Thử, sông Hoàng Hà bị ẩn đi, nguồn của nó ồn ồn ào ào.

Rồi lại có quả tươi, hạt của nó như quả đào, lá như cây táo, hoa vàng mà bầu đỏ, ăn vào không còn mệt.

Lại hướng tây bắc 420 dặm là Mật Sơn 峯山. Trên đó nhiều cây son, lá tròn mà cọng đỏ, hoa vàng mà quả đỏ, vị nó giòn ngọt, ăn vào thì không đói. Sông Đan Thủy đi ra, chảy hướng tây trút vào đầm Tác 稷. Trong nước nhiều bạch ngọc, đó có cả ngọc cao. Nó vốn phọt phọt cuộn cuộn, Hoàng Đế 黃帝 bèn làm thức ăn thết đãi khách. Nơi đó còn sinh ra huyền ngọc. Ngọc cao được chảy ra, đem rưới vào cây son (nguyên văn gọi là “đan mộc”). Cây son năm tuổi, năm sắc bèn thanh sạch, năm mùi bèn tỏa ngát. Hoàng Đế bèn lấy ngọc vinh của Mật Sơn mà bỏ vào (trồng) ở mặt nôm của núi Chung Sơn 鍾山. Loại ngọc cần du (瑾瑜) làm tốt, cứng cáp tinh mật, dưới đầm bùn dơ rồi mà vẫn có ánh sáng. Năm sắc phát tác, lấy hòa cả nhu và cương. Trời đất quý thần, lấy đó làm thức ăn hưởng thụ; người quân tử mặc nó vào, có thể ngăn trừ điều chẳng lành. Từ Mật Sơn đến Chung Sơn 460 dặm, ở khoảng đó toàn là đầm nước. Nơi đó nhiều chim lạ, quái thú, cá lạ, đều là dị vật vậy.



Hoàng Đế.

Lại hướng tây bắc 420 dặm là Chung Sơn. Con (của thần Chung Sơn) là Cỗ

鼓, dạng nó là mặt người mà thân rồng, nó cùng với con Khâm (欽, loài chim lớn) giết thần Bảo Giang ở mặt nôm núi Côn Lôn 昆仑, Thiên Đế bèn giết nó ở phía đông Chung Sơn gọi là Dao Ngạn 瑶岸, Khâm (chim lớn) hóa làm con chim ngạc lớn, dạng nó như chim diều hâu mà vằn đen đầu trắng, mỏ đỏ mà móng cọp, tiếng nó như chim học gáy buổi sớm, thấy được thì có chiến loạn to. Cổ cũng hóa làm con chim *tuấn* 駿, dạng nó như cú tai mèo, chân đỏ mà mỏ trắng, vằn vàng mà đầu trắng, tiếng nó như chim học, thấy được thì xóm làng đại hạn (hạn hán lớn).

Lại hướng tây 180 dặm là hòn núi Thái Khí 泰器. Sông Quán Thủy 觀水 đi ra, chảy hướng tây trút vào sông Lưu Sa 流沙. Nơi đó nhiều cá *văn diêu* (文鯨, tục gọi cá bay), dạng nó như cá chép, thân cá mà cánh chim, vằn xanh mà đầu trắng mỏ đỏ, luôn đi đến Tây Hải, chu du đến Đông Hải, hay bay vào đêm. Tiếng nó như gà loan, vị nó chua ngọt, ăn vào thì khỏi bị điên, thấy được thì thiên hạ được mùa to.

Lại hướng tây 320 dặm là hòn núi Hòe Giang 槐江. Dòng sông Khâu Thì đi ra 丘时, rồi chảy hướng bắc trút vào sông Ưu Thủy, trong nước nhiều con tò vò mẹ, ẩn giấu nhiều ngọc lang can, vàng ròng, ngọc, mặt nôm nhiều lúa tẻ son, mặc bắc nhiều vàng ròng sắc sỡ. Quả thật nghĩ rằng (đây) là vườn bằng của Thiên Đế, thần Anh Chiêu quản, dạng thần đó thân ngựa mà mặt người, vằn cọp mà cánh chim, đi tuần ở Tây Hải, phát tiếng như tiếng rút nước. Hướng nam trông núi Côn Lôn, nơi đó ánh sáng hừng hực, khí ở đó nồng nặc. Hướng tây trông đến Đại Trạch 大澤, nơi chôn của ông Hậu Tác⁸ 后稷. Trong nước nhiều ngọc, mặt bắc có rất nhiều cây diêu (một loại cây gỗ lớn) ở sông Nhược, hướng bắc trông thấy núi Chư Bì, hòn ma quỷ quái rời Côn Lôn đến đó ở, là chốn tổ của loài chim ưng diêu. Hướng đông trông thấy bốn ngọn núi cao Hằng Sơn 恒山, ma quỷ khôn cùng đến ở đó, đều ở đồn một nơi. Rồi có sông Dâm Thủy 淫水, trong xanh bao la. Có vị thiên thần, dạng thần như con trâu, mà 8 chân 2 đầu và đuôi ngựa, tiếng kêu như *bột hoàng* (勃皇, nghĩa là nhiều người tụ tập ca xướng tấu nhạc), thấy được thì xóm làng có chiến tranh.



Thần Anh Chiêu.

Hướng tây nam 400 dặm là gò núi Côn Lôn, đó quả thật là nơi thành đô hạ giới của Thiên Đế, thần Lục Ngô 陆吾 chủ quản. Thần đó thân cọp mà chín đuôi, mặt người mà móng cọp. Đó là vị thần, quản chín bộ của trời và vườn thì của Thiên Đế. Có loài thú, dạng nó như con dê mà bốn sừng, tên là *thổ lâu* 土螻, ăn thịt người. Có loài chim, dạng nó như con ong, to như chim uyên ương, tên là *khâm nguyên* 欽原, nó đâm chích chim thú thì chết,

đâm chích cây thì héo. Có loài chim, tên là *thuần điều* 鶉鳥, nó quản trăm món thực súc của Thiên Đế. Có loài cây, dạng như cây đường, hoa vàng mà quả đỏ, vị nó như mận mà không hạt, tên là *sa đường* 沙棠, có thể đem ngăn nước, ăn vào thì khiến người không bị chìm. Có loài cỏ, tên là *tân thảo* [艸/賓]草, dạng nó như cây quỳ, vị nó như quả hành, ăn vào thì khỏi mệt. Sông Hoàng Hà đi ra, rồi chảy hướng nam trút hướng đông đi về núi Vô Đạt 無達. Sông Xích Thủy đi ra, rồi chảy hướng đông nam trút vào dòng sông Tỉ Thiên 汜天. Sông Dương Thủy 洋水 đi ra, rồi chảy hướng tây nam trút vào dòng sông Sứ Đồ 醜塗. Sông Hắc Thủy 黑水 đi ra, rồi chảy hướng tây vào sông Đại Vu 大杻, nơi đó nhiều chim thú kỳ lạ.



Thần Lục Ngô.

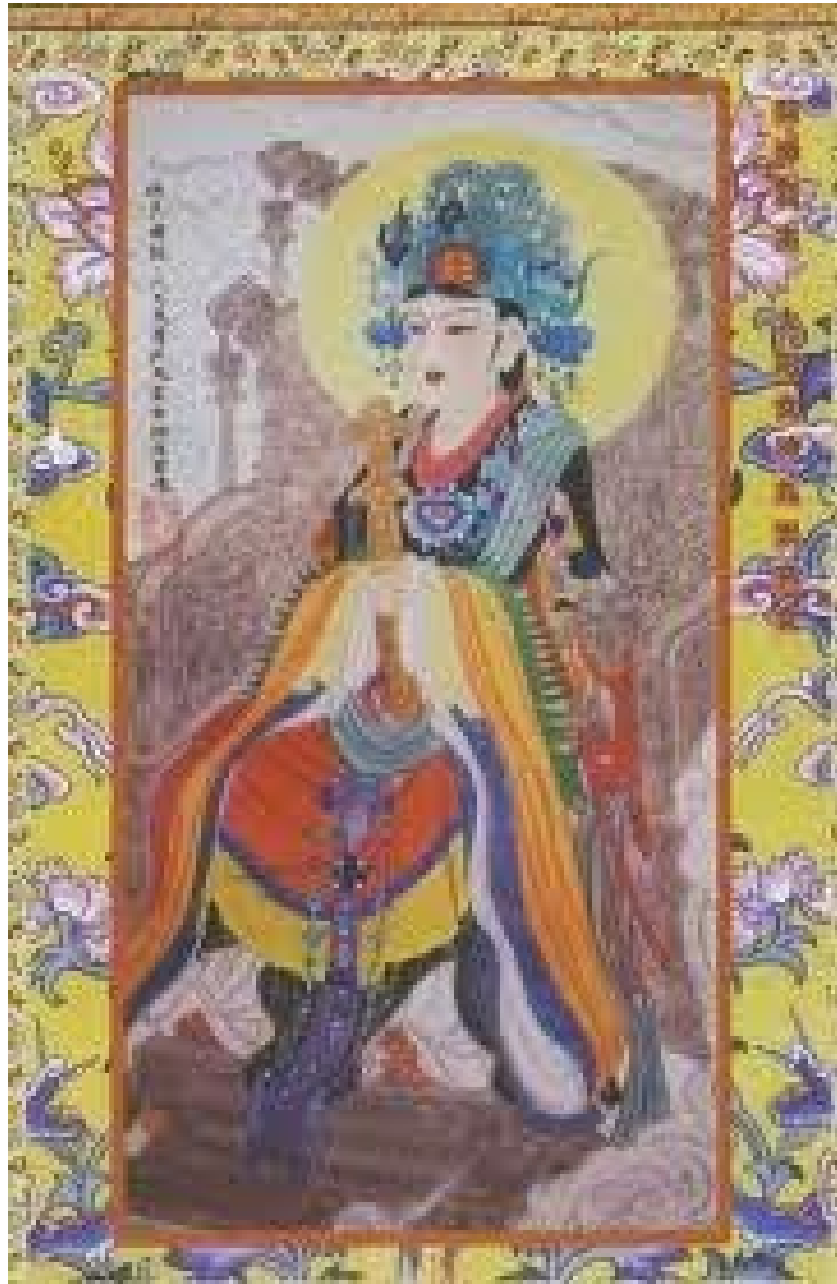


Quả cây Sa đường.

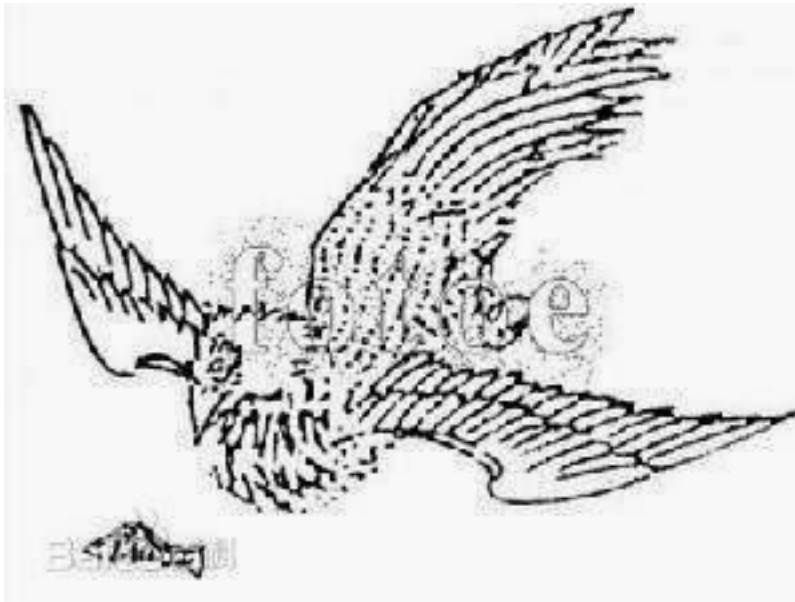
Lại hướng tây 370 dặm là hòn núi Lạc Du 樂游. Sông Đào Thủy 桃水 đi ra, chảy hướng tây trút vào đầm Tắc, nơi đó nhiều bạch ngọc. Trong nước nhiều cá *hoạt* [鱼骨], dạng nó như rắn mà có bốn chân, ăn thịt cá.

Hướng tây theo đường thủy 400 dặm là sông Lưu Sa, 200 dặm đến với hòn núi Lỏa Mẫu 羸母. Thần Trường Thừa 長乘 cai quản, đó là chín cái đức của trời. Thần đó dạng như người mà đuôi báo. Trên đó nhiều ngọc, dưới đó nhiều đá xanh mà không có nước.

Lại hướng tây 350 dặm là Ngọc Sơn 玉山, đó là nơi ở của Tây Vương Mẫu¹⁰ 西王母. Tây Vương Mẫu dạng như con người, đuôi báo răng hổ mà tiếng kêu to, tóc cỏ bông đội ngọc trắng, là chủ quản nghiêm trang trên trời và năm hình phạt tàn hại. Có loài thú, dạng nó như con chó mà vằn báo, sừng nó như con trâu, tên nó là *giảo* 狡, tiếng nó như chó sủa, thấy được thì nước đó được mùa to. Có loài chim, dạng nó như chim trĩ mà màu đỏ, tên là *thắng ngộ* 勝遇, ăn thịt cá, tiếng nó như hươu kêu, thấy được thì thiên hạ có nạn nước lớn.



Tây Vương Mẫu.



Chim Thăng ngộ.

Lại hướng tây 480 dặm là đồi núi Hiên Viên 軒轅, không cỏ cây. Sông Tuân Thủy 洵水 đi ra, chảy hướng nam trút vào sông Hắc Thủy, trong nước nhiều lúa tễ son, lấm hùng hoàng xanh.

Lại hướng tây 300 dặm là hòn núi Tích Thạch 積石, dưới đó có nhiều cửa đá, sông Hoàng Hà đổ ra chảy theo hướng tây (nam), đó là núi, muôn loài cây không gì là không có.

Lại hướng tây 200 dặm là hòn núi Trường Lưu 長留, thần ở đó là Bạch Đế Thiểu Hạo 11 cư ngụ. Thú ở đó đều có vằn ở đuôi, chim ở đó đều có vằn ở đầu. Ở đây nhiều vằn ngọc thạch, quả thật nghĩ rằng là cung điện của viên thần họ Ủy 魏. Đó là thần, chủ quản phản cảnh (tức là ánh sáng hắt xuống của mặt trời lúc lặn xuống núi).

Lại hướng tây 280 dặm là hòn núi Chương Nga 章莪. Không cỏ cây, nhiều ngọc bích dao, có những điều rất quái dị. Có loài thú, dạng nó như con báo đỏ, năm đuôi một sừng, tiếng nó như gõ vào đá, tên nó là *như tranh* 如獍. Có loài chim, dạng nó như con sếu, một chân, vằn đỏ vọc xanh mà mỏ trắng, tên là *tất phương* 畢方, tiếng hót như kêu rống, thấy được thì xóm làng có nạn lửa.



Tất phương.

Lại hướng tây 300 dặm là Âm Sơn 陰山. Dòng sông Trọc Dục 濁浴 đi ra, rồi chảy hướng nam trút vào đầm Phiên 蕃, trong nước nhiều sò vằn. Có loài thú, dạng nó như con cáo mà đầu trắng, tên là *thiên cầu* 天狗, tiếng nó như tiếng “rúu rúu”, có thể đem ngăn điềm dữ.



Thiên cầu.

Lại hướng tây 200 dặm là hòn núi Phù Dịch 符惕. Trên đó nhiều cây cọ và con tê giác, ở dưới nhiều vàng ngọc. Thần Giang Nghi 江疑 sinh sống. Đó là núi, nhiều mưa lạ, nơi mưa gió đi ra.

Lại hướng tây 220 dặm là hòn núi Tam Nguy 三危, ba loài chim xanh cư ngụ. Đó là núi, rộng tròn trăm dặm. Trên đó có loài thú, dạng nó như con trâu, thân trắng, bốn sừng, lông nó như rừ che, tên nó là *ngạo nhân* 傲[彳因], ăn thịt người đợc. Có loài chim, một đầu mà ba thân, dạng nó như chim *lạc* [樂鳥], tên nó là *si* 鴟.

Lại hướng tây 190 dặm là Quy Sơn 騏山. Trên đó nhiều ngoài mà không có đá. Thần Kì Đồng 耆童 sinh sống, tiếng kêu như chuông khánh, ở dưới nhiều một đồng rấn.

Lại hướng tây 350 dặm là Thiên Sơn 天山. Nhiều vàng ngọc, có hùng hoàng xanh. Sông Anh Thủy đi ra, rồi chảy hướng tây nam vào sông Thang Cốc 湯谷. Có vị thần, dạng như cái túi vàng, đỏ như lửa rực, sáu chân bốn cánh, mờ mịt không rõ mặt mũi, đó là vị biết ca múa, quả thật nghĩ là Đế Giang.

Lại hướng tây 290 dặm là Ưu Sơn 渝山. Thần Nhục Thu 蓐收 cư ngụ, ở trên nhiều loại ngọc *anh đoản* 嬰短, mặt nồm nhiều loại ngọc cần du, mặt bắc nhiều hùng hoàng xanh. Đó là núi, hướng tây trông ra nơi mặt trời lặn vào. Khí viên đó, thần Hồng Quang 紅光 làm chủ quản.

Lại đi hướng tây 3 dặm là đến hòn núi Dục Vọng 翼望. Không cỏ cây, nhiều vàng ngọc. Có loài thú, dạng nó như con cáo, một mắt mà ba đuôi, tên nó là *hoan* 獾, tiếng nó như đoạt hàng trăm âm thanh, nó có thể đem ngăn điềm dữ, đeo mặc thì khỏi bệnh nhọc. Có loài chim, dạng nó như con ngựa, ba đầu sáu đuôi mà cườ to, tên là *kỳ dư* 鷓[餘鳥], đeo mặc sẽ khiến người không bị chán ghét, lại có thể đem ngăn điềm dữ.

Tổng cộng “Tây Kinh thứ ba” ở đầu, hòn núi Sùng Ngô đến hòn núi Dục Vọng, gồm 23 núi, 6"744 dặm. Thần ở đó dạng đều thân dê mặt người. Lễ vật tế thần: dùng một thứ ngọc cát chôn xuống, gạo cúng dùng lúa tẻ.

“Tây Kinh thứ tư” ở đầu là Âm Sơn. Trên nhiều cây cóc, không có đá, cỏ ở đó nhiều loài rau mào rau phiến. Sông Âm Thủy đi ra, chảy hướng đông trút vào sông Lạc 洛.

Hướng bắc 200 dặm là Lao Sơn 勞山. Nhiều cỏ sài (một loài cây thân cỏ nhỏ mà lá dài, rễ dùng làm thuốc). Sông Nhược Thủy 弱水 đi ra, rồi chảy hướng tây trút vào sông Lạc.

Hướng tây 50 dặm là hòn núi Bãi Phụ 罷父. Sông Nhị Thủy 洱水 đi ra, rồi chảy hướng tây trút vào sông Lạc, trong nước có nhiều ngọc sài bích.

Hướng bắc 70 dặm là Thân Sơn 申山. Ở trên nhiều cây cóc cây tạc, ở dưới nhiều cây nữ cây cương, mặt nôm nhiều vàng ngọc. Sông Khu Thủy 區水 đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào sông (Hoàng Hà).

Hướng bắc 200 dặm là Điều Sơn 鳥山, ở trên nhiều cây dâu, ở dưới nhiều cây chữ, mặt bắc nhiều sắt, mặt nôm lắm ngọc. Sông Nhục Thủy 辱水 đi ra, chảy hướng đông rót vào Hoàng Hà.

Lại hướng bắc 120 dặm là hòn núi Thượng Thân 上申, ở trên không cỏ cây, mà nhiều đá *lạc* 礫, ở dưới nhiều cây trần cây hộ, thú có nhiều hươu trắng. Chim ở đó nhiều loài *đương hồ* 當扈, dạng nó như con trĩ, lấy nó bay vút cao, ăn vào thì không bị hoa mắt. Sông Thang Thủy đi ra, chảy hướng đông rót vào Hoàng Hà.



Chim Đương hồ.

Lại hướng bắc 80 dặm là hòn núi Chư Thứ 諸次. Dòng sông Chư Thứ đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào sông (Hoàng Hà). Đó là núi, nhiều cây không cỏ, chim thú tuyệt chẳng sống, nơi ấy nhiều những loài rắn.

Lại hướng bắc 80 dặm là Hiệu Sơn 號山. Cây ở đó nhiều cây sơn cây cọ, cỏ ở đó nhiều cỏ dục, cỏ hiêu, cỏ khung cùng, nhiều đá kim [礪 今]. Sông Đoan Thủy 端水 đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào Hoàng Hà.

Lại hướng bắc 220 dặm là Mạnh Sơn 孟山. Mặt bắc nhiều sắt, mặt nôm nhiều đồng. Thú ở đó nhiều vượn trắng, cọp trắng, chim ở đó nhiều loài trĩ trắng, chim địch trắng. Sông Sinh Thủy 生水 đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào Hoàng Hà.

Lại hướng bắc 250 dặm là hòn núi Bạch U 白於. Ở trên nhiều cây thông cây bách, ở dưới nhiều cây lịch cây đàn. Thú ở đó nhiều trâu tạc, hàm dương, chim ở đó nhiều cú vọ. Sông Lạc Thủy đi vào mặt nôm núi đó, rồi chảy hướng đông trút vào sông Vị; sông Giáp Thủy 夾水 đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào sông Sinh Thủy.

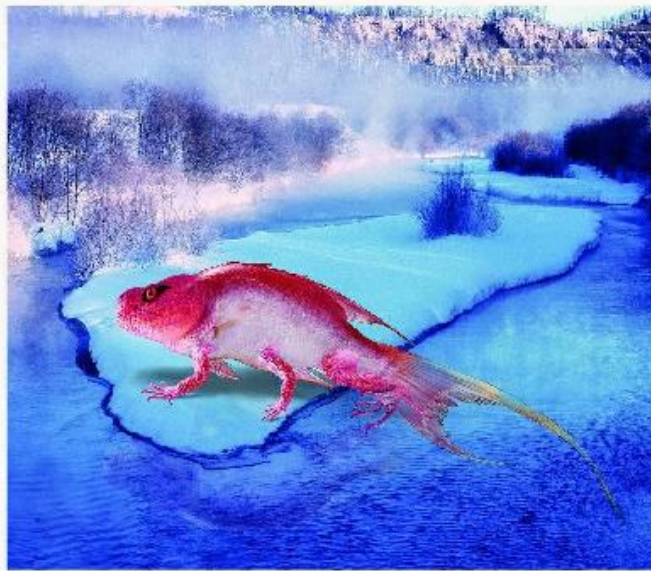
Hướng tây bắc 300 dặm là hòn núi Thân Thủ 申首. Không cỏ cây, mùa đông mùa hạ có tuyết, sông Thân Thủy 申水 đi ra trên núi, ẩn ở bên dưới, nơi đó nhiều bạch ngọc.

Lại hướng tây 55 dặm là hòn núi Kinh Cốc 涇谷. Sông Kinh Thủy đi ra, chảy hướng đông nam trút vào sông Vị, nơi đó nhiều bạch kim, bạch ngọc.

Lại hướng tây 120 là Cương Sơn 剛山. Nhiều cây thối, lắm loại ngọc dư phù. Sông Cương Thủy 剛水 chảy hướng bắc trút vào sông Vị. Nơi ấy nhiều thần *quang*¹² [光鬼], dạng nó mặt người mình thú, một chân một tay, tiếng nó như tiếng kêu rên.

Lại hướng tây 200 dặm là đến phần đuôi núi Cương Sơn, sông Lạc Thủy đi ra, rồi chảy hướng bắc trút vào Hoàng Hà. Trong nước nhiều con *man man* 蠻蠻, dạng nó thân chuột mà đầu con ba ba, tiếng kêu như chó sủa.

Lại hướng tây 350 dặm là hòn núi Anh Đê 英鞮. Ở trên nhiều cây son, ở dưới lắm vàng ngọc, chim thú tận đều màu trắng. Sông Uyển Thủy 涇水 đi ra, rồi chảy hướng bắc trút vào đầm nước Lăng Dương 陵羊. Nơi đó nhiều loài cá *nhiêm di* 冉遺, thân cá đầu rắn sáu chân, mắt nó như tai ngựa, ăn vào khiến người không bị híp mắt, có thể đem ngăn điềm dữ.



《西次四经》：英鞞之山，上多漆木，下多金玉，鸟兽尽白。澗水出焉，而其流注于陵羊之泽，是多内遗之鱼，鱼身蛇首六足，其目如马耳，食之使人不寐，可以御凶。

三九

Cá nhiễm di.

Lại hướng tây 300 dặm là hòn núi Trung Khúc 中曲. Mặt nồm nhiều ngọc, mặt bắc nhiều hùng hoàng, bạch ngọc và vàng. Có loài thú, dạng nó như con ngựa mà mình trắng đuôi đen, một sừng, răng và cước của cạp, tiếng như đánh trống, tên nó là *bác* 駮, nó ăn thịt hổ báo, có thể đem ngăn binh chiến. Có loài cây, dạng nó như cây đường, mà lá tròn quả đỏ, thật lớn như cây dưa, tên là *hoài mộc* 懷木, ăn vào thì lăm sức khỏe.

Lại hướng tây 260 dặm là Khuê Sơn 邽山. Trên đó có loài thú, dạng nó như con trâu, lông nhím, tên là *cùng kỳ* 窮奇, tiếng như chó tru, ăn thịt người được. Sông Mông Thủy 濛水 đi ra, chảy hướng nam trút vào Dương Thủy, trong nước lăm con sò vàng, cá tò vò, thân cá mà cánh chim, tiếng như chim uyên ương, thấy được thì xóm làng có nạn nước to.



Cá tò vò.



Cùng kỳ.

Lại hướng tây 220 dặm là hòn núi Điều Thử Đồng Huyết (chim chuột cùng mò) 鳥鼠同穴. Trên núi có cọc trắng, bạch ngọc. Sông Vị Thủy đi ra, chảy hướng đông trút vào Hoàng Hà. Trong nước nhiều cá *tao* 鱈, dạng nó như cá triên, cử động thì xóm làng có nạn binh to. Sông Lạm Thủy 濫水 đi ra hướng tây, chảy hướng tây trút vào Hán Thủy. Nhiều loài cá *như thự*, dạng nó như cái thông lật, đầu chim mà vây cá đuôi cá, tiếng như âm thanh đá khánh. Nó đẻ ra châu ngọc.

Hướng tây nam 360 dặm là hòn núi Yêm Tư 崦嵫. Trên đó nhiều cây son, lá nó như cây cóc, quả nó to như quả dưa, dầu đỏ mà viền đen, ăn vào khỏi bệnh mệt, có thể đem ngăn lửa. Mặt nồm nhiều con rùa, mặt bắc nhiều ngọc. Sông Điều Thủy đi ra, rồi chảy hướng tây rót vào biển, trong nước nhiều đá mài thô. Có loài thú, dạng nó thân ngựa mà cánh chim, mặt người đuôi rắn, nó rất thích nâng người lên, tên là *thục hồ* 孰湖. Có loài chim, dạng nó như cú vọ mà mặt người, thân rắn đuôi chó, tên là *hiệu* 號, thấy được thì xóm làng đại hạn.

Tổng cộng “Tây Kinh thứ tư” từ Âm Sơn xuống cho đến hòn núi Yêm Tư, gồm 19 núi, 3"680 dặm. Tể lễ thần đó: đều dùng một con gà trắng cúng, thức cúng dùng gạo thóc, cỏ gian trắng làm chiếu.

Các núi gần kê Kinh phía Tây, gồm 77 núi, 17"517 dặm.

3. BẮC SƠN KINH (北山經)

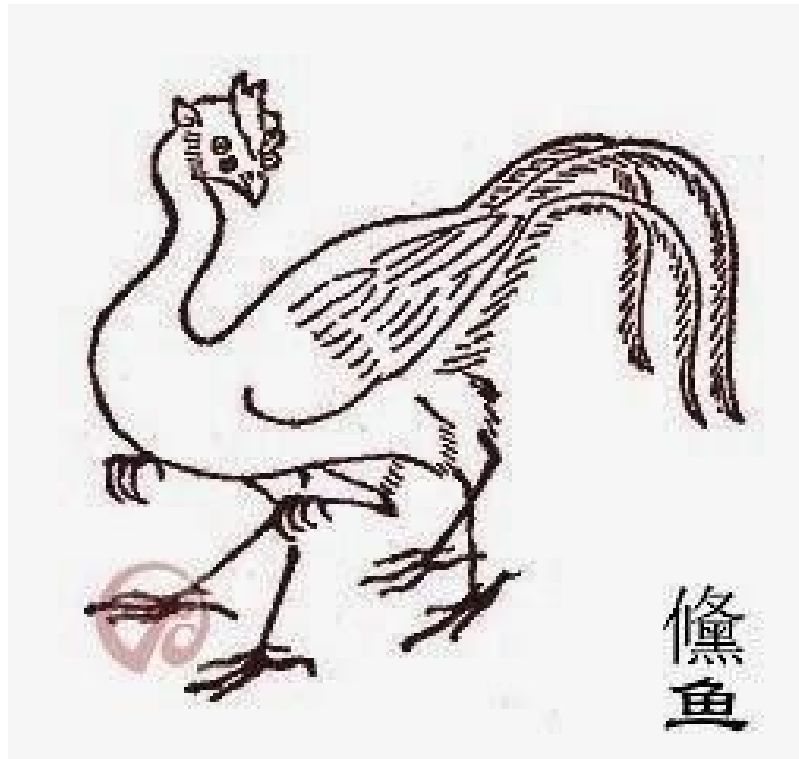
“Bắc Sơn Kinh” ở đầu là hòn núi Đan Hồ¹³ 单狐. Nhiều cây cơ¹⁴ 機, trên đó nhiều cỏ hoa. Sông Bồng Thủy 滂水 đi ra, rồi chảy hướng tây trút vào sông Ưu Thủy, trong đó nhiều đá ti 茈, đá vắn.

Lại hướng bắc 250 dặm là hòn núi Cầu Như 求如. Trên đó nhiều đồng, dưới đó nhiều ngọc, không cỏ cây. Sông Hoạt Thủy¹⁵ 滌水 đi ra, rồi chảy hướng tây trút vào dòng sông Chư Bì. Trong đó nhiều cá hoạt, dạng nó như con lươn, lưng đỏ, tiếng nó như tiếng “uê”, ăn vào khối bươu. Trong đó nhiều cá nước, dạng nó như con ngựa, vẩy vắn đuôi ngựa, tiếng nó như “hô”.

Lại hướng bắc 300 dặm là Đái Sơn 帶山. Trên đó nhiều ngọc, dưới đó nhiều bích xanh. Có loài thú, dạng nó như con ngựa, một sừng có mạ, tên nó là quán sơ 矚疏, có thể đem tránh lửa. Có loài chim, dạng nó như con quạ, năm màu mà vắn đỏ, tên là kỳ dư 鶡餘, nó tự làm đục cái, ăn vào không bị nhọt. Sông Bành Thủy 彭水 đi ra, rồi chảy hướng tây trút vào dòng sông Ti Hồ 萑湖. Trong nước nhiều cá thúc 儻, dạng nó như con gà mà mao đỏ, ba đuôi, sáu chân, bốn đầu, tiếng nó như chim khách, ăn vào có thể khỏi tật rầu.



Quán sơ.



Cá thúc.

Lại 400 dặm là hòn núi Tiểu Minh 譙明. Sông Tiểu Thủy 譙水 đi ra, chảy hướng tây trút vào sông (Hoàng Hà). Trong đó nhiều loại cá *hà la* 何羅, một đầu mà mười thân. Tiếng nó như chó sủa, ăn vào khối mọt sung. Có loài thú, dạng nó như con hoan (một giống lợn chó lông dài) mà lông đỏ, tiếng nó như “liu liu”, tên là *manh hòe* 孟槐, có thể đem ngăn điềm dữ. Đó là núi, không cỏ cây, nhiều hùm hoàng xanh.



Cá hà la.



Cá tập tập.

Lại hướng bắc 350 dặm là hòn núi Trác Quang 涿光. Sông Hiêu Thủy 囂水 đi ra, rồi chảy hướng tây trút vào Hoàng Hà.

Trong đó nhiều loại cá *tập tập* 鱮鱮, dạng nó như chim khách mà mười cánh, vảy đều ở đầu lông, có thể đem ngăn lửa, ăn vào không bị bệnh nhọc.

Trên đó nhiều cây tùng cây bách, dưới đó nhiều cây cọ. Thú ở đó nhiều linh dương, chim ở đó nhiều loài *phiên* 蕃.

Lại hướng bắc 380 dặm là Quốc Sơn 號山. Trên đó nhiều cây sơn, dưới đó nhiều cây vông cây cừ. Mặt nôm nhiều ngọc, mặt bắc nhiều sắt. Sông Y Thủy 伊水 đi ra, chảy hướng tây trút vào Hoàng Hà. Thú ở đó nhiều *thác đà* 橐駝 (tức con lạc đà), chim ở đó nhiều con *ngụ* 寓 (giống con dơi), dạng nó như con chuột mà cánh chim, tiếng nó như con dê, có thể đem ngăn binh chiến.



Chim ngụ.

Lại hướng bắc 400 dặm là phần đuôi Quốc Sơn, trên đó nhiều ngọc mà không có đá. Sông Ngư Thủy 魚水 đi ra, rồi chảy hướng tây trút vào Hoàng Hà, trong đó nhiều sò vằn.

Lại hướng bắc 200 dặm là hòn núi Đan Huân 丹熏. Trên đó nhiều cây sừ cây bách, cỏ ở đó nhiều rau kiệu họ, nhiều đá hoạch đỏ. Sông Huân Thủy 熏水 đi ra, rồi chảy hướng tây trút vào sông Đường Thủy 棠水. Có loài thú, dạng nó như con chuột, mà đầu thỏ thân nai, tiếng nó như chó tru, dùng cái đuôi nó bay, tên là *nhĩ thử* 耳鼠, ăn vào không bị đau bụng, có thể đem ngừa trăm thứ độc.

Lại hướng bắc 280 dặm là hòn núi Thạch Giả 石者. Trên đó nhiều cỏ cây, lắm ngọc bích dao. Sông Thử Thủy đi ra, rồi chảy hướng tây trút vào Hoàng Hà. Có loài thú, dạng nó như con báo, trán vằn thân trắng, tên là *manh cực* 孟極. Nó ẩn nấp khéo, tiếng kêu tự hô.

Hướng bắc 110 dặm là hòn núi Biên Xuân 邊春, nhiều hành, quỳ, rau họ, đào, mận. Sông Giang Thủy 杠水 đi ra, rồi chảy hướng tây trút vào đầm Ưu. Có loài thú, dạng nó như vượn đuôi dài mà thân vằn, cưỡi to, thấy người thì nằm, tên là *u an* 幽鷓, tiếng kêu tự hô.

Lại hướng bắc 200 dặm là hòn núi Mạn Liên 蔓聯. Trên đó không cỏ cây. Có loài thú, dạng nó như vượn đuôi dài mà có lông bờm, đuôi trâu, tay vằn, giò ngựa, thấy người thì kêu “hô”, tên là *túc tí* 足訾, tiếng kêu tự hô. Có loài chim, quần cư mà sánh bay, mao nó như trĩ mái, tên là *giao* 鷓, tiếng kêu tự hô, ăn vào khỏi gió.

Lại hướng bắc 180 dặm là hòn núi Đan Trương 單張. Trên đó không cỏ cây. Có loài thú, dạng nó như con báo mà đuôi dài, đầu người mà tai trâu, một mắt, tên là *chư kiên* 諸犍, la to, khi đi thì ngoặm đuôi nó lại, lúc ở thì cuộn đuôi về. Có loài chim, dạng nó như con trĩ, mà đầu vằn, cánh trắng, chân vàng, tên là *bạch dạ* 白鷓, ăn vào thì khỏi đau họng, có thể đem khỏi đau gân. Sông Lịch Thủy 櫟水 đi ra, rồi chảy hướng nam trút vào Giang Thủy.



Chư kiên.



Chim tung tư.

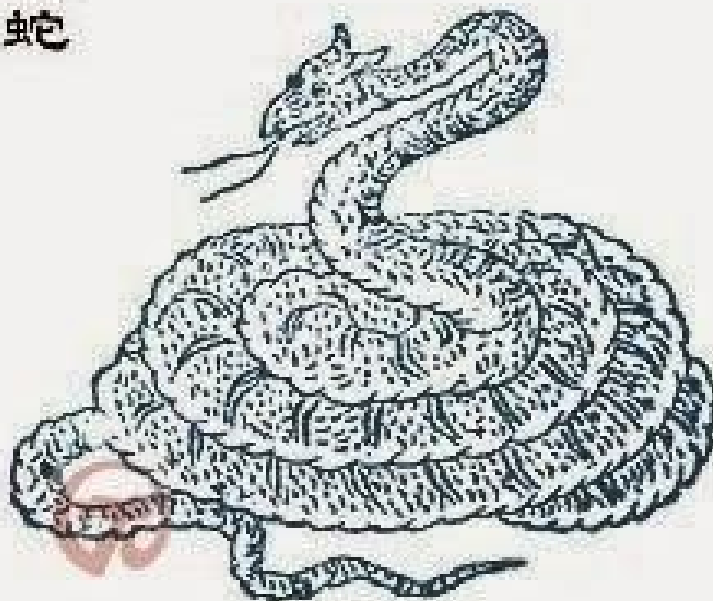
Lại hướng bắc 320 dặm là hòn núi Quán Đề 灌題, trên đó nhiều cây sừ cây chá, dưới đó nhiều lưu sa, lấm đá mài. Có loài thú, dạng nó như con trâu mà đuôi trắng, tiếng như kêu rống, tên là *na phụ* 那父. Có loài chim, dạng nó như chim trĩ mái mà mặt người, thấy người thì nhảy nhót, tên là *tung tư* 棘斯, tiếng hát nó như tự kêu. Dòng sông Tượng Hàn 匠韓 đi ra, rồi chảy hướng tây trút vào đầm Ưu, trong đó nhiều đá từ (đá nam châm).

Lại hướng bắc 200 dặm là hòn núi Phan Hâu 潘侯, trên đó nhiều cây tùng cây bách, dưới đó nhiều cây trần cây họ, mặt nôm nhiều ngọc, mặt bắc nhiều sắt. Có loài thú, dạng nó như con trâu, mà bốn tiết sinh lông mao, tên là trâu *mao* 旄. Sông Biên Thủy 邊水 đi ra, rồi chảy hướng nam trút vào đầm Lịch.

Lại hướng bắc 230 dặm là hòn núi Tiểu Hàm 小咸, không cỏ cây, mùa đông mùa hạ có tuyết.

Hướng bắc 280 dặm là hòn núi Đại Hàm 大咸, không cỏ cây, dưới đó nhiều ngọc. Đó là núi, bốn phương, không thể đi lên. Có loài rắn tên là *trường xà* 長蛇, mao nó như lông lợn, tiếng nó như tiếng trống mõ.

长
蛇



Trường xà.

Lại hướng bắc 320 dặm là hòn núi Đôn Hoãng 敦薨, trên đó nhiều cây móc cây nam, dưới đó nhiều cỏ sài. Dòng sông Đôn Hoãng đi ra, rồi chảy hướng tây trút vào đầm Ưu. Đi ra góc núi đông bắc của Côn Lôn, quả thật nghĩ rằng là nguồn sông. Trong đó nhiều cá hồi đỏ, thú ở đó nhiều tê giác, trâu mao, chim ở đó nhiều loài cu gáy.

Lại hướng bắc 200 dặm là hòn núi Thiểu Hàm 少咸, không cỏ cây, lắm ngọc bích xanh. Có loài thú, dạng nó như con trâu, mà thân đỏ, mặt người, chân ngựa, tên là *khé dũ* 窳羸, tiếng nó như em bé, nó ăn thịt người được. Sông Đôn Thủy 敦水 đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào dòng sông Nhạn Môn 雁門, trong nước nhiều loài cá *thị thị* 鮓鮓, ăn vào sẽ giết người.

ướng bắc 200 dặm là hòn núi Nhạc Pháp 嶽法. Dòng sông Hoài Trạch 懷澤 đi ra, rồi chảy hướng đông bắc trút vào đầm Thái 泰. Trong nước nhiều cá *sao* 抄, dạng nó như cá chép mà chân gà, ăn vào khỏi bấu. Có loài thú, dạng nó như con chó mà mặt người, đầu to, thấy người thì cười, tên nó là *son hòn* 山, nó đi như gió, thấy được thì thiên hạ có nạn gió to.



Cá sao.



Sơn hồn.

Lại hướng bắc 200 dặm là hòn núi Bắc Nhạc 北嶽, nhiều cây chỉ cây gai cây cương. Có loài thú, dạng nó như con trâu, mà bốn sừng, mắt người, tai lợn, tên nó là *chư hoài* 諸懷, tiếng nó như chim nhạn kêu, nó ăn thịt người

được. Dòng sông Chư Hoài rồi chảy hướng tây trút vào sông Hiêu Thủy 颯水, trong nước nhiều cá *chỉ* 鯪, thân cá mà đầu chó, tiếng nó như em bé, ăn vào khỏi điên.



Cá chỉ.



Chư hoài.

Lại hướng bắc 80 dặm là hòn núi Hòn Tịch 渾夕. Không cỏ cây, nhiều đồng ngọc. Sông Hiêu Thủy đi ra, rồi chảy hướng tây bắc trút vào biển (Bột Hải). Có loài rắn một đầu mà hai thân, tên là *phì di* 肥遺, thấy được thì nước đó đại hạn.



Phì di.

Lại hướng bắc 50 dặm là hòn núi Bắc Đan 北單, không cỏ cây, nhiều rau hành họ.

Lại hướng bắc 100 dặm là hòn núi Bi Sai 羆差, không cỏ cây, nhiều con ngựa.

ướng bắc 180 dặm là hòn núi Bắc Tiên 北鮮, nơi đó nhiều ngựa. Sông Tiên Thủy 鮮水 đi ra, rồi chảy hướng tây bắc trút vào dòng sông Đồ Ngô 塗吾.

Lại hướng bắc 70 dặm là Đê Sơn 隄山, nhiều ngựa. Có loài thú, dạng nó như con báo mà đầu vằn, tên là *ảo* 狻. Sông Đê Thủy đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào đầm Thái, trong nước nhiều rùa rồng.

Tổng cộng “Bắc Sơn Kinh” ở đâu, tự hòn núi Đan Hồ đến vào Đê Sơn, gồm 25 núi, 5"490 dặm, thần ở đó đều mặt người thân rắn. Lễ tế thần: mao vật

dùng một gà rống và lợn chôn xuống, ngọc lạnh dùng một khuê, chôn mà không dùng gạo. Người Sơn Bắc ở đó, đều sinh ra ăn vật không nấu lửa.

“Bắc Kinh thứ hai” ở đầu, ở phía đông của sông (Hoàng Hà), ở đầu gối dựa sông Phần 汾, tên nó là hòn núi Quán Sâm 管岑. Trên đó không cây mà nhiều cỏ. Sông Phần đi ra, rồi chảy hướng tây trút vào Hoàng Hà.

Lại hướng tây 250 dặm là hòn núi Thiếu Dương 少陽, trên đó nhiều ngọc, dưới đó nhiều bạc đỏ. Sông Toan Thủy 酸水 đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào sông Phần, trong nước nhiều đất đỏ đẹp.

Lại hướng bắc 50 dặm là hòn núi Huyền Ung 縣雍, trên đó nhiều ngọc, dưới đó nhiều đồng, thú ở đó nhiều nai lư, chim ở đó nhiều loài địch trắng và gà núi trắng. Sông Tấn Thủy 晉水 đi ra, rồi chảy hướng đông nam trút vào sông Phần. Trong nước nhiều cá tể 鯈, dạng nó như cá thục mà vẩy đỏ, tiếng nó như quát, ăn vào thì không phiền uất.

ướng bắc 200 dặm là hòn núi Hồ Kì 狐岐, không cỏ cây, nhiều ngọc bích xanh. Sông Thắng Thủy đi ra, rồi chảy hướng đông bắc trút vào sông Phần, trong nước nhiều ngọc xanh.

Lại hướng bắc 350 dặm là núi Bạch Sa 白沙, rộng tròn 300 dặm, toàn là cát, không có cỏ cây chim thú. Sông Vĩ Thủy 鮪水 đi ra vào trên đó, ẩn ở dưới đó, nơi đó nhiều bạch ngọc.

Lại hướng bắc 400 dặm là hòn núi Nhĩ Thị 爾是, không cỏ cây, không có nước.

Lại hướng bắc 380 dặm là Cuồng Sơn 狂山, không cỏ cây, đó là núi, mùa đông mùa hạ có tuyết. Sông Cuồng Thủy 狂水 đi ra, rồi chảy hướng tây trút vào sông Phù Thủy 浮水, trong nước nhiều ngọc đẹp.

Lại hướng bắc 380 dặm là hòn núi Chư Dư 諸餘, trên đó nhiều đồng ngọc, dưới đó nhiều cây tùng bách. Dòng sông Chư Dư đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào sông Mao Thủy 旄水.

Lại hướng bắc 350 dặm là hòn núi Đôn Đầu 敦頭, trên đó nhiều vàng ngọc, dưới đó nhiều đồng, không cỏ cây. Sông Mao Thủy 旄水 đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào đầm Ấn 印. Trong đó nhiều ngựa bột, đuôi trâu mà thân trắng, một sừng, tiếng nó như hô.



Ngựa bột.

Lại hướng bắc 350 dặm là hòn núi Câu Ngô 鈎吾, trên đó nhiều ngọc, dưới đó nhiều đồng. Có loài thú, dạng nó như thân dê mặt người, mắt nó ở dưới nách, răng cọp móng người, tiếng nó như em bé, tên nó là *bào hào* 狛獠, nó ăn thịt người được.



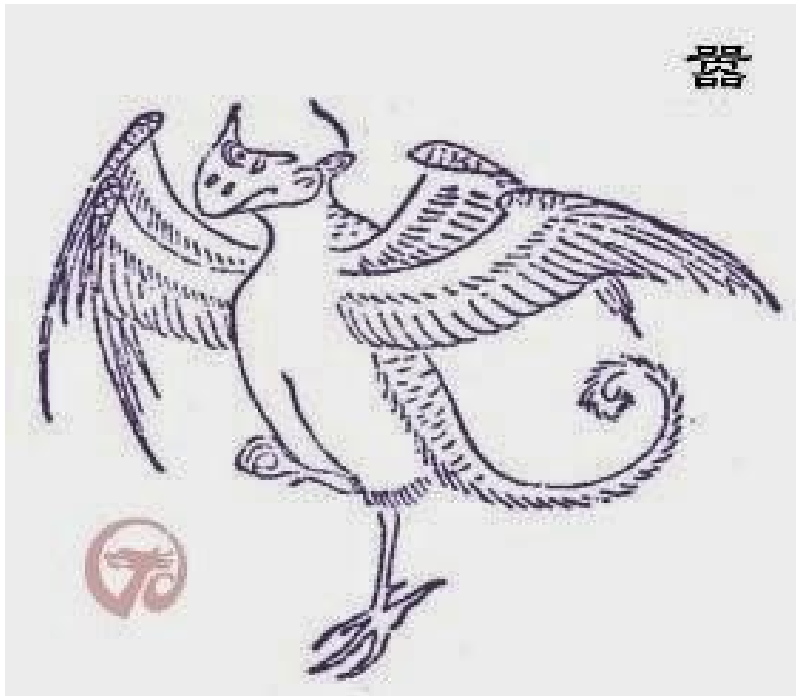
Bào hào.

Lại hướng bắc 300 dặm là hòn núi Bắc Hiêu 北颯, không có đá, mặt nôm nhiều ngọc bích, mặt bắc nhiều ngọc. Có loài thú, dạng nó như con hổ, mà thân trắng đầu chó, đuôi ngựa bờm lợn, tên là *độc dục* 獨. Có loài chim, dạng nó như con quạ, mặt người, tên là *bàn mạo*, bay lúc đêm mà ẩn ban ngày, ăn vào khối cảm nắng. Sông Sầm Thủy 涿水 đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào đầm Cung 邛.



Bàn mạo.

Lại hướng bắc 350 dặm là hòn núi Lương Cừ 梁渠, không cỏ cây, nhiều vàng ngọc. Sông Tu Thủy 脩水 đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào sông Nhạn Môn, thú ở đó nhiều loài *cu kị* 居暨 (một loài nhím gai tai dài), dạng nó như con nhím mà lông mao đỏ, tiếng nó như heo sữa. Có loài chim, dạng nó như con *hề phụ* 夸父, bốn cánh, một mắt, đuôi chó, tên là *hiêu* 鷲, tiếng nó như chim khách, ăn vào khối đầu bụng, có thể ngăn bệnh thổ tả.



Chim hiêu.

Lại hướng bắc 400 dặm là hòn núi Cô Quán 姑灌, không cỏ cây. Đó là núi, mùa đông mùa hạ có tuyết.

Lại hướng bắc 380 dặm là hòn núi Hồ Quán 湖灌, mặt nồm nhiều ngọc, mặt bắc nhiều bích, nhiều ngựa. Dòng sông Hồ Quán đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào biển, trong nước nhiều cá đản 鯁 (một loài lươn). Có loài cây, lá nó như lá liễu mà vân đỏ.

Lại hướng bắc theo đường thủy 500 dặm, lưu bãi cát 300 dặm, đến ở Hoàn Sơn 涇山, trên đó nhiều vàng ngọc. Ba cây dâu sinh ra, cây đó đều không cành, cây cao trăm nhận. Trăm quả cây sinh ra. Dưới đó nhiều rắn lạ.

Lại hướng bắc 300 dặm là hòn núi Đôn Đề 敦題, không cỏ cây, nhiều vàng ngọc. Nó chồm hồm ở Bắc Hải 北海.

Tổng cộng “Kinh thứ hai phía Bắc” ở đầu, từ hòn núi Quán Sâm đến ở hòn núi Đôn Đề, gồm 17 núi, 5"690 dặm. Thần ở đó đều thân rắn mặt người. Tế thân: mao vật dùng gà trống và lợn chôn xuống, dùng một bích một khuê, bày ra mà không dùng gạo.

“Bắc Kinh thứ ba” ở đầu, là hòn núi Thái Hành 太行. Đầu nơi đó là Quy Sơn 歸山, trên đó nhiều vàng ngọc, dưới đó có ngọc bích. Có loài thú, dạng nó như con linh dương mà bốn sừng, đuôi ngựa mà có cựa, tên nó là *hồn* 驩, nhanh khéo, tiếng nó tự gào. Có loài chim, dạng nó như chim

khách, thân trắng, đuôi đỏ, sáu chân, tên nó là *phân* 鷩, nó giỏi lông lộn, tiếng kêu tự rít.



Hôn.



Chim phân.

Lại hướng đông bắc 200 dặm là hòn núi Long Hầu 龍侯, không cỏ cây, nhiều vàng ngọc. Dòng sông Quyết Quyết 決決 đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào sông (Hoàng Hà). Trong nước nhiều cá người, dạng nó như cá trê, bốn chân, tiếng nó như em bé, ăn vào không bệnh si.



Cá người

Lại hướng đông bắc 200 dặm là hòn núi Mã Thành 馬成, trên đó nhiều đá vụn, mặt bắc nhiều vàng ngọc. Có loài thú, dạng nó như con chó trắng mà đầu đen, thấy người thì bay, tên nó là *thiên mã* 天馬, tiếng nó tựa gào. Có loài chim, dạng nó như con quạ, đầu trắng mà thân xanh, chân vàng, tên là *khuất cư* 鷗鷗, tiếng nó tựa rít, ăn vào không đói, có thể khỏi u bướu.

天 马

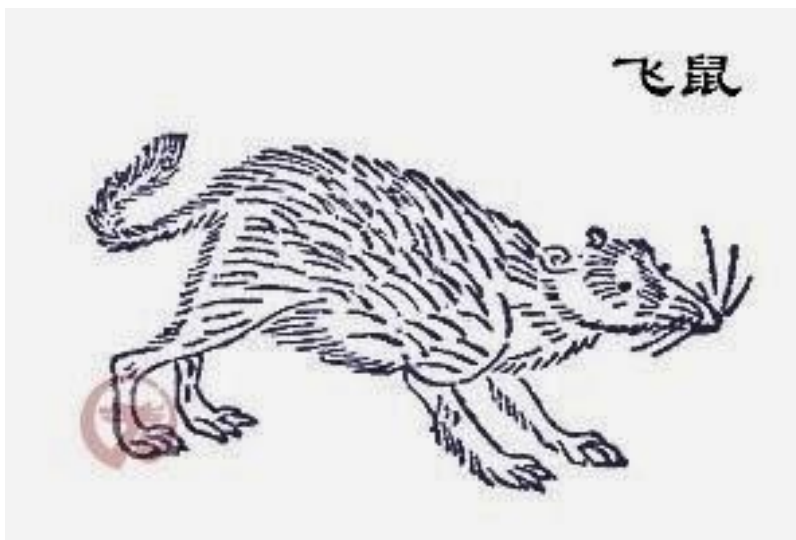


Thiên mã.

Lại hướng đông bắc 70 dặm là Hàm Sơn 咸山, trên đó có ngọc, dưới đó nhiều đồng, nơi ấy nhiều cây tùng bách, cỏ nhiều cỏ sài. Dòng sông Điều Gian 條管 đi ra, rồi chảy hướng tây nam trút vào đầm Trường 長. Trong nước nhiều vật chua, ba năm một lần thành, ăn vào khỏi ghê độc.

Lại hướng đông bắc 200 dặm là hòn núi Thiên Trì 天池, trên đó không có cây, nhiều đá vụn. Có loài thú, dạng nó như con thỏ mà đầu chuột, lấy lưng nó để bay, tên nó là *phi thử* (chuột bay) 飛鼠. Sông Thẳng Thủy 澗水 đi ra, ẩn ở dưới đó, trong nước nhiều đất trát vàng.

飞鼠



Phi thử.

Lại hướng đông 300 dặm là Dương Sơn 陽山, trên đó nhiều ngọc, dưới đó nhiều vàng đồng. Có loài thú, dạng nó như con trâu mà có đuôi, cổ nó quắp thịt, dạng nó như loài *câu cù* 句瞿, tên nó là *lĩnh hồ* 領胡, tiếng nó tự gào, ăn vào khối diên. Có loài chim, dạng nó như gà mái, mà năm sắc làm vằn, nó tự làm đục cái, tên là *tượng xà* 象蛇, tiếng hót nó tự gào. Sông Lưu Thủy 留水 đi ra, rồi chảy hướng nam trút vào Hoàng Hà. Trong nước có nhiều loài cá *hãm phụ* 鮒父, dạng nó như cá giếc, đầu cá mà thân lợn, ăn vào khối nôn ọe.

Lại hướng đông 350 dặm là hòn núi Bí Văn 賁聞, trên đó nhiều ngọc xanh, dưới đó lăm đất trát vàng, nhiều đá niết.

ướng bắc 100 dặm là hòn núi Vương Ốc 王屋, nơi đó nhiều đá. Sông Liên Thủy 聯水 đi ra, rồi chảy hướng tây bắc trút vào đầm Thái.

Lại hướng đông bắc 300 dặm là Giáo Sơn 教山, trên đó nhiều ngọc mà không có đá. Sông Giáo Thủy đi ra, rồi chảy hướng tây trút vào Hoàng Hà, sông đó mùa đông cạn mà mùa hè chảy, quả thật nghĩ là sông cạn. Trong đó có hai bên núi, đó là núi, rộng tròn 300 bước, tên nó là hòn núi Phát Hoàn 發丸, trên đó có vàng ngọc.

Lại hướng nam 300 dặm là Cảnh Sơn 景山, hướng nam trông ra đầm nước Diêm Phiến 鹽販, hướng bắc trông ra đầm Thiêu 少. Trên đó nhiều cỏ, củ mài, mặt bắc nhiều đất đỏ, mặt nôm nhiều ngọc. Có loài chim, dạng nó như con rắn, mà bốn cánh, sáu mắt, ba chân, tên là *toan dử* 酸與, tiếng hót tự gào, thấy được thì xóm làng có lo sợ.

酸与



Toan dũ.

Lại hướng đông nam 320 dặm là hòn núi Mạnh Môn 孟門, trên đó nhiều ngọc xanh, nhiều vàng, ở dưới nhiều đất trát vàng, nhiều đá niết.

Lại hướng đông nam 320 dặm là Bình Sơn 平山. Sông Bình Thủy đi ra ở trên đó, ẩn ở phía dưới, nơi đó nhiều ngọc đẹp.

Lại hướng đông 200 dặm là Kinh Sơn 京山, có ngọc đẹp, có cây son, nhiều trúc, mặt nôm có đồng đỏ, mặt bắc có đá mài tuyền. Sông Cao Thủy 高水 đi ra, rồi chảy hướng nam trút vào sông (Hoàng Hà).

Lại hướng đông 200 dặm là hòn núi Trùng Vĩ 蟲尾, trên đó nhiều vàng ngọc, dưới đó nhiều trúc, lấm bích xanh. Sông Đan Thủy đi ra, rồi chảy hướng nam trút vào Hoàng Hà. Sông Bạc Thủy 薄水 đi ra, rồi chảy hướng đông nam trút vào đầm Hoàng 黃.

Lại hướng đông 300 dặm là hòn núi Bành Bì 彭毗, trên đó không có cây, lấm vàng ngọc, dưới đó nhiều nước. Dòng sông Tảo Lâm 蚤林 đi ra, chảy hướng đông nam trút vào Hoàng Hà. Sông Phì Thủy 肥水 đi ra, rồi chảy hướng đông nam trút vào Sông Thủy 牀水, trong nước có nhiều loài rắn phì di.

Lại hướng đông 180 dặm là hòn núi Tiểu Hầu 小侯. Dòng sông Minh Chương 明漳 đi ra, rồi chảy hướng nam trút vào đầm Hoàng. Có loài chim,

dạng nó như con quạ mà vằn trắng, tên nó là *cô tập* 鶻, ăn vào không bị ứ nước.

Lại hướng đông 370 dặm là hòn núi Thái Đầu 泰頭. Sông Cộng Thủy 共水 đi ra, rồi chảy hướng nam trút vào ao Hô 虬. Trên đó nhiều vàng ngọc, dưới đó nhiều tre trúc.

ng đông bắc 200 dặm là hòn núi Hiên Viên 軒轅, trên đó nhiều đồng, dưới đó nhiều trúc. Có loài chim, dạng nó như chim kiêu (một giống cú vọ) mà đầu trắng, tên nó là *hoàng điểu* 黃鳥, tiếng kêu tự gào, ăn vào không ghen ghét.

Lại hướng bắc 200 dặm là hòn núi Yết Lệ 謁戾, trên đó nhiều cây tùng bách, có vàng ngọc. Sông Thâm Thủy 沁水 đi ra, rồi chảy hướng nam trút vào Hoàng Hà. Hướng đông có rừng, tên là Đan Lâm 丹林. Dòng sông Đan Lâm đi ra, chảy hướng nam trút vào Hoàng Hà. Dòng sông Anh Hâu 嬰侯 đi ra, chảy hướng bắc trút vào sông Ti Thủy 汜水.

Hướng đông 300 dặm là hòn núi Tự Như (ấm thấp) 沮洳, không cỏ cây, có vàng ngọc. Sông Kì Thủy 濊水 đi ra, chảy hướng nam trút vào Hoàng Hà.

Lại hướng bắc 300 dặm là hòn núi Thần Khuân 神囷, trên đó có đá vằn, dưới đó có rắn trắng, có bọ bay. Sông Hoàng Thủy đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào sông Hoàn. Sông Phũ Thủy 滹水 đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào sông Âu Thủy 歐水.

Lại hướng bắc 200 dặm là hòn núi Phát Thi 發鳩, trên đó nhiều cây chá. Có loài chim, dạng nó như con quạ, đầu vằn, mỏ trắng, chân đỏ, tên là *ting vệ* 精衛, tiếng kêu tự gào. Nó là con gái nhỏ của Viêm Đế 炎帝 (Thần Nông) tên là Nữ Khuê 女娃, Nữ Khuê chu du đến Đông Hải, chìm mà không trở lại, nên làm *ting vệ*. Thường ngậm đá cây ở Tây Sơn để lấp vào biển Đông. Sông Chương Thủy 漳水 đi ra, chảy hướng đông trút vào Hoàng Hà.

Lại hướng đông bắc 120 dặm là Thiểu Sơn 少山, ở trên có vàng ngọc, ở dưới có đồng. Dòng sông Thanh Chương 清漳 đi ra, chảy hướng đông trút vào dòng sông Trọc Chương 濁漳.

ng đông bắc 200 dặm là Tích Sơn 錫山, trên đó nhiều ngọc, dưới đó nhiều đá mài. Dòng sông Ngưu Thủ 牛首 đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào Phũ Thủy.

Lại hướng bắc 200 dặm là Cảnh Sơn, có ngọc đẹp. Sông Cảnh Thủy đi ra, chảy hướng đông nam trút vào biển đầm.

Lại hướng bắc 100 dặm là hòn núi Đề Thủ 題首, có ngọc, nhiều đá, không có nước.

Lại hướng bắc 100 dặm là Tú Sơn 繡山, trên đó có ngọc, bích xanh, cây ở đó có nhiều cây *tuân* 枸, cỏ ở đó nhiều thực dược, khung cùg. Sông Vị đi ra rồi chảy hướng đông trút vào Hoàng Hà. Trong nước nhiều cá hoạch, rùa.

Lại hướng bắc 120 dặm là Tùng Sơn 松山, sông Dương Thủy 陽水 đi ra chảy hướng đông bắc trút vào Hoàng Hà.

Lại hướng bắc 120 dặm là hòn núi Đôn Dữ 敦與, trên đó không cỏ cây, có vàng ngọc. Sông Tố Thủy 滌水 đi ra vào mặt nòm núi, rồi chảy hướng đông trút vào dòng sông Thái Lục 泰陸; sông Trì Thủy 泝水 đi ra mặt bắc núi, rồi chảy hướng đông trút vào Bành Thủy. Sông Hòe Thủy 槐水 đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào đầm Trì.

Lại hướng bắc 170 dặm là Chá Sơn 柘山, mặt nòm có vàng ngọc, mặt bắc có sắt. Dòng sông Lịch Tụ 歷聚 đi ra rồi chảy hướng bắc trút vào sông Vị.

Lại hướng bắc 300 dặm là hòn núi Duy Long 維龍, trên đó có ngọc bích, mặt nòm có vàng, mặt bắc có sắt. Sông Phì Thủy đi ra rồi chảy hướng đông trút vào đầm Cao 皋, bên trong nhiều đá *lỗi* 礪. Dòng sông Xưởng Thiết 敞鐵 đi ra rồi chảy hướng bắc trút vào Đại Trạch 大澤.

Lại hướng bắc 180 dặm là hòn núi Bạch Mã 白馬, mặt nòm nhiều ngọc thạch, mặt bắc nhiều sắt, nhiều đồng đỏ. Dòng sông Mộc Mã 木馬 đi ra rồi chảy hướng đông bắc trút vào Hồ Đà 虓沱.

Lại hướng bắc 200 dặm là hòn núi Không Tang 空桑, không cỏ cây, mùa đông mùa hạ có tuyết. Dòng sông Không Tang đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào Hồ Đà.

Lại hướng bắc 300 dặm là hòn núi Thái Hí 泰戲, không cỏ cây, lấm vàng ngọc. Có loài thú, dạng nó như con dê, một sừng một mắt, mắt ở sau tai, tên là *đống đống* 辣辣, tiếng nó tự rống. Dòng sông Hồ Đà đi ra rồi chảy hướng đông trút vào Lâu Thủy 漚水. Dòng sông Dịch Nữ 液女 chảy vào mặt nòm núi, chảy hướng nam trút vào Thâm Thủy.



Đổng đổng.

Lại hướng bắc 300 dặm là Thạch Sơn 石山, ẩn chứa nhiều vàng ngọc. Dòng sông Hoạch Hoạch 濩濩 đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào Hồ Đà; dòng sông Tiên Vu 鮮于 đi ra, rồi chảy hướng nam trút vào Hồ Đà.

Lại hướng bắc 200 dặm là hòn núi Đồng Nhung 童戎. Dòng sông Cao Đồ 皋塗 đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào sông Lô Dịch 漚液.

Lại hướng bắc 300 dặm là hòn núi Cao Thị 高是. Sông Tư Thủy 滋水 đi ra, rồi chảy hướng nam trút vào Hồ Đà. Cây ở đó nhiều cây cọ, cỏ ở đó nhiều cỏ điều. Sông Khẩu Thủy 漚水 đi ra, chảy hướng đông trút vào Hoàng Hà.

Lại hướng bắc 300 dặm là Lục Sơn 陸山, nhiều ngọc đẹp. Sông Khương Thủy 水 đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào Hoàng Hà.

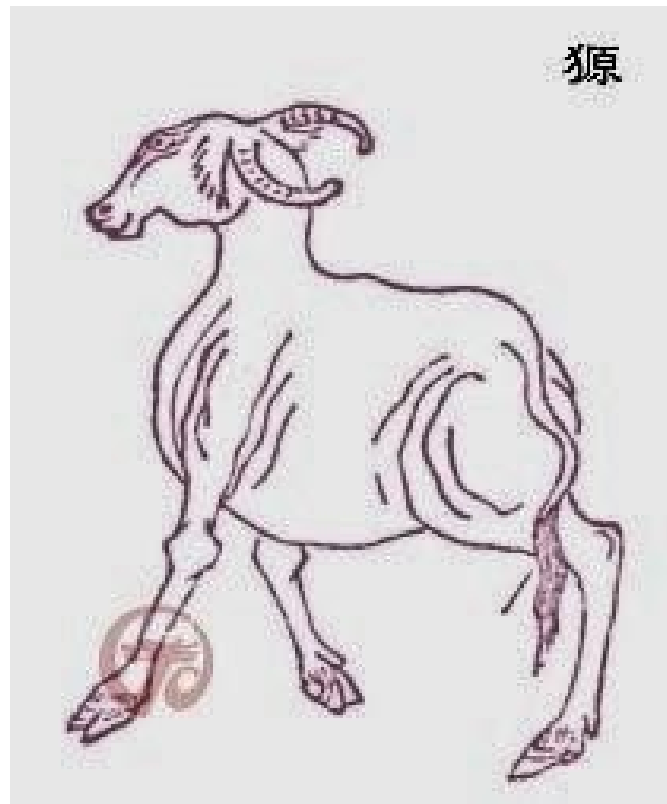
Lại hướng bắc 200 dặm là Nghi Sơn 沂山, sông Bàn Thủy 般水 đi ra rồi chảy hướng đông trút vào Hoàng Hà.

Hướng bắc 120 dặm là Yên Sơn 燕山, nhiều *anh thạch* 嬰石. Sông Yên Thủy đi ra, chảy hướng đông trút vào Hoàng Hà.

Lại hướng bắc theo đường núi 500 dặm, đường thủy 500 dặm, đến với Nhiêu Sơn 饒山. Nơi đó không cỏ cây, nhiều dao bích, thú ở đó nhiều thạc đà, chim ở đó nhiều cú tai mèo. Dòng sông Lịch Quắc 歷虢 đi ra, mà chảy

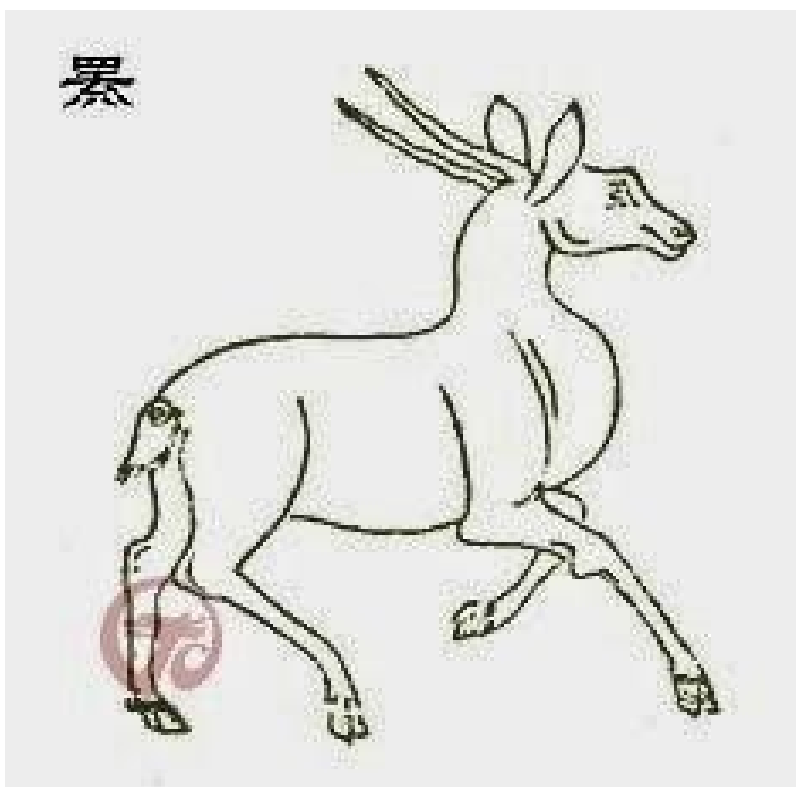
hướng đông trút vào Hoàng Hà, trong đó có nhiều cá sấu, ăn vào thì giết người.

Lại hướng bắc 400 dặm là Can Sơn 乾山, không cỏ cây, mặt nồm nhiều ngọc, mặt bắc nhiều sắt mà không có nước. Có loài thú, dạng nó như con trâu mà ba đuôi, tên nó là *nguyên* 獯, tiếng hú tự gào.



Nguyên.

Lại hướng bắc 500 dặm là Luân Sơn 倫山. Sông Luân Thủy đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào Hoàng Hà. Có loài thú, dạng nó như con nai, châu nó ở trên đuôi, tên nó là *bi* 羆.



Bi.

Lại hướng bắc 500 dặm là hòn núi Kiệt Thạch 碣石. Sông Thằng Thủy đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào Hoàng Hà, trong đó có nhiều loài cá *bồ di* 蒲夷. Trên đó có ngọc, dưới đó nhiều bích xanh.

Lại hướng bắc theo đường thủy 500 dặm, đến với tòa núi Nhạn Môn, không cỏ cây.

Lại hướng bắc theo đường thủy 400 dặm, đến với đầm Thái. Trong đó có núi, là hòn núi Đế Đô 帝都, rộng tròn 100 dặm, không cỏ cây, có vàng ngọc.

Lại hướng bắc 500 dặm là hòn núi sừng sừng ở Vô Phùng 毋逢, hướng bắc trông ra hòn núi Hề Hào 鷓鴣, gió ở đây hiu hiu. Hướng tây trông ra hòn núi U Đô 幽都, sông Dục Thủy 浴水 đi ra.

Nơi đó có rắn lớn, đầu đỏ thân trắng, tiếng nó như con trâu, thấy được thì xóm làng đại hạn.

Tổng cộng “Kinh thứ ba phía Bắc” ở đầu, từ hòn núi Thái Hành để đến với núi Vô Phùng, gồm 46 núi, 12"350 dặm. Thần ở đó đều thân ngựa mà mặt người có đến 20 thân. Lễ tế thần: đều dùng một tảo khuê chôn xuống. 14 thân đó dạng đều thân lợn mà đeo ngọc. Lễ tế thần: đều ngọc, không chôn.

10 thần đó dạng đều thân lợn mà tám chân đuôi rắn. Tể thần: đều dùng một bích chôn xuống. Gộp cả là 44 thần, đều dùng gạo nếp tẻ để tế. Đây đều không nấu lửa ăn.

Chép về núi ở gần kê Kinh phía Bắc, gồm 87 núi, 23"230 dặm.

4. ĐÔNG SƠN KINH (東山經)

“Đông Sơn Kinh” ở đầu, là hòn núi Sấu Chu 楸, phía bắc kề bên Can Muội 乾昧. Sông Thực Thủy 食水 đi ra, rồi chảy hướng đông bắc rót vào biển. Trong nước nhiều loài cá *dong dong* 魴魴, dạng nó như con trâu lang lổ, tiếng nó như con lợn kêu.



Cá dong dong.

Lại hướng nam 300 dặm là Lũy Sơn 藟山, trên đó có ngọc, dưới đó có vàng. Sông Hồ Thủy 湖水 đi ra, chảy hướng đông trút vào Thực Thủy, trong nước nhiều *hoạt sư* 活師.



Hoạt sư.

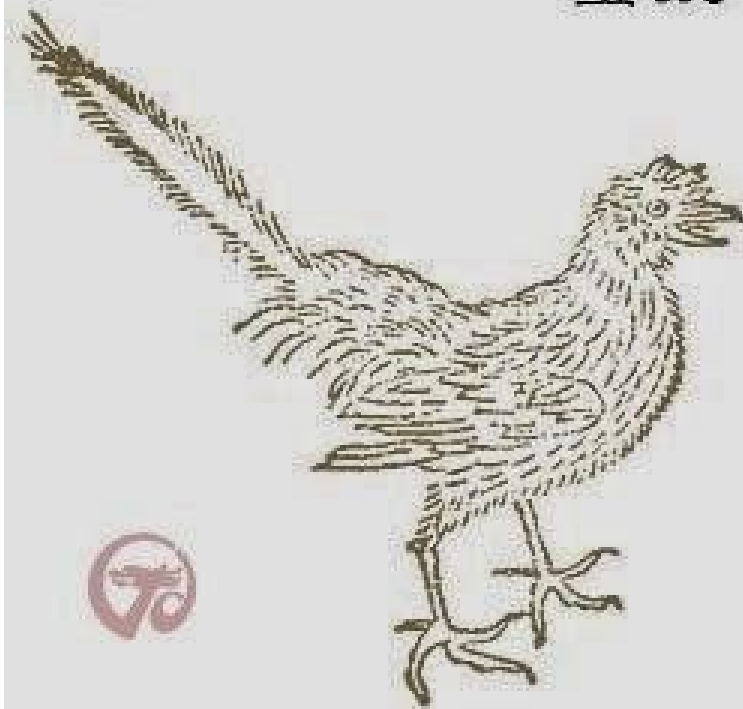
Lại hướng nam 300 dặm là hòn núi Tuần Trạng 栲狀, trên đó nhiều vàng ngọc, dưới đó nhiều đá bích xanh. Có loài thú, dạng nó như con chó, sáu chân, tên nó là *tòng tòng* 從從, tiếng nó tựa gào. Có loài chim, dạng nó như con gà mà mao chuột, tên nó là *tì thử* 蜚鼠, thấy được thì xóm làng đại hạn. Sông Quải Thủy 掛水 đi ra, rồi chảy hướng bắc trút vào Hồ Thủy. Trong nước nhiều cá *châm* 箴, dạng nó như cá thóc, mỏ nó như kim châm, ăn vào không bị bệnh truyền nhiễm.

从从



Tòng tòng.

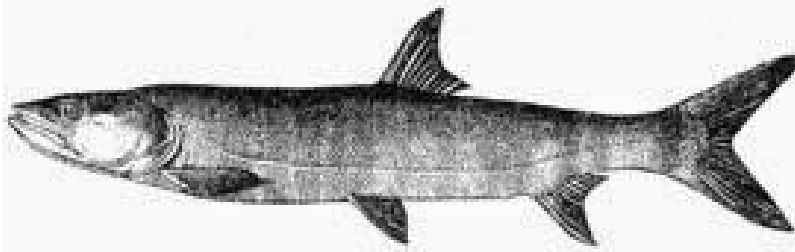
蜚鼠



Tì thử.

Lại hướng nam 300 dặm là hòn núi Bột Lũy 勃垭, không cỏ cây, không có nước.

Lại hướng nam 300 dặm là hòn núi Phiên Điều 番條, không cỏ cây, nhiều cát. Sông Giảm Thủy 減水 đi ra, chảy hướng bắc rót vào biển, trong nước nhiều cá *hám* 鱖.



Cá hám.

Lại hướng nam 400 dặm là hòn núi Cô Nhi 姑兒, trên đó nhiều cây son, dưới đó nhiều cây dâu cây chá. Dòng sông Cô Nhi đi ra, chảy hướng bắc rót vào biển, trong nước nhiều cá hám.

Lại hướng nam 400 dặm là hòn núi Cao Thị 高氏, trên đó nhiều ngọc, dưới đó nhiều đá châm. Dòng sông Chư Thằng 諸繩 đi ra, rồi chảy hướng đông rót vào đầm, trong nước nhiều vàng ngọc.

Lại hướng nam 300 dặm là Nhạc Sơn 嶽山, trên đó nhiều cây dâu, dưới đó nhiều cây sừ. Sông Lạc Thủy 樂水 đi ra, rồi chảy hướng đông rót vào đầm, trong nước nhiều vàng ngọc.

Lại hướng nam 300 dặm là Sài Sơn 豺山, trên đó không cỏ cây, dưới đó nhiều nước, trong nước có nhiều loài cá *kham trử* 堪孺. Có loài thú, dạng nó như con hê phụ (xem quyển 2) mà mao lợn, tiếng nó như hô, thấy được thì thiên hạ có nạn nước to.

Lại hướng nam 300 dặm là Độc Sơn 獨山, trên đó nhiều vàng ngọc, dưới đó nhiều đá đẹp. Dòng sông Mạt Đồ 末塗 đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào sông Miện (ở tỉnh Thiểm Tây ngày nay), trong nước nhiều cá *điều dong* 鱖, dạng nó như rắn vàng, vây cá, ra vào có ánh sáng, thấy được thì xóm làng đại hạn.



Diều dong.

Lại hướng nam 300 dặm là Thái Sơn 泰山, trên đó nhiều ngọc, dưới đó nhiều vàng. Có loài thú, dạng nó như heo sữa mà có châu ngọc, tên là *đông đông* 狍狍, tiếng kêu tự thét. Sông Hoàn Thủy 環水 đi ra, rồi chảy hướng đông rót vào sông (tức sông Ván), trong nước nhiều thủy ngọc.



Đồng đồng.

Lại hướng nam 300 dặm là Trúc Sơn 竹山, tọa lạc ở sông (Vấn), không cỏ cây, nhiều bích dao. Sông Kích Thủy 激水 đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào dòng sông Thú Đàn 娶檀, trong nước nhiều con *sài luy* 苾羸.

Tổng cộng “Kinh núi phía Đông” (Đông Sơn Kinh) ở đầu, từ hòn núi Sáu Chu cho đến Trúc Sơn, gồm 12 núi, 3"600 dặm. Thần ở đó dạng đều thân người đầu rồng. Tế: mao vật dùng chó để cúng, vật tanh dùng cá.

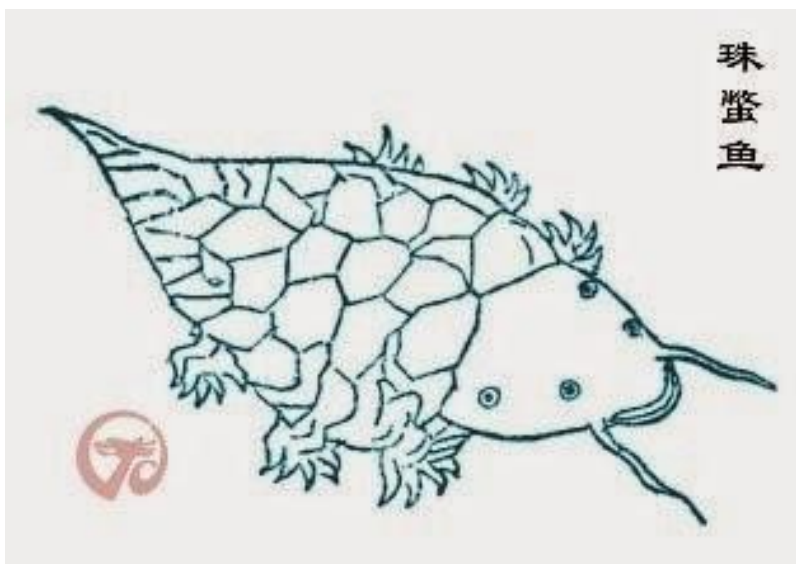
“Đông Kinh thứ hai” là hòn núi Không Tang 空桑, hướng bắc gần kề Thực Thủy, hướng đông trông ra Tụ Ngô 沮吳, hướng nam trông ra Sa Lăng 沙陵, hướng tây trông ra Mẫn Trạch 溷澤. Có loài thú, dạng nó như con trâu mà vẫn cạp, tiếng nó như ken ken. Tên nó là *linh linh* 鈴鈴, tiếng nó tụt thét, thấy được thì thiên hạ có nạn nước to.

Lại hướng nam 600 dặm là hòn núi Tào Tịch 曹夕, dưới đó nhiều cây cóc mà không có nước, nhiều chim thú.

Lại hướng tây nam 400 dặm là hòn núi Dịch Cao 嶧皋, trên đó nhiều vàng ngọc, dưới đó nhiều đất trắng. Dòng sông Dịch Cao đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào dòng sông Kích Nữ 激女, trong nước nhiều sò hầu.

Lại hướng nam theo đường thủy 500 dặm, lưu bãi cát 300 dặm, đến với phần đuôi Cát Sơn 葛山, không cỏ cây, nhiều đá mài thô.

Lại hướng nam 380 dặm là phần đầu Cát Sơn, không cỏ cây. Sông Lễ Thủy 禮水 đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào đầm Dư 余, trong nước nhiều cá *châu biệt* 珠鳖, dạng nó như thịt khô mà có mắt, sáu chân có ngọc châu, vị nó chua ngọt, ăn vào không ghê độc.



Cá châu biệt.

Lại hướng nam 380 dặm là hòn núi Du Nga 餘峩 . Trên đó nhiều cây tử nam, dưới đó nhiều cây kinh kỉ. Dòng sông Tạp Du 雜余 đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào sông Hoàng Thủy 黃水. Có loài thú, dạng nó như con thỏ mà mỏ chim, mắt cú tai mèo, đuôi rắn, thấy người thì ngủ, tên là *cửu dư* 狢狢, tiếng nó tụt thét, thấy được thì châu châu hại mùa.



Cửu dư.

Lại hướng nam 300 dặm là hòn núi Đỗ Phụ 杜父, không cỏ cây, nhiều nước.

Lại hướng nam 300 dặm là Cảnh Sơn 耿山, không cỏ cây, nhiều thủy bích, nhiều rắn lớn. Có loài thú, dạng nó như con cáo mà vây cá, tên nó là *chu nhụ* 朱孺, tiếng nó tụt thét, thấy được thì nước đó có điều đáng sợ.



Chu nộ.

Lại hướng nam 300 dặm là hòn núi Lư Kì 盧其, không có cây, nhiều sỏi cát, sông Sa Thủy 沙水 đi ra chảy hướng nam trút vào Sầm Thủy, trong đó nhiều loài *lê hồ* 鶖鵲, dạng nó như chim uyên ương mà chân người, tiếng nó tụt thét, thấy được thì nước đó nhiều lao dịch nhọc nhằn.



Lê hồ.

Lại hướng nam 380 dặm là hòn núi Cô Xạ 姑射, không cỏ cây, nhiều nước.
Lại hướng nam theo đường thủy 300 dặm, luồng bãi cát 100 dặm, là hòn núi Bắc Cô Xạ 北姑射, không cỏ cây, nhiều đá.

Lại hướng nam 300 dặm là hòn núi Nam Cô Xạ 南姑射, không cỏ cây, nhiều nước.

Lại hướng nam 300 dặm là Bích Sơn 碧山, không cỏ cây, nhiều rắn lớn, nhiều ngọc bích, thủy ngọc.

Lại hướng nam 500 dặm là hòn núi Câu Thị 緱氏, không cỏ cây, nhiều vàng ngọc. Sông Nguyên Thủy 原水 đi ra, chảy hướng đông trút vào Sa Trạch (đầm cát) 沙澤.

Lại hướng nam 300 dặm là hòn núi Cô Phùng 姑逢, không cỏ cây, nhiều vàng ngọc. Có loài thú, dạng nó như con cáo mà có cánh, tiếng nó như chim hồng nhạn, tên nó là tề tề 獒獒, thấy được thì thiên hạ đại hạn.

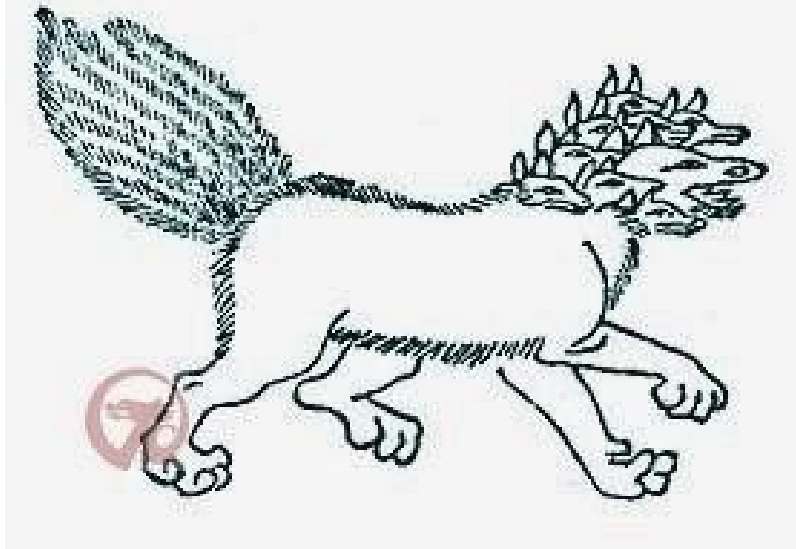
狻猊



Tê tê.

Lại hướng nam 300 dặm là hòn núi Phù Lê 崑麗, trên đó nhiều vàng ngọc, dưới đó nhiều đá châm. Có loài thú, dạng nó như cáo mà chín đuôi, chín đầu, móng cọp, tên là *long điệt* 螭姪, tiếng nó như em bé, ăn thịt người được.

蜚 任



Long điệt.

Lại hướng nam 500 dặm là Chân Sơn 礮山, hướng nam kề với sông Chân, hướng đông trông ra Hồ Trạch 湖澤. Có loài thú, dạng nó như con ngựa mà mắt dê, bốn sừng, đuôi trâu, tiếng nó như chó tru, tên nó là *du du* 徂徂. Thấy được thì nước đó lắm khách hung hiểm. Có loài chim, dạng nó như con le mà đuôi chuột, giỏi trèo cây, tên nó là *kiết câu* 絜鉤, thấy được thì nước đó nhiều bệnh truyền nhiễm.



Du du.

Tổng cộng “Kinh thứ hai phía Đông” ở đầu, từ hòn núi Không Tang cho đến Chân Sơn, gồm 17 núi, 6"640 dặm. Thần ở đó đều mình thú mặt người có gạc trên đầu. Tế thần: mao vật dung gà cúng, vật đeo dùng một bích chôn xuống.

Lại “Đông Kinh thứ ba” ở đầu, là hòn núi Thi Hồ 屍胡, hướng bắc trông ra Tường Sơn 山, trên đó nhiều vàng ngọc, dưới đó lắm cây gai. Có loài thú, dạng nó như con nai mà mắt cá, tên là *uyển hồ* 嬰胡, tiếng nó tự thét.

Lại hướng nam theo đường thủy 800 dặm là Kì Sơn 岐山, cây ở đó nhiều đào mạn, thú ở đó nhiều cọp.

Lại hướng nam theo đường thủy 700 dặm là hòn núi Chư Câu 諸鉤, không cỏ cây, nhiều sỏi cát. Đó là núi, rộng tròn 100 dặm, nhiều cá *mị* 寐.

Lại hướng nam theo đường thủy 700 dặm là hòn núi Trung Phụ 中父, không cỏ cây, nhiều cát.

Lại hướng đông theo đường thủy 1000 dặm là hòn núi Hồ Xạ 胡射, không cỏ cây, nhiều sỏi cát.

Lại hướng nam theo đường thủy 700 dặm là hòn núi Mạnh Tử 孟子, cây ở đó nhiều tử nam, lắm đào mạn, cỏ ở đó nhiều *khuẩn bồ* 菌蒲, thú ở đó

nhiều hươu nai. Đó là núi, rộng tròn 100 dặm, trên đó có nước đổ ra, gọi là Bích Dương 碧陽, trong nước nhiều cá *triên vĩ* 鱣鮪.

Lại hướng nam theo đường thủy 500 dặm là Lưu Sa 流沙, đi 500 dặm, có tòa núi, là hòn núi Kì Chủng 跂踵, rộng tròn 200 dặm, không cỏ cây, có rấn lớn, trên đó nhiều ngọc. Có dòng nước, rộng tròn 40 dặm đều phụt nước, tên là Thâm Trạch 深澤, trong nước nhiều con rùa *huề* 蠃. Có loài cá, dạng nó như cá chép, mà sáu chân, đuôi chim, tên là loài cá *cáp cáp* 鯨鯨, tiếng nó tự thét.



Cá cáp cáp.

Lại hướng nam theo đường thủy 900 dặm là hòn núi Mẫu Ngung 踣隅, trên đó nhiều cỏ cây, nhiều vàng ngọc, lăm cây chử. Có loài thú, dạng nó như con trâu mà đuôi ngựa, tên là *ting ting* 精精, tiếng kêu tự thét.

Lại hướng nam theo đường thủy 500 dặm, luồng bãi cát 300 dặm, cho đến hòn núi Vô Cao 無皋, hướng nam trông ra Ấu Hải 幼海, hướng đông trông ra Phù Mộc 搏木, không cỏ cây, nhiều gió. Đó là núi, rộng tròn 100 dặm.

Tổng cộng “Kinh thứ ba phía Đông” ở đầu, từ hòn núi Thi Hồ cho đến hòn núi Vô Cao, gồm 9 núi, 6"900 dặm. Thần ở đó dạng đều thân người mà sừng dê. Tế thần: dùng một con dê đực, gạo dùng nếp. Đó là thần, thấy được thì bị gió mưa nước dâng làm hư nát.

Lại “Đông Kinh thứ tư” ở đầu, là hòn núi Bắc Hiệu 北號, kê vào Bắc Hải. Có loài cây, dạng nó như cây dương, hoa đỏ, quả nó như quả táo mà không có hạt, mùi vị chua ngọt, ăn vào không bị sốt rét. Sông Thực Thủy đi ra, rồi chảy hướng đông bắc rót vào biển. Có loài thú, dạng nó như con sói, đầu đỏ

mắt chuột, tiếng nó như heo sữa, tên là *cát thur* 獨狙, nó ăn thịt người. Có loài chim, dạng nó như con gà mà đầu trắng, chân chuột mà móng hổ, tên là *kì tước* 魁雀, cũng ăn thịt người.

Lại hướng nam 300 dặm là Mao Sơn 旄山, không cỏ cây. Dòng sông Thương 軫蒼體 đi ra, rồi chảy hướng tây trút vào sông Triển Thủy 展水. Trong nước nhiều cá *tu* 鱠, dạng nó như cá chép mà đầu to, người ăn vào không mọc bướu.

Lại hướng nam 320 dặm là hòn núi Đông Thủy 東始, trên nhiều ngọc xanh. Có loài cây, dạng nó như cây dương mà vân đỏ, nhựa nó như máu, không quả, tên nó là *dĩ*, có thể đem đội lên ngựa. Sông Thử Thủy 泚水 đi ra, rồi chảy hướng đông bắc rót vào biển, trong nước nhiều sò đẹp, nhiều cá sài, dạng nó như cá giếc, một đầu mà mười thân, mùi nó như cỏ thơm mi vu, ăn vào không bị gãy xương.

Lại hướng đông nam là hòn núi Nữ Chung 女蒸, trên đó không cỏ cây. Sông Thạch Cao 石膏 đi ra, rồi chảy hướng tây trút vào Hách Thủy 鬲水, trong nước nhiều cá *bạc* 薄, dạng nó như cá triên mà một mắt, tiếng nó như ca vịnh, thấy được thì thiên hạ đại hạn.



Cá bạc.

Lại hướng đông nam 200 dặm là Khâm Sơn 欽山, nhiều vàng ngọc mà không có đá. Sông Sư Thủy 師水 đi ra, rồi chảy hướng bắc trút vào đầm Cao 皋, trong nước nhiều cá tu, lắm sò vằn. Có loài thú, dạng nó như heo sữa mà có ngà, tên nó là *đang khang* 當康, tiếng kêu tựa gào, thấy thì thiên hạ được mùa to.

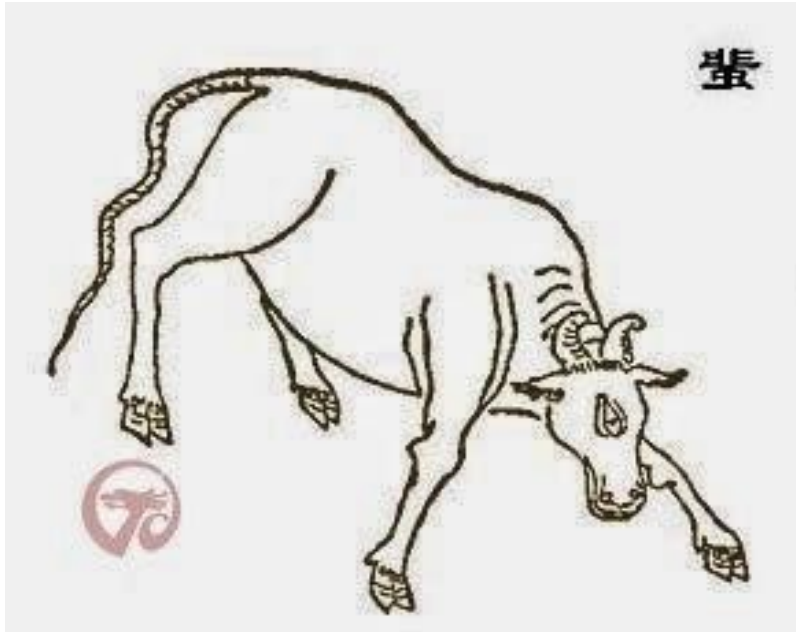
Lại hướng đông nam 200 dặm là hòn núi Tử Đòng 子桐, rồi chảy hướng tây trút vào đầm nước Dư Như 餘如. Trong nước nhiều cá *hoạt* 鱮, dạng nó như cá mà cánh chim, ra vào có ánh sáng, tiếng nó như yên ương, thấy được thì thiên hạ đại hạn.



Cá hoạt.

Lại hướng đông bắc 200 dặm là Diệm Sơn 剡山, nhiều vàng ngọc. Có loài thú, dạng nó như con lợn mà mặt người, thân vàng mà đuôi đỏ, tên nó là *hợp dũ* 合羸, tiếng nó như em bé. Đó là thú, ăn thịt người, cũng ăn thịt sâu rằn, thấy thì thiên hạ có nạn nước to.

Lại hướng đông bắc 200 dặm là Thái Sơn 太山, trên nhiều vàng ngọc, cây trinh (loài cây thuộc họ mộc tê, thân cao, lá tròn, hoa trắng, trái bầu dục đen dùng làm thuốc, gỗ đóng thuyền). Có loài thú, dạng nó như con trâu mà đầu trắng, một mắt mà đuôi rắn, tên nó là *phi* 蜚, đi xuống nước thì kiệt, đi vào cỏ thì chết, thấy thì thiên hạ có bệnh dịch to. Sông Câu Thủy 鉤水 đi ra, rồi chảy hướng bắc trút vào Lao Thủy 勞水, trong nước nhiều cá tu.



Phi.

Tổng cộng “Kinh thứ tư phía Đông” ở đầu, từ hòn núi Bắc Hiệu cho đến Thái Sơn, gồm 8 núi, 1"720 dặm.
Chép về núi bên trên Kinh phía Đông, gồm 46 núi, 18"860 dặm.

5. TRUNG SƠN KINH (中山經)

“Trung Sơn Kinh” ở đầu Bạc Sơn 薄山, là hòn núi Cam Tảo 甘棗. Sông Cộng Thủy 共水 đi ra, rồi chảy hướng tây trút vào sông (Hoàng Hà). Trên đó nhiều cây nữ, dưới đó có loài cỏ, gốc cây quỳ mà lá cây hạnh, hoa vàng mà quả loài đậu, tên là *thác* 籜, có thể đem khỏi mờ mắt. Có loài thú, dạng nó như chuột *hủy* mà trán vằn, tên nó là *nại* 難, ăn vào khỏi bấu cổ.

Lại hướng đông 20 dặm là hòn núi Lịch Nhi 歷兒, trên đó nhiều cây cương, nhiều cây *lại* 櫛, đó là cây, cọng thẳng mà lá tròn, hoa vàng có lông, quả nó như lượm, mặc vào không lú lẫn.

Lại hướng đông 15 dặm là hòn núi Cừ Trư 渠豬, trên đó nhiều trúc, dòng sông Cừ Trư đi ra rồi chảy hướng nam trút vào Hoàng Hà. Trong nước nhiều cá *hào* 豪, dạng như cá vĩ, mà mỏ đỏ đuôi đỏ lông đỏ, có thể đem khỏi bệnh sài¹⁷.

Lại hướng đông 35 dặm là hòn núi Thông Lung 蔥蘢, trong đó nhiều hang lớn, nơi đó nhiều đất trắng, đất đen, xanh, vàng.

Lại hướng đông 15 dặm là Oa Sơn 淩山, trên đó nhiều đồng đỏ, mặt bắc nhiều sắt.

Lại hướng đông 70 dặm là hòn núi Thoát Hổ 脫扈. Có loài cỏ, dạng nó như lá quỳ mà hoa đỏ, quả đậu, hạt như đậu *tông tông* 棕櫚, tên là *thực chủ* 植楮, có thể chữa khỏi bệnh rầu, ăn vào không híp mắt.

Lại hướng đông 20 dặm là hòn núi Kim Tinh 金星, nhiều *thiên anh* 天嬰, dạng nó như loài xương rồng, có thể chữa khỏi nhọt.

Lại hướng đông 70 dặm là hòn núi Thái Uy 泰威, trong đó có cây cóc, là *kiêu cốc* 梟谷, trong đó nhiều sắt.

Lại hướng đông 15 dặm là hòn núi Cương Cốc 樞谷, trong đó nhiều đồng đỏ.

Lại hướng đông 120 dặm là hòn núi Ngô Lâm 吳林, trong đó nhiều cỏ *gian* 蒺.

Lại hướng bắc 30 dặm là hòn núi Ngưu Thủ 牛首. Có loài cỏ, tên là *quỷ thảo* 鬼草, lá nó như cây quỳ mà cọng đỏ, bông nó như thóc, mặc vào không lo rầu. Sông Lao Thủy 勞水 đi ra, rồi chảy hướng tây trút vào Nguyệt Thủy 潑水. Nơi đó nhiều cá bay, dạng nó như ếch ương, ăn vào khỏi bị trĩ loét.

Lại hướng bắc 40 dặm là Hoắc Sơn 霍山, cây ở đó nhiều loài cóc. Có loài thú, dạng nó như mèo rừng, mà đuôi trắng, có bờm ở cổ, tên là *phỉ phỉ* 朏朏

𧄸, nuôi nó có thể khỏi buồn rầu.



Phi phi.

Lại hướng bắc 52 dặm là hòn núi Hợp Cốc 合谷, nơi đó nhiều cây đảm cây gai.

Lại hướng bắc 35 dặm là Âm Sơn 陰山, nhiều đá mài thô, đá vụn. Sông Thiểu Thủy 少水 đi ra, trong nước nhiều loài *điều đường* 彫棠, lá nó như lá cây du mà vuông, quả nó như quả đậu đỏ, ăn vào khỏi điếc.

Lại hướng đông bắc 400 dặm là hòn núi Cổ Đẳng 鼓鐙, nhiều đồng đỏ. Có loài cỏ, tên là *vinh thảo* 榮草, lá nó như liễu, gốc nó như trứng gà, ăn vào khỏi nhiễm gió.

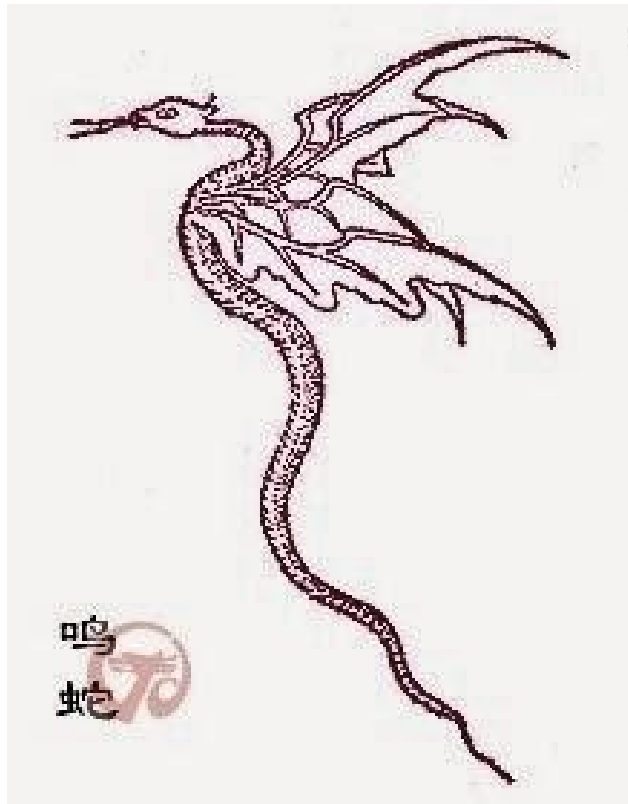
Tổng cộng ở đầu Bạc Sơn, từ hòn núi Cam Tảo cho đến hòn núi Cổ Đẳng, gồm 15 núi, 6"670 dặm. Lịch Nhi là nhà thờ, lễ tế thần đó: mao vật dùng đồ thái xa (trâu, lợn, dê); vật treo mang dùng ngọc cát. Ngoài ra có 13 vị thần, mao vật dùng một con dê, vật đeo mang dùng tảo khuê, chôn xuống không dùng gạo cứng. Tảo khuê ấy là ngọc tảo, mới để xuống mà đặt ở trên, mà bên trong luôn thêm vàng.

“Trung Kinh thứ hai” ở đầu Tế Sơn 濟山, là hòn núi Huy Chư 輝諸, trên đó nhiều cây dâu, thú ở đó nhiều nai lư, chim ở đó nhiều loài *hạt* 鶡.

Lại hướng tây nam 200 dặm là hòn núi Phát Thị 發視, trên đó nhiều vàng ngọc, dưới đó nhiều đá mài giũa. Dòng sông Túc Ngư 即魚 đi ra rồi chảy hướng tây trút vào Y Thủy 伊水.

Lại hướng tây 300 dặm là Hào Sơn 豪山, trên đó nhiều vàng ngọc mà không cỏ cây.

Lại hướng tây 300 dặm là Tiên Sơn 鮮山, nhiều vàng ngọc, không cỏ cây. Sông Tiên Thủy đi ra rồi chảy hướng bắc trút vào Y Thủy. Trong nước nhiều rắn *minh* 鳴, dạng nó như con rắn mà bốn cánh, tiếng như như khánh, thấy thì xóm làng đại hạn.



Rắn minh.

Lại hướng tây 300 dặm là Dương Sơn 陽山, nhiều đá, không cỏ cây. Sông Dương Thủy đi ra rồi chảy hướng bắc trút vào Y Thủy. Trong nước nhiều rắn *hóa* 化, dạng nó như mặt người mà thân sói, cánh chim mà đi như rắn, tiếng như như kêu rít, thấy thì xóm làng có nước to.



Rắn hóa.

Lại hướng tây 200 dặm là hòn núi Côn Ngô 昆吾, trên đó nhiều đồng đỏ. Có loài thú, dạng nó như con lợn mà có sừng, tiếng nó như gào rống, tên là *long điệt* 螭, ăn vào không híp mắt.



Long điệt.

Lại hướng tây 120 dặm là Gian Sơn 葦山, sông Gian Thủy đi ra rồi chảy hướng bắc trút vào Y Thủy, trên đó nhiều vàng ngọc, dưới đó nhiều hùg hoàng xanh. Có loài cây, dạng nó như cây đường mà hoa đỏ, tên là *mang thảo* 芒草, có thể làm thuốc độc cá.



Mang thảo.

Lại hướng tây 150 dặm là hòn núi Độc Tô 獨蘇, không cỏ cây mà lấm nước.

Lại hướng tây 120 dặm là hòn núi Mạn Cừ 蔓渠, trên đó nhiều vàng ngọc, ở dưới nhiều tre trúc. Sông Y Thủy đi ra rồi chảy hướng đông trút vào sông Lạc. Có loài thú, tên nó là *mã phúc* 馬腹, dạng nó như mặt người mình cạp, tiếng nó như em bé, ăn thịt người được.



Mã phúc.

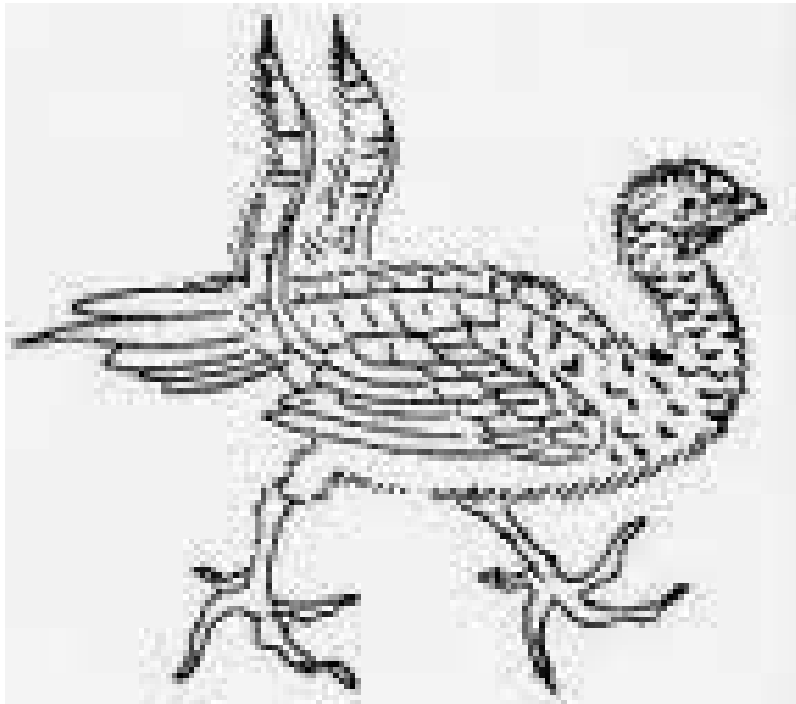
Tổng cộng ở đầu Tế Sơn, từ hòn núi Huy Chư cho đến hòn núi Mạn Cừ, gồm 9 núi, 1"670 dặm. Thần ở đó đều mặt người mà thân chim. Tế: dùng vật có lông, dùng một ngọc cát, bày mà không dùng gạo cúng.

“Trung Kinh thứ ba” ở đầu Bội Sơn 萑山, là hòn núi Ngao Ngạn 敖岸, mặt nôm có nhiều loại ngọc dư phù, mặc bắc nhiều cây chử, vàng ròng, thần Huân Trì 熏池 cư trú. Nơi đó thường cho ra ngọc đẹp. Hương bắc trông ra Hà Lâm 河林, dạng nó như cỏ thiên, như cây cử. Có loài thú, dạng nó như hươu trắng mà bốn sừng, tên là *phu chư* 夫諸, thấy thì xóm làng có nước to.



Phu chur.

Lại hướng đông 10 dặm là hòn núi Thanh Yêu 青要, quả thật nghĩ là đô thành trù mật của Thiên Đế. Nơi đó nhiều chim *giá* 駕. Hướng nam trông ra bãi Thiện Chử 埤渚, là chỗ đượ hóa ra của Ngu Phụ 禹父, nơi đó có nhiều *bộc luy*¹⁹ 僕累, *bồ lô*²⁰ 蒲盧. Vị thần Vũ La 武羅 cai quản, dạng thần mặt người mà vằn báo, đầu nhỏ mà răng trắng, mà tai xâu quả chuông, tiếng kêu như ngọc reo. Đó là núi, hợp con cái. Sông Chấn Thủy 畛水 đi ra, rồi chảy hướng bắc rót vào Hoàng Hà. Trong đó nhiều loài chim, tên là *yểu* 鳩, dạng nó như con le, mình xanh mà mắt thắm đuôi đỏ. Có loài cỏ, dạng nó như cỏ gian, mà cọng thẳng hoa vàng quả đỏ, gốc nó như gốc cỏ *cảo* (藁, một loại cỏ thơm), tên là *tuân thảo* 荀草, mặc vào người thì nhan sắc đẹp ra.

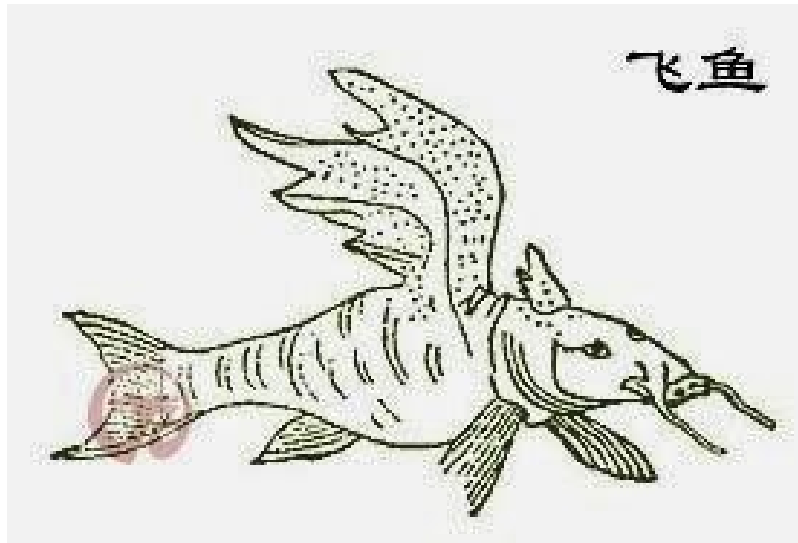


Chim yểu.



Tuân thảo.

Lại hướng đông 10 dặm là Quy Sơn 騏山, trên đó nhiều táo ngon, mặt bắc nhiều loại ngọc dư phù. Dòng sông Chính Hồi 正回 đi ra, rồi chảy hướng bắc rót vào Hoàng Hà. Trong nước nhiều cá bay, dạng nó như heo sữa mà vằn đỏ, mang vào không sợ sấm, có thể đem ngăn binh chiến.



Cá bay.

Lại hướng đông 40 dặm là hòn núi Nghi Tô 宜蘇, trên đó nhiều vàng ngọc, dưới đó nhiều loài cây *mạn cư* 蔓居. Dòng sông Dung Dung 瀟瀟 đi ra, rồi chảy hướng bắc rớt vào Hoàng Hà, nơi đó nhiều sò vàng.

Lại hướng đông 20 dặm là Hòa Sơn 和山, trên đó không có cây mà lắm dao bích, quả thật nghĩ rằng là Cửu Đô (chín nhánh) của sông Hoàng Hà. Nơi đó núi có năm khúc, chín dòng nước đi ra, hợp rồi chảy hướng bắc rớt vào sông, trong nước nhiều ngọc xanh biếc. Vị thần tốt lành Thái Phùng 泰逢 cai quản.



Thần Thái Phùng.

Tổng cộng ở đầu Phụ Sơn, từ hòn núi Ngao Ngạn cho đến Hòa Sơn, gồm 5 núi, 440 dặm. Tế thần: Thái Phùng, Huân Trì, Vũ La đều một con dê đực mổ ra, vật đeo dùng ngọc cát. Hai vị thần kia dùng một con gà trống chôn xuống, gạo cúng dùng nếp.

“Trung Kinh thứ tư” ở đầu Li Sơn 釐山, là hòn núi Lộc Đề 鹿蹄, trên đó nhiều ngọc, dưới đó nhiều vàng. Sông Cam Thủy 甘水 đi ra, rồi chảy hướng bắc trút vào sông Lạc, trong nước nhiều đá trong lắng.

Hướng tây 50 dặm là hòn núi Phù Trư 扶豬, trên đó nhiều đá *nhuyên* (礪, một thứ đá đẹp như ngọc). Có loài thú, dạng nó như con hạc²¹ mà mắt người, tên nó là *ngân* 麇. Sông Quắc Thủy 號水 đi ra, rồi chảy hướng bắc trút vào sông Lạc, trong nước nhiều đá *nhuyên*.

Lại hướng tây 120 dặm là Li Sơn, mặt nồm nhiều ngọc, mặt bắc nhiều cỏ *suu* 蒐. Có loài thú, dạng nó như con trâu, mình xanh biếc, tiếng nó như em bé, nó ăn thịt người, tên nó là *tê cừ* 犀渠. Dòng sông Dung Dung đi ra, rồi chảy hướng nam trút vào Y

Thủy. Có loài thú, tên là *hiệt*, dạng nó như chó *nhũ* 獯 mà có vảy, lông nó như lông rìa lợn.



Hiệt.

Lại hướng tây 200 dặm là hòn núi Ki Vĩ 箕尾, nhiều cây cóc, lắm đá mạ, trên đó nhiều loại ngọc dư phù.

Lại hướng tây 250 dặm là Bính Sơn 柄山, trên đó nhiều ngọc, dưới đó nhiều đồng. Dòng sông Thao Điêu 滔雕 đi ra, rồi chảy hướng bắc trút vào sông Lạc. Trong đó nhiều loài hàm dương. Có loài cây, dạng nó như cây sù, lá nó như cây vông mà quả đậu, tên là *bạt* 芡, có thể làm thuốc độc cá.

Lại hướng tây 200 dặm là hòn núi Bạch Biên 白邊, trên đó nhiều vàng ngọc, dưới đó nhiều hùng hoàng xanh.

Lại hướng tây 200 dặm là hòn núi Hùng Nhĩ 熊耳, trên đó nhiều cây sơn, dưới đó nhiều cây móc. Dòng sông Phù Hào 浮濠 đi ra, rồi chảy hướng tây trút vào sông Lạc, trong nước nhiều thủy ngọc, nhiều cá người. Có loài cỏ, dạng nó như cây tía tô mà hoa đỏ, tên là *đình trũ* 葶苳, có thể làm thuốc độc cá.

Lại hướng tây 300 dặm là Mẫu Sơn 牡山, trên đó nhiều đá vụn, dưới đó nhiều cành tre bụi trúc, thú ở đó nhiều trâu tạc, hàm dương, chim nhiều loài trĩ tế đỏ.

Lại hướng tây 350 dặm là hòn núi Hoan Cử 灌舉. Sông Lạc Thủy 雒水 đi ra, rồi chảy hướng đông bắc trút vào dòng sông Huyền Hồ 玄扈, trong nước nhiều loài vật *mã tràng* 馬腸. Hai ngọn núi này, Lạc và Nhân.

Tổng cộng ở đầu Li Sơn, từ hòn núi Lộc Đề cho đến hòn núi Huyền Hồ, gồm 9 núi, 1"670 dặm. Thần ở đó đều mặt người mình thú. Tể thần: mao vật dùng một con gà trắng, cúng mà không dùng gạo, đem áo sặc sỡ cho.

“Trung Kinh thứ năm” ở đầu Bạc Sơn, là hòn núi Cầu Sàng 苟牀, không có cây, nhiều đá lạ.

Hướng đông 300 dặm là Thủ Sơn 首山, mặt bắc nhiều cây cộc cây tạc, cỏ ở đó nhiều loài *thuật nguyên* 22 荒, mặt nồm nhiều loại ngọc dư phù, lấm cây hòe. Mặt bắc có hang, nhiều chim *địa* 馱, dạng nó như chim kiêu mà ba mắt, có tai, tiếng nó “lu lu”, ăn vào khỏi bị chìm.



Chim địa.

Lại hướng đông 300 dặm là hòn núi Huyền Trác 縣屬, không có cây, nhiều đá vụn.

Lại hướng đông 300 dặm là hòn núi Thông Lung, không có cây, nhiều đá *phùng*.

Hướng đông bắc 500 dặm là hòn núi Điều Cốc 條谷, ở đó nhiều cây hòe cây vông, cỏ ở đây nhiều thực dược, *môn đông* 夔冬.

Lại hướng bắc 10 dặm là Siêu Sơn 超山, mặt bắc nhiều ngọc biếc, mặt nồm có cái giếng, mùa đông có nước mà mùa hạ thì cạn.

Lại hướng đông 500 dặm là hòn núi Thành Hầu 成侯, trên đó nhiều cây *huân* 樛, nhiều loài cỏ *bông* 芄.

Lại hướng đông 500 dặm là hòn núi Triều Ca 朝歌, hang nhiều đá trát đẹp.

Lại hướng đông 500 dặm là Hòe Sơn 槐山, hang nhiều vàng thiếc.

Lại hướng đông 10 dặm là Lịch Sơn 歷山, cây ở đó nhiều cây hòe, mặt nôm nhiều ngọc.

Lại hướng đông 10 dặm là Thi Sơn 屍山, nhiều ngọc biếc, thú ở đó nhiều hươu nhỏ. Sông Thi Thủy đi ra rồi chảy hướng nam trút vào sông Lạc, trong nước nhiều ngọc đẹp.

Lại hướng đông 10 dặm là hòn núi Lương Dư 良餘, trên đó nhiều cây cóc cây tạc, không có đá. Sông Dư Thủy 餘水 đi ra mặt bắc, rồi chảy hướng bắc rót vào Hoàng Hà; sông Nhũ Thủy 乳水 đi ra mặt nôm, rồi chảy hướng đông nam trút vào sông Lạc.

Lại hướng đông nam 10 dặm là hòn núi Cỗ Vĩ 蠱尾, nhiều đá mài thô, đồng đỏ. Dòng sông Long Dư 龍餘 đi ra, rồi chảy hướng đông nam trút vào sông Lạc.

Lại hướng đông bắc 20 dặm là Thăng Sơn 升山, cây ở đó nhiều cây cóc cây tạc cây gai, cỏ ở đó nhiều loài dữ loài huệ, nhiều cỏ *khẩu thoát* 寇脫. Dòng sông Hoàng Toan 黃酸 đi ra, rồi chảy hướng bắc trút vào Hoàng Hà, trong nước nhiều ngọc tuyền.

Lại hướng đông 20 dặm là hòn núi Dương Hư 陽虛, nhiều vàng, kê với dòng sông Huyền Hồ.

Tổng cộng ở đầu Bạc Sơn, từ hòn núi Cầu Sàng cho đến hòn núi Dương Hư, gồm 16 núi, 2"982 dặm. Thăng Sơn là nhà thờ, lễ tế thần: thái xa, vật đeo dùng ngọc cát. Thủ Sơn là miếu thần, tế thần dùng nếp, con muông đen, đồ vật thái xa, men cát; cầu mùa, đặt trống; vật đeo dùng một bích. Sông Thi Thủy, hợp với trời, dùng súc vật béo để cúng, dùng một con chó đen để ở trên, dùng một con gà mái ở dưới, cúng dê mái, dâng máu. Vật đeo dùng ngọc cát, sắc sỡ, tế chung.

“Trung Kinh thứ sáu” ở đầu núi Cảo Đê 縞羝, hòn núi Bình Phùng 平逢.

Hướng nam trông ra sông Y sông Lạc, hướng đông trông ra hòn núi Cốc Thành 穀城, không cỏ cây, không có nước, nhiều sỏi cát. Có vị thần, dạng thần như người mà hai đầu, tên là Kiêu Trùng 驕蟲, đó là trùng đốt, quả thật nghĩ là căn nhà của ong mật, tế thần ấy: dùng một con gà trống, cầu đảo mà chó giết.

Hướng tây 10 dặm là hòn núi Cảo Đê, không cỏ cây, nhiều vàng ngọc.



Thần Kiêu Trùng.

Lại hướng tây 10 dặm là Tương Sơn 廆山, mặt bắc nhiều loại ngọc dư phù. Mặt nôm có hang, ở đó nhiều cây liễu cây chử. Trong đó có loài chim, dạng nó như gà núi mà đuôi dài, đỏ như lửa son mà mỏ xanh, tên là *linh yêu* 鷓鴣, tiếng hót như hô, mặc vào không híp mắt. Dòng sông Giao Thương 交觴 đi ra ở mặt nôm, rồi chảy hướng nam trút vào sông Lạc; dòng sông Du Tuy 俞隨 đi ra ở mặt bắc, rồi chảy hướng bắc trút vào Cốc Thủy 穀水.

Lại hướng tây 30 dặm là hòn núi Chiêm Chư 瞻諸, mặt nôm nhiều vàng, sông Tạ Thủy 澍水 đi ra rồi chảy hướng đông nam trút vào sông Lạc; sông Thiêu Thủy đi ra ở mặt bắc, rồi chảy hướng đông trút vào Cốc Thủy.

Lại hướng tây 30 dặm là hòn núi Lâu Trác 婁涿, không cỏ cây, nhiều vàng ngọc. Sông Chiêm Thủy 瞻水 đi ra mặt nôm, rồi chảy hướng đông trút vào sông Lạc; sông Bi Thủy 陂水 đi ra ở mặt bắc, rồi chảy hướng bắc trút vào Cốc Thủy, trong nước nhiều đá sài, đá vắn.

Lại hướng tây 40 dặm là hòn núi Bạch Thạch 白石. Sông Huệ Thủy 惠水 đi ra mặt nôm, rồi chảy hướng nam trút vào sông Lạc, trong nước nhiều thủy ngọc. Sông Giản Thủy 澗水 đi ra mặt bắc, chảy hướng tây bắc trút vào Cốc Thủy, trong nước có nhiều *mi thạch* 麋石, *lô đan* 櫨丹.

Lại hướng tây 50 dặm là Cốc Sơn 穀山, trên đó nhiều cây cốc, dưới đó nhiều cây dâu. Sông Sảng Thủy 爽水 đi ra, rồi chảy hướng tây bắc trút vào Cốc Thủy, trong nước nhiều ngọc bích lục.

Lại hướng tây 72 dặm là Mật Sơn 密山, mặt nôm nhiều ngọc, mặt bắc nhiều sắt. Sông Hào Thủy 豪水 đi ra, rồi chảy hướng nam trút vào sông Lạc, trong nước nhiều loài *toàn quy* 旋龜, dạng nó như đầu chim mà đuôi ba ba, tiếng nó như bò cây. Không cỏ cây.

Lại hướng tây 100 dặm là hòn núi Trường Thạch 長石, không cỏ cây, nhiều ngọc. Phía tây ở đó có cái hang, tên là Cộng Cốc 共谷, nhiều cây tre. Sông Cộng Thủy đi ra, rồi chảy hướng tây nam trút vào sông Lạc, trong nước nhiều đá minh.

Lại hướng tây 140 dặm là Phó Sơn 傅山, không cỏ cây, nhiều dao bích. Dòng sông Yêm Nhiễm 厭染 đi ra đi ra mặt nôm, rồi chảy hướng nam trút vào sông Lạc, trong nước nhiều cá người. Phía tây ở đó có rừng, tên là Phiên Trung 墦冢. Sông Cốc Thủy đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào sông Lạc, trong nước nhiều ngọc nhân.

Lại hướng tây 50 dặm là Thác Sơn 橐山, ở đó nhiều cây sư, nhiều cây *bị*, mặt nôm nhiều vàng ngọc, mặt bắc nhiều sắt, lắm cỏ tiêu. Sông Thác Thủy đi ra rồi chảy hướng bắc trút vào Hoàng Hà. Trong nước nhiều loài cá *tu tích* 脩辟, dạng nó như con ếch mà mỏ trắng, tiếng nó như cú tai mèo, ăn vào khỏi bệnh sài.

Lại hướng tây 90 dặm là hòn núi Thường Chung 常烝, không cỏ cây, nhiều đá trát. Sông Tiểu Thủy 漹水 đi ra, rồi chảy hướng đông bắc rót vào Hoàng Hà, trong nước nhiều ngọc biếc. Sông Tri Thủy 蓄水 đi ra rồi chảy hướng bắc rót vào Hoàng Hà.

Lại hướng tây 90 dặm là hòn núi Hề Phụ 夸父, cây ở đó nhiều cây cọ cây nam, nhiều tre trúc, thú ở đó nhiều trâu tạc, hàm dương, chim ở đó nhiều loài trĩ tể, mặt nôm nhiều ngọc, mặt bắc nhiều sắt. Phía bắc ở đó có rừng, tên là Đào Lâm 桃林, nó rộng tròn 300 dặm, trong rừng nhiều ngựa. Sông Hồ Thủy 湖水 đi ra, rồi chảy hướng bắc trút vào Hoàng Hà, trong nước nhiều ngọc nhân.

Lại hướng tây 90 dặm là hòn núi Dương Hoa 陽華, mặt nôm nhiều vàng ngọc, mặt bắc nhiều hùng hoàng xanh, cỏ ở đó nhiều loài *thụ dũ* 蓍蕘, nhiều *khổ tân* 苦辛, dạng nó như cây thu, quả nó như dưa, mùi vị chua ngọt, ăn vào khỏi sốt rét. Sông Dương Thủy 楊水 đi ra, rồi chảy hướng tây nam trút vào sông Lạc, trong nước nhiều cá người. Sông Môn Thủy 門水 đi ra, rồi chảy hướng đông bắc rót vào Hoàng Hà, trong nước nhiều đá giữa

đen. Dòng sông Tịch Cô 姑 đi ra mặt bắc, rồi chảy hướng đông trút vào Môn Thủy, trên đó nhiều đồng. Sông Môn Thủy đi ra sông, 790 dặm đi vào sông Lạc Thủy.

Tổng cộng ở đầu hòn núi Cảo Đê, từ hòn núi Bình Phụng cho đến hòn núi Dương Hoa, gồm 14 núi, 790 dặm. Trong núi cao ở đó, lấy tháng 6 tế lễ, như cách cúng của thần các núi Nhạc, thì thiên hạ yên ổn.

“Trung Kinh thứ bảy” ở đầu Khổ Sơn 苦山, là hòn núi Hưu Du 休輿. Trên đó có tảng đá, gọi là cờ của thần Đế Đài, năm sắc có vân, dạng nó như trứng chim cun cút, đá của Đế Đài, vì vậy dùng cầu cúng trăm vị thần, mang vào không bị ngải yếm. Có loài cỏ, dạng nó như cỏ thi, lá đỏ mà gốc lùm sinh, tên là *túc điều* 夙條, có thể đem làm cán tên.

Hướng đông 300 dặm là hòn núi Cổ Chung 鼓鍾, Đế Đài vì thế lấy chén uống rượu trăm vị thần. Có loài cỏ, cọng thẳng mà hoa vàng, lá tròn mà ba thành, tên là *yên toan* 焉酸, có thể làm thuốc độc. Trên đó nhiều đá giữa thô, dưới đó nhiều đá mài.

Lại hướng đông 200 dặm là hòn núi Cô Dao 姑媯. Con gái

Thiên Đế chết đi, tên là Nữ Thi 女屍, hóa làm cỏ *dao* 薔, lá nó lẫn thành, hoa nó vàng, quả nó như tầm gửi, uống vào thì yêu gần với người.

Lại hướng đông 20 dặm là Khổ Sơn. Có loài thú, tên là *son cao* 山膏, dạng nó như con heo, trên thân đỏ rực lửa, giới la hét. Trên đó có loài cây, tên là *hoàng cúc* 黃棘, hoa vàng mà lá tròn, quả nó như cây lan. Uống vào không hôn thú. Có loài cỏ, lá tròn mà không cành, hoa đỏ mà không quả, tên là *vô điều* 無條, uống vào không bấu cổ.



Sơn cao.

Lại hướng đông 27 dặm là Đổ Sơn 堵山, thần Thiên Ngu 天愚 cai quản, nơi đó nhiều mưa gió lạ. Trên đó có loài cây, tên là *thiên biên* 天湄, cọng thẳng mà dạng cây quỳ, uống vào không nghẹn.

Lại hướng đông 52 dặm là hòn núi Phóng Cao 放皋. Sông Minh Thủy 明水 đi ra, rồi chảy hướng nam trút vào Y Thủy, trong nước nhiều ngọc biếc. Có loài cây, lá nó như cây hòe, hoa vàng mà không quả, tên nó là *mông mộc* 蒙木, uống vào không mê hoặc. Có loài thú, dạng nó như con ong, đuôi chi mà lưỡi trở ngược, kêu to, tên là *văn văn* 文文.

Lại hướng đông 57 dặm là hòn núi Đại Khổ 大, nhiều loại ngọc dư phù, nhiều ngọc mi. Có loài cỏ, dạng nó lá như cây du, cọng thẳng mà gai xanh, tên là *ngưu thương* 牛傷, rễ nó có vằn xanh, uống vào không ngất, có thể đem ngăn binh. Mặt nồm sông Cuồng Thủy 狂水 đi ra, chảy hướng nam trút vào Y Thủy, trong nước nhiều rùa ba chân, người ăn không bị bệnh to, có thể chữa khỏi phù trứng.



Rùa ba chân.

Lại hướng đông 70 dặm là hòn núi Bán Thạch 半石, trên đó có loài cỏ, sinh rồi lớn lên, nó cao hơn trượng, lá đỏ hoa vàng, hoa mà không quả, tên nó là *gia vinh* 嘉榮, mang nó vào không bị trúng sét. Dòng sông Lai Nhu 來需 đi ra mặt nôm, rồi chảy hướng tây trút vào Y Thủy, trong nước nhiều cá *luân* 鱗, vằn đen, dạng nó như cá giếc, người ăn vào không buồn ngủ. Sông Hợp Thủy 合水 đi ra mặt bắc, rồi chảy hướng bắc trút vào sông Lạc, nhiều cá *đăng* 騰, dạng như cá quyết, sống ở huyết nước, vằn xanh, đuôi đỏ, ăn vào không bị nhọt sưng, có thể đem làm mủ.

Lại hướng đông 50 dặm là hòn núi Thiểu Thất 少室, trăm loài cỏ cây thành vựa. Trên đó có loài cây, tên nó là *đế hưu* 帝休, lá dạng như cây dương, cành nó năm đường, hoa vàng quả đen, uống vào không giận. Trên đó lấm ngọc, dưới đó nhiều sắt. Sông Hưu Thủy 休水 đi ra, rồi chảy hướng bắc trút vào sông Lạc, trong nước nhiều cá *đế* 鯪, dạng nó như rắn *chu* mà cựa dài, chân trắng mà chĩa vào, ăn vào không bệnh yêm độc, có thể đem ngăn binh.

Lại hướng đông 30 dặm là hòn núi Thái Thất 泰室. Trên đó có loài cây, dạng lá như cây lê mà vân đỏ, tên nó là *uất mộc* 栴木, người dùng không ghen ghét. Có loài cỏ, dạng nó như cỏ *thuật*, hoa trắng quả đen, thấm ẩm

như *anh áo* 蓂莢 (một loài cây họ nho), tên nó là *dao thảo* 蓐草, dùng vào không híp mắt. Ở trên nhiều ngọc đẹp.

Lại hướng bắc 30 dặm là Giảng Sơn 講山, trên đó nhiều ngọc, nhiều cây chá, lắm cây bách. Có loài cây, tên là *đế ốc* 帝屋, lá như cây tiêu, gai trở quả đỏ, có thể ngăn điềm dữ.

Lại hướng bắc 30 dặm là hòn núi Anh Lương 嬰梁, trên nhiều ngọc biếc, tọa lạc ở Huyện Thạch (đá đen, 玄石).

Lại hướng đông 30 dặm là hòn núi Phù Hí 浮戲. Có loài cây, lá dạng như cây sư mà quả đỏ, tên là *kháng mộc* 亢木, ăn vào không ngải độc, sông Dĩ Thủy 汜水 đi ra rồi chảy hướng bắc rót vào Hoàng Hà. Phía đông ở đó có cái hang, nhân danh là *xà cốc* (蛇谷, hang rắn), trên nhiều loài *thiếu tân* 少辛.

Lại hướng đông 40 dặm là hòn núi Thiểu Hình 少陁. Có loài cây, tên là *ương thảo* 草, lá dạng như cây quỳ, mà cọng đỏ hoa trắng, quả như anh áo, ăn vào không ngu. Dòng sông Khí Nan 器難 đi ra rồi chảy hướng bắc trút vào Dịch Thủy 役水.

Lại hướng đông nam 10 dặm là Thái Sơn 太山. Có loài cỏ, tên là *lê* 梨, lá nó dạng như cỏ lau mà hoa đỏ, có thể khỏi nhọt. Sông Thái Thủy đi ra mặt nồm, rồi chảy hướng đông nam trút vào Dịch Thủy; sông Thừa Thủy 承水 đi ra mặt bắc, rồi chảy hướng đông bắc trút vào sông Dịch.

Lại hướng đông 20 dặm là Mạt Sơn 末山, trên nhiều vàng đỏ. Sông Mạt Thủy đi ra, chảy hướng bắc trút vào sông Dịch.

Lại hướng đông 25 dặm là Dịch Sơn 役山, ở trên nhiều vàng trắng, nhiều sắt. Sông Dịch Thủy đi ra, chảy hướng bắc rót vào Hoàng Hà.

Lại hướng đông 35 dặm là Mẫn Sơn 敏山. Trên có loài cây, dạng nó như cây kinh, hoa trắng mà quả đỏ, tên là *kế bách* 薊柏, uống vào không lạnh. Mặt nồm nhiều loại ngọc dư phù.

Lại hướng đông 30 dặm là hòn núi Đại Quy 大騏, mặt bắc nhiều sắt, ngọc đẹp, đất trát xanh. Có loài cỏ, dạng nó như cỏ thi mà có lông, hoa xanh mà quả trắng, tên nó là *ngận*, uống vào không tai vạ, có thể làm bệnh ở bụng.

Tổng cộng ở đầu Khổ Sơn, từ hòn núi Hưu Dư cho đến hòn núi Đại Quy, gồm 19 núi, 1184 dặm. 16 vị thần ở đó, đều thân heo mà mặt người. Tế thần: mao vật dùng một con dê ngon, vật đeo dùng một ngọc tảo chôn xuống. Khổ Sơn, Thiểu Thất, Thái Thất đều là nhà thờ. Tế thần: đồ vật thái xa, vật đeo lấy ngọc cát. Thần ở đó dạng đều mặt người mà ba đầu. Ngoài ra đều thuộc thân heo mà mặt người.

“Trung Kinh thứ tám” ở đầu Kinh Sơn 荆山, là Cảnh Sơn 景山, trên đó nhiều vàng ngọc, cây ở đó nhiều cây thữ cây đàn. Sông Sư Thủy 睢水 đi ra, rồi chảy hướng đông nam trút vào sông Giang, trong đó nhiều lúa tể son, nhiều cá vằn.

Hướng đông bắc 100 dặm là Kiêu Sơn 驕山, trên đó nhiều ngọc, dưới đó nhiều đá hoạch xanh, cây ở đó nhiều tùng bách, nhiều cảnh đào và câu đoan. Thần Trì Vi 圍 sinh sống, dạng thần như mặt người, sừng dê móng cạp, luôn dạo đến vực thẳm Sư Chương 睢漳, ra vào có ánh sáng.



Thần Trì Vi.

Lại hướng đông bắc 120 dặm là hòn núi Nữ Kỉ 女幾, trên đó nhiều ngọc, dưới đó nhiều vàng ròng, thú ở đó nhiều hổ báo, nhiều lừa nai hươu hoẵng, chim ở đó nhiều loài kiêu trắng, nhiều trĩ địch, nhiều chim trậm độc.

ng bắc 200 dặm là hòn núi Nghi Chư 宜諸, trên đó nhiều vàng ngọc, dưới đó nhiều đá hoạch xanh. Sông Quỷ Thủy 滄水 đi ra, rồi chảy hướng nam trút vào sông Chương, trong nước nhiều bạch ngọc.

Lại hướng đông bắc 350 dặm là Luân Sơn 綸山, cây ở đó nhiều loài tử nam, nhiều đào chi, nhiều lê tể quýt bưởi, thú ở đó nhiều nai lừa linh dương.

Lại hướng đông 200 dặm là hòn núi Lục Quy 陸郟, trên đó nhiều loại ngọc dư phù, dưới đó nhiều đất trát, cây ở đó nhiều nữ cương.

Lại hướng đông 130 dặm là Quang Sơn 光山, trên đó nhiều bích, dưới đó nhiều cây. Thần Kế Mông 計蒙 sinh sống, dạng thần thân người mà đầu rồng, thường dạo đến vực Chương, ra vào ắt có gió lốc mưa dữ.



Thần Kế Mông.

Lại hướng đông 150 dặm là Kì Sơn 岐山, mặt nồm nhiều đồng đỏ, mặt bắc nhiều ngọc mân trắng, trên đó nhiều vàng ngọc, dưới đó nhiều đá hoạch xanh, rừng ở đó nhiều cây sù. Thần Thiệp (0) 涉 sinh sống, dạng thần mình người mà mặt vuông, ba chân.

Lại hướng đông 130 dặm là Đồng Sơn 銅山, trên đó nhiều vàng bạc sắt, cây ở đó nhiều cốc, tạc, thô, lúa tễ, quýt bưởi, thú ở đó nhiều báo.

Lại hướng đông bắc 100 dặm là Mỹ Sơn 美山, thú ở đó nhiều tê giác và trâu, nhiều lừa hươu, nhiều lợn nai, trên đó nhiều vàng, dưới đó nhiều đá hoạch xanh.

ng đông bắc 100 dặm là hòn núi Đại Nhiêu 大堯, cây ở đó nhiều tùng bách, nhiều cây tử cây dâu, nhiều cây cử, cỏ ở đó nhiều tre, thú ở đó nhiều hổ báo linh dương.

Lại hướng đông bắc 300 dặm là Linh Sơn 靈山, trên đó nhiều vàng ngọc, dưới đó nhiều hoạch xanh, cây ở đó nhiều đào mận mai hạnh.

Lại hướng đông bắc 70 dặm là Long Sơn 龍山, ở trên nhiều cây ngu, trên núi nhiều bích, dưới núi nhiều thiếc đỏ, cỏ ở đó nhiều đào chi và câu đoan.

Lại hướng đông nam 50 dặm là Hành Sơn 衡山, trên đó nhiều cây ngu và cây cóc cây tạc, nhiều đất trát vàng và đất trát trắng.

Lại hướng đông nam 70 dặm là Thạch Sơn 石山, trên đó nhiều vàng, dưới đó nhiều hoạch xanh, lắm cây ngu.

Lại hướng nam 120 dặm là Nhược Sơn 若山, trên đó nhiều loại ngọc dư phù, nhiều cây chữ, nhiều đá khuê, lắm cây ngu, lắm cây chá.

Lại hướng đông nam 120 dặm là Trệ Sơn 穢山, nhiều đá đẹp, lắm cây chá.

Lại hướng đông nam 150 dặm là Ngọc Sơn 玉山, trên đó nhiều vàng ngọc, dưới đó nhiều bích, sắt, ở đó nhiều cây bách.

Lại hướng đông nam 70 dặm là Hoan Sơn 讎山, ở đó nhiều cây đàn, nhiều đá *phong* 封, lắm thiếc trắng. Sông Úc Thủy 郁水 đi ra ở trên núi, ẩn ở dưới núi, trong nước nhiều đá mài và đá giữa thô.

Lại hướng đông bắc 150 dặm là hòn núi Nhân Cử 仁舉, cây ở đó nhiều cóc và tạc, mặt nôm nhiều vàng đỏ, mặt bắc nhiều đất đỏ.

Lại hướng đông 50 dặm là hòn núi Sư Mỗi 師每, mặt nôm nhiều đá mài và đá giữa thô, mặt bắc nhiều hoạch xanh, cây ở đó nhiều bách, nhiều đàn, nhiều chá, cỏ ở đó nhiều trúc.

Lại hướng đông nam 200 dặm là hòn núi Cầm Cổ 琴鼓, cây ở đó nhiều cóc tạc tiêu chá, trên đó nhiều ngọc mân trắng, dưới đó nhiều đá tẩy, thú ở đó nhiều lợn hươu, nhiều tê giác trắng, chim ở đó nhiều trâm độc.

Tổng cộng ở đầu Kinh Sơn, từ Cảnh Sơn cho đến hòn núi Cầm Cổ, gồm 23 núi, 2"890 dặm. Thần ở đó dạng đều mình chim mà mặt người. Tế thần: dùng một con gà trống cúng chôn xuống, gạo cúng dùng nếp. Kiêu Sơn là nhà thờ, tế thần: dùng rượu ngon và lễ thiếu xa cúng chôn xuống, vật đeo mao dùng một bích.

“Trung Kinh thứ chín” ở đầu Mân Sơn 岷山, là hòn núi Nữ Ki, trên đó nhiều thạch niết, cây ở đó nhiều nữ và cương, cỏ ở đó nhiều cúc và thuật. Sông Lạc Thủy chảy hướng đông trút vào sông Giang, trong đó nhiều hùng hoàng, thú ở đó nhiều hổ báo.

Lại hướng đông bắc 300 dặm là Mân Sơn. Sông Giang Thủy 江水 đi ra, chảy hướng đông bắc rót vào biển, trong nước nhiều rùa lạnh, nhiều con *đà*²³ 鼉, trên núi nhiều vàng ngọc, dưới núi nhiều ngọc mân trắng, cây ở

nhiều nhiều mai và đường, thú ở đó nhiều tê giác và voi, nhiều con *quỳ*²⁴ 夔 con trâu, chim ở đó nhiều gà núi và trĩ tể.

Lại hướng đông bắc 140 dặm là Lai Sơn 嶮山, Giang Thủy đi ra rồi chảy hướng đông trút vào sông Giang. Mặt nôm nhiều vàng ròng, mặt bắc nhiều hươu nai, cây ở đó nhiều đàn và chá, cỏ ở đó nhiều *giới cứu* 龔韭, nhiều được, không đoạt 空奪.

Lại hướng đông 150 dặm là Cư Sơn 嵒山. Giang Thủy đi ra chảy hướng đông trút vào Đại Giang 大江, trong nước nhiều rắn lạ, nhiều cá *trập* 鱖, cây ở đó nhiều do và nữ, nhiều cây mai và cây tử, thú ở đó nhiều con quỳ con trâu con linh dương con tê giác. Có loài chim, dạng nó như cú vọ mà thân đỏ đầu trắng, tên là *thiết chi* 竊脂, có thể đem ngấn lửa.

Lại hướng đông 300 dặm là hòn núi Cao Lương 高粱, trên núi nhiều đất trát, dưới núi nhiều đá mài và đá giũa thô; cây ở đó nhiều đào chi và câu đoan. Có loài cỏ, dạng như cây quỳ mà hoa đỏ, quả đậu, bầu trắng, có thể đem cho ngựa (ăn) mà chạy.

Lại hướng đông 400 dặm là Xà Sơn 蛇山, trên núi nhiều vàng ròng, dưới núi nhiều đất trát, ở đó nhiều cây tuần, nhiều cây long não, cỏ ở đó nhiều gia vinh, thiếu tân. Có loài thú, dạng nó như con cáo, mà đuôi trắng tai dài, tên là *tị lang* 狼, thấy nó thì trong nước có chiến tranh.

Lại hướng đông 500 dặm là Cách Sơn 隔山, mặt nôm nhiều ngọc, mặt bắc nhiều ngọc mân trắng. Dòng sông Bồ Hoãng 蒲 đi ra, rồi chảy hướng đông trút vào sông Giang, trong nước nhiều bạch ngọc, thú ở đó nhiều tê giác voi gấu, nhiều loài vượn đuôi dài.

Lại hướng đông bắc 300 dặm là hòn núi Ngung Dương 隅陽, trên núi nhiều vàng ngọc, dưới núi nhiều hoạch xanh, cây ở đó nhiều tử và dâu, ở đó nhiều cỏ sài. Sông Từ 徐 đi ra, chảy hướng đông trút vào sông Giang, trong nước nhiều lúa tể son.

Lại hướng đông 250 dặm là Kì Sơn 岐山, trên núi nhiều bạch kim, dưới núi nhiều sắt. Cây ở đó nhiều mai và tử, nhiều cây nữ cây do. Sông Giảm Thủy 減水 đi ra, chảy hướng đông nam trút vào sông Giang.

Lại hướng đông 300 dặm là hòn núi Câu Nhị 勾欄, trên núi nhiều ngọc, dưới núi nhiều vàng ròng, cây ở đó nhiều lịch và chá, cỏ ở đó nhiều thực được.

Lại hướng đông 150 dặm là hòn núi Phong Vũ 風瞿, trên núi nhiều bạch kim, dưới núi nhiều thạch niết; cây ở đó nhiều loài *sô* 榲 và *thiên* 櫛, nhiều cây dương. Dòng sông Tuyên Dư 宣余 đi ra, chảy hướng đông trút vào

sông Giang, trong nước nhiều rắn. Thú ở đó nhiều hươu lừ, nhiều nai hồ báo, chim ở đó nhiều loài kiêu trắng.

Lại hướng đông bắc 200 dặm là Ngọc Sơn, mặt nôm nhiều đồng, mặt bắc nhiều vàng đỏ, cây ở đó nhiều long não, do, nữ, thú ở đó nhiều lợn hươu linh dương, thú ở đó nhiều trâm độc.

Lại hướng đông 150 dặm là Hùng Sơn 熊山. Có cái huyệt là huyệt Hùng, luôn có thần nhân đi ra. Mùa hạ mở mà mùa đông đóng; đó là huyệt, mùa đông mà mở ắt là có chiến tranh. Trên núi nhiều bạch ngọc, dưới núi nhiều bạch kim, rừng ở đó nhiều cây sư cây liễu, cây ở đó nhiều loài khấu thoát.

Lại hướng đông 140 dặm là Quy Sơn, mặt nôm nhiều ngọc đẹp và vàng đỏ, mặt bắc nhiều sắt, cây ở đó nhiều đào chi và kinh kỉ.

Lại hướng đông 200 dặm là Cát Sơn 葛山, trên núi nhiều vàng đỏ, dưới đó nhiều đá *giam* 城, cây ở đó nhiều lê, dẻ, quýt, bưởi, do, nữ, thú ở đó nhiều linh dương, cỏ ở đó nhiều gia vinh.

Lại hướng đông 170 dặm là hòn núi Giả Siêu 賈超, mặt nôm nhiều đất trát vàng, mặt bắc nhiều cây chữ đẹp, cây ở đó nhiều lê, dẻ, quýt, bưởi, trong đó nhiều con *long tu* 龍脩.

Tổng cộng ở đầu Mân Sơn, từ núi Nữ Kỉ đến hòn núi Giả Siêu, gồm 16 núi, 3"500 dặm. Thần ở đó dạng đều mình ngựa mà đầu rồng. Tế thần: mao vật dùng một con gà trống chôn xuống. Gạo cúng dùng nếp. Văn Sơn, Câu Nhi, Phong Vũ, Quy Sơn, đó đều là nhà thờ; tế thần: rượu ngon, đồ thiếu xa, vật đeo dùng một ngọc cát. Hùng Sơn, chôn chủ của thần; tế thần: rượu ngon, đồ thái xa, vật đeo dùng một bích. Cầu múa, dụng binh thì tế lễ; cúng ngọc cầu và mũ miện múa.

“Trung Kinh thứ mười” ở đầu, là hòn núi Thủ Dương 首陽, trên núi nhiều vàng ngọc, không cỏ cây.

Lại hướng tây 50 dặm là hòn núi Hồ Vĩ 虎尾, cây ở đó nhiều cư và tiêu, nhiều đá phong; mặt nôm nhiều vàng đỏ, mặt bắc nhiều sắt.

Lại hướng tây nam 50 dặm là hòn núi Phồn Hội 繁績, cây ở đó nhiều do và nữ, cỏ ở đó nhiều chi câu.

Lại hướng tây nam 20 dặm là hòn núi Dũng Thạch 勇石, không cỏ cây, nhiều bạch kim, nhiều nước.

Lại hướng tây 20 dặm là hòn núi Phục Châu 復州, ở đó nhiều cây đàn, mặt nôm nhiều vàng ròng. Có loài chim, dạng nó như cú vọ, mà một chân đuôi lợn, tên nó là *kì chủng* 跂踵, thấy thì thiên hạ có bệnh dịch lớn.

跂
踵



Kì chủng.

Lại hướng tây 30 dặm là Trữ Sơn 楮山, nhiều cây ngụ, nhiều cây tiêu cây cư, nhiều cây chá, nhiều đất trát.

Lại hướng tây 20 dặm là hòn núi Hựu Nguyên 又原, mặt nôm nhiều hoạch xanh, mặt bắc nhiều sắt, ở đó nhiều loài chim sáo.

Lại hướng tây 50 dặm là Trác Sơn 涿山, cây ở đó nhiều cóc, tạc, nữ, mặt nôm nhiều loại ngọc dư phù.

Lại hướng tây 70 dặm là Bính Sơn 丙山, ở đó nhiều cây tử và cây đàn, nhiều cây thần cây nữ.

Tổng cộng ở đầu hòn núi Thủ Dương, từ Thủ Sơn cho đến Bính Sơn, gồm 9 núi, 267 dặm. Thần ở đó đều thân rồng mà mặt người. Tế thần: mao vật dùng một con gà trống chôn xuống, gạo cúng dùng ngũ cốc. Đồ Sơn là nhà thờ; tế thần: đồ thiếu xa, rượu ngon cúng, vật đeo dùng một bích chôn xuống. Quy Sơn là nơi chủ của thần; rượu ngon, đồ thái xa cúng; hợp đồng cốt cầu khấn hai người múa, vật đeo một bích.

“Trung Kinh thứ mười một” ở đầu Kinh Sơn, là hòn núi Dực Vọng 翼望. Sông Thoan Thủy 湍水 đi ra, chảy hướng đông trút vào sông Tế 濟; sông Huống Thủy 貺水 đi ra, chảy hướng đông nam trút vào sông Hán 漢; trong

nước nhiều thường luông. Trên núi nhiều cây thông cây bách, dưới núi nhiều cây sơn cây tử, mặt nôm nhiều vàng đỏ, mặt bắc lấm ngọc mân.

Lại hướng đông bắc 150 dặm là hòn núi Triều Ca. Sông Vũ

Thủy 濰水 đi ra, chảy hướng đông nam trút vào sông Huỳnh²⁵ 滎, trong nước nhiều cá người. Trên đó nhiều cây tử cây nam, thú ở đó nhiều linh dương. Có loài cỏ, tên là *mãng thảo* 莽草, có thể làm thuốc độc cá.

Lại hướng đông nam 200 dặm là hòn núi Đế Khuân 帝囿, mặt nôm nhiều loại ngọc dư phù, mặt bắc nhiều sắt. Dòng sông Đế Khuân đi ra ở trên núi, ẩn ở dưới núi, nhiều rắn kêu.

Lại hướng đông nam 50 dặm là Thị Sơn 視山, trên núi nhiều rau họ. Có cái giếng, tên là Thiên Tỉnh (天井, giếng trời), mùa hè có nước, mùa đông cạn. Trên núi nhiều cây dâu, nhiều đất trát đẹp và vàng ngọc.

Lại hướng đông nam 200 dặm là Tiên Sơn 前山, ở đó nhiều cây chừ, nhiều cây bách, mặt nôm nhiều vàng, mặt bắc nhiều cây chừ.

Lại hướng đông nam 300 dặm là Phong Sơn 豐山. Có loài thú, dạng nó như con vượn, mắt đỏ, mỏ đỏ, thân vàng, tên là *ung hòa* 雍和, thấy thì thiên hạ có nỗi sợ lớn. Thần Canh Phụ 耕父 sinh sống, thường dạo đến bờ vực Thanh Linh 清泠, ra vào có ánh sáng, thấy thì nước đó thua bại. Có chín cái chuông, nó biết sương phát lộ. Trên núi nhiều vàng, dưới núi nhiều cóc, tạc, nữ, cương.

Lại hướng đông bắc 800 dặm là hòn núi Thố Sàng 兔牀, mặt nôm nhiều sắt, cây ở đó nhiều thụ dữ, cỏ ở đó nhiều *kê cốc* 雞穀, gốc nó như trứng gà, mùi vị chua ngọt, ăn vào lợi với người.

Lại hướng đông 60 dặm là Bì Sơn 皮山, nhiều đất trát, lấm cây chừ, cây ở đó nhiều tùng bách.

Lại hướng đông 60 dặm là hòn núi Dao Bích 瑤碧, cây ở đó nhiều tử và nam, mặt bắc nhiều hoạch xanh, mặt nôm nhiều bạch kim. Có loài chim, dạng nó như loài trĩ, luôn ăn con gián, tên là *trạm* 鳩.

Lại hướng đông 40 dặm là hòn núi Chi Ly 支離. Sông Tê Thủy đi ra, chảy hướng nam trút vào sông Hán. Có loài chim, tên là *anh chước* 嬰勺, dạng nó như chim khách, mắt đỏ, mỏ đỏ, thân trắng, đuôi nó giống cái môi, tiếng kêu tự hô. Nhiều trâu tạc, nhiều hàm dương.



Anh chúc.

Lại hướng đông bắc 50 dặm là hòn núi Phù Diêu 袂, trên núi nhiều cây thông cây bách cây cơ cây hoàn.

Lại hướng tây bắc 100 dặm là hòn núi Cận Lí 堇理, trên núi nhiều cây thông cây bách, nhiều cây tử đẹp; mặt bắc nhiều đá hoạc son, nhiều vàng; thú ở đó nhiều hổ báo. Có loài chim, dạng nó như chim bồ câu, mình xanh mỏ đỏ, mắt trắng đuôi trắng, tên là *thanh canh* 青耕, có thể đem ngăn bệnh dịch, tiếng kêu tự thét.



Thanh canh.

Lại hướng đông nam 30 dặm là hòn núi Y Cô 依帖, trên có nhiều cây nữ
cây cương, nhiều gai hạt. Có loài thú, dạng nó như con chó, móng hồ có
giáp, tên nó là *lận* 獠, bay nhảy lay động, ăn vào khói nhiễm gió.



Lận.

Lại hướng đông nam 35 dặm là hòn núi Tức Cốc 即谷, nhiều ngọc đẹp, nhiều bảo đen, nhiều lừa hươu, nhiều linh dương. Mặt nôm nhiều ngọc mân, mặt bắc nhiều hoạch xanh.

Lại hướng đông nam 40 dặm là Kê Sơn 雞山, trên núi nhiều cây tử đẹp, nhiều cây dâu, cỏ ở đó nhiều rau hẹ.

Lại hướng đông nam 50 dặm là hòn núi Cao Tiên 高前, trên núi có dòng nước, rất lạnh mà trong, là bột keo của Đế Đài, ăn vào không bị bệnh tim. Trên đó có vàng, dưới đó nhiều cây chử.

Lại hướng đông nam 30 dặm là hòn núi Du Hý 遊戲, nhiều cây nữ cây cương cây cốc, nhiều ngọc, lăm đá phong.

Lại hướng đông nam 35 dặm là Tòng Sơn 從山, trên núi nhiều tùng bách, dưới núi nhiều trúc. Sông Tòng Thủy đi ra ở trên núi, ẩn ở dưới núi, trong nước nhiều loài ba ba 3 chân, đuôi chĩa, ăn vào không bị bệnh yếm độc.

Lại hướng đông nam 30 dặm là hòn núi Anh Chân 嬰磻, trên núi nhiều tùng bách, dưới núi nhiều cây tử cây huân.

Lại hướng đông nam 30 dặm là Tất Sơn 畢山. Dòng sông Đế Uyển 帝苑 đi ra, chảy hướng đông bắc trút vào sông Thị 視, trong nước nhiều thủy ngọc, nhiều thông luồng. Trên núi nhiều loại ngọc dư phù.

Lại hướng đông nam 20 dặm là hòn núi Lạc Mã 樂馬. Có loài thú, dạng nó như con nhím, đỏ như lửa son, tên nó là *liệt*, thấy thì nước đó bệnh dịch lớn.

Lại hướng đông nam 25 dặm là Châm Sơn 葺山, sông Thị Thủy đi ra chảy hướng đông nam trút vào Nhữ Thủy 汝水, trong nước nhiều cá người, nhiều thông luồng, nhiều con *hiệt*²⁶ 頡.

Lại hướng đông 40 dặm là Anh Sơn 嬰山, dưới núi nhiều hoạch xanh, trên núi nhiều vàng ngọc.

Lại hướng đông 30 dặm là hòn núi Hồ Thủ 虎首, nhiều gai hạt, cây điều, cây cừ.

Lại hướng đông 20 dặm là hòn núi Anh Hầu 嬰侯, trên núi nhiều đá phong, dưới núi nhiều thiếc đỏ.

Lại hướng đông 50 dặm là hòn núi Đại Thục 大孰. Sông Sát Thủy 殺水 đi ra, chảy hướng đông bắc trút vào Thị Thủy, trong nước nhiều đất trắng trắng.

Lại hướng đông 40 dặm là Ti Sơn 卑山, trên núi nhiều đào mạn gai hạt và tử, nhiều dây đậu thừng.

Lại hướng đông 30 dặm là hòn núi Ý Đế 倚帝, trên núi nhiều ngọc, dưới núi nhiều vàng. Có loài thú, dạng nó như chuột *phê* 猓, tai trắng mõm trắng,

tên là *thư như* 狙如, thấy thì nước đó có đại binh.

Lại hướng đông 30 dặm là Nghê Sơn 鯢山, sông Nghê Thủy đi ra ở trên núi, ẩn ở dưới núi, trong nước nhiều đất trát đẹp. Trên đó nhiều vàng, dưới đó nhiều hoạch xanh.

Lại hướng đông 30 dặm là Nhã Sơn 雅山. Sông Lễ Thủy 澧水 đi ra, chảy hướng đông trút vào Thị Thủy, trong nước nhiều cá to.

Trên núi nhiều cây dâu đẹp, dưới núi nhiều gai hạt, nhiều vàng đỏ.

Lại hướng đông 55 dặm là Tuyên Sơn 宣山. Sông Luân Thủy 淪水 đi ra, chảy hướng đông nam trút vào Thị Thủy, trong nước nhiều thuồng luồng. Trên núi có cây dâu, to 50 thước, cành nó bốn đường, lá to hơn 1 thước, vân đỏ hoa vàng đài xanh, gọi là cây dâu của con gái Thiên Đế.

Lại hướng đông 45 dặm là Hành Sơn 衡山, trên núi nhiều hoạch xanh, nhiều cây dâu, chim ở đó nhiều loài yêng sáo.

Lại hướng đông 40 dặm là Phong Sơn 豐山, trên núi nhiều đá phong, ở đó nhiều cây dâu, lắm cây *duơng đào* 羊桃, dạng nó như cây đào mà cọng thẳng, có thể làm phình da.

Lại hướng đông 70 dặm là Âu Sơn 婁山, trên núi nhiều ngọc đẹp, dưới núi nhiều vàng, cỏ ở đó nhiều loài kê cốc.

Lại hướng đông 30 dặm là Tiên Sơn 鮮山, cây ở đó nhiều do, nữu, gai hạt, cỏ ở đó nhiều loài môn đông, mặt nôm nhiều ngọc, mặt bắc nhiều sắt. Có loài thú, dạng nó như con chó, mõm đỏ, mắt đỏ, đuôi trắng, thấy thì xóm làng có lửa, tên là *di tức* 即.

Lại hướng đông 30 dặm là Chương Sơn 章山, mặt nôm nhiều ngọc, mặt bắc nhiều đá đẹp. Sông Cao Thủy 臯水 đi ra, chảy hướng đông trút vào Phong Thủy, trong nước nhiều đá xốp.

Lại hướng đông 25 dặm là hòn núi Đại Chi 大支, mặt nôm nhiều vàng, cây ở đó nhiều cốc và tạc, không cỏ cây.

ng đông 50 dặm là hòn núi Khu Ngô 區吳, cây ở đó nhiều gai hạt.

Lại hướng đông 50 dặm là hòn núi Thanh Hung 聲匈, ở đó nhiều cây cốc, nhiều ngọc, ở trên nhiều đá phong.

Lại hướng đông 50 dặm là hòn núi Đại Quy, mặt nôm nhiều vàng đỏ, mặt bắc nhiều đá mài.

Lại hướng đông 10 dặm là hòn núi Chung Cửu 踵臼, không cỏ cây.

Lại hướng đông bắc 70 dặm là hòn núi Lịch Thạch 歷石, ở đó nhiều cây kinh cây kỉ, mặt nôm nhiều vàng ròng, mặt bắc nhiều đá mài. Có loài thú,

dạng nó như mèo rừng mà đầu trắng móng hổ, tên là *luong cừ* 梁渠, thấy thì nước đó có đại binh.



Luong cừ.

Lại hướng đông nam 100 dặm là Cầu Sơn 求山. Sông Cầu Thủy đi ra ở trên núi, ẩn ở dưới núi, trong có cây chữ đẹp. Cây ở đó nhiều gai hạt, nhiều tre con. Mặt nôm nhiều ngọc, mặt bắc nhiều sắt.

Lại hướng đông 200 là hòn núi Sửu Dương 丑陽, trên núi nhiều cây điều cây cừ. Có loài chim, dạng nó như con quạ mà chân đỏ, tên là *chỉ đồ* 駢駝, có thể ngăn lửa.

Lại hướng đông 300 dặm là Áo Sơn 奧山, trên núi nhiều cây bách cây nữ cây cương, mặt nôm nhiều loại ngọc vu phù. Sông Áo Thủy đi ra, chảy hướng đông trút vào Thị Thủy.

Lại hướng đông 35 dặm là Phục Sơn 服山, cây ở đó nhiều gai hạt, trên núi nhiều đá phong, dưới núi nhiều thiếc đỏ.

Lại hướng đông 110 dặm là Yểu Sơn 杳山, trên núi nhiều cỏ gia vinh, nhiều vàng ngọc.

Lại hướng đông 350 dặm là Ki Sơn 幾山, cây ở đó nhiều do, đàn, nữ, cỏ ở đó nhiều hương. Có loài thú, dạng nó như con lợn, thân vàng, đầu trắng, đuôi trắng, tên là *văn lân* 聞, thấy thì thiên hạ nổi gió to.

Lại ở đầu Kinh Sơn, từ hòn núi Dực Vọng cho đến Ki Sơn, gồm 48 núi, 3"732 dặm. Thần ở đó đều mình lợn đầu người. Tế thần: mao vật dùng một con gà trống cúng, vật chôn dùng một khuê, gạo cúng dùng ngũ cốc sạch sẽ. Hòa Sơn là nhà chủ của thần; tế thần: dùng đồ thái xa, vật chôn ngon lành

đổi mao; dùng một bích, trâu vô thường. Đổ Sơn, Ngọc Sơn, là nhà thờ; đều tế đảo, mao vật thiếu xa ngon, vật đeo dùng ngọc cát.

“Trung Kinh thứ mười hai” ở đầu núi Động Đình 洞庭, là hòn núi Thiên Ngô 篇遇, không cỏ cây, nhiều vàng ròng.

ng đông nam 50 dặm là Vân Sơn 雲山, không cỏ cây. Nhiều cây quế cây tre, rất độc, cắt trúng người ắt chết. Trên núi nhiều vàng ròng, dưới núi nhiều loại ngọc dư phù.

Lại hướng đông nam 130 dặm là Quy Sơn 龜山, cây ở đó nhiều cóc, tạc, điêu, cư, trên núi nhiều vàng ròng, dưới núi nhiều hùng hoàng xanh, nhiều cây trúc sinh đôi.

Lại hướng đông 70 dặm là Bính Sơn, nhiều cây quế và tre, nhiều vàng ròng, đồng, sắt, không có cây.

Lại hướng đông nam 50 dặm là hòn núi Phong Bá 風伯, trên núi nhiều vàng ngọc, dưới núi nhiều đá toan 瘦, đá vụn, nhiều sắt, cây ở đó nhiều liễu, nữ, đàn, chử. Phía đông nơi đó có khu rừng, tên là rừng Mãng Phù 莽浮, nhiều cây chim thú đẹp.

Lại hướng đông 150 dặm là hòn núi Phu Phu 夫夫, trên núi nhiều vàng ròng, dưới núi nhiều hùng hoàng xanh, ở đó nhiều cây dâu cây chử, cỏ ở đó nhiều trúc, kê cỏ. Thần U Nhi 於兒 cư trú, dạng thần mình người mà thân năm hai rắn, thường dạo ở Giang Uyên 江淵, ra vào có ánh sáng.

Lại hướng đông nam 120 dặm là hòn núi Động Đình. Trên núi nhiều vàng ròng, dưới núi nhiều bạc và sắt, cây ở đó nhiều lê tô quýt bưởi, ở đó nhiều cỏ gian, mi vu, thực dược, khung cùg. Hai người con gái của Thiên Đế cư trú, nàng thường dạo ở Giang Uyên, cảnh của sông Lễ sông Nguyên giao với bờ vực của sông Tiêu sông Tương, nơi đó là khoảng giữa của chín sông, ra vào ắt có gió lốc mưa dữ. Nơi đó nhiều quái thần, dạng như người mà đội rắn, tay trái phải cầm rắn. Nhiều loài chim lạ.



Hai con gái của Thiên Đế.

Lại hướng đông nam 180 dặm là Bạo Sơn 暴山. Cây ở đó nhiều cọ, nam, kinh, kỉ, tre, trúc, mị, khuân, nơi đây nhiều vàng ròng và ngọc, dưới núi nhiều đá vụn và sắt, thú ở đó nhiều hươu, nai, hoẵng, kên kên.

Lại hướng đông nam 200 dặm là hòn núi Tức Công 即公, trên núi nhiều vàng ròng, dưới núi nhiều loại ngọc dư phù, cây ở đó nhiều liễu, nữ, đàn, dâu. Có loài thú, dạng nó như con rùa, mà thân trắng đầu đỏ, tên nó là *quỷ* 蜿, nó có thể ngăn lửa.

Lại hướng đông nam 159 dặm có Nhiêu Sơn 堯山, mặt bắc nhiều đất trát vàng, mặt nồm nhiều vàng ròng, cây ở đó nhiều kinh, kỉ, liễu, đàn, cỏ ở đó nhiều thực dũ và thuật.

ng đông nam 100 dặm là hòn núi Giang Phù 江浮, trên núi nhiều bạc, đá mài, đá giũa thô, không cỏ cây, thú ở đó nhiều lợn và hươu.

Lại hướng đông 200 dặm là hòn núi Chân Lăng 真陵, trên núi nhiều vàng ròng, dưới núi nhiều ngọc, cây ở đó nhiều cóc, tạc, liễu, nữ, ở đó nhiều cỏ vinh.

Lại hướng đông nam 120 dặm là hòn núi Dương Đế 陽帝, nhiều đồng đẹp, cây ở đó nhiều cương, nữ, yểm, chữ, nhiều linh dương và hươu xạ.

Lại hướng nam 90 dặm là hòn núi Sài Tang 柴桑, trên núi nhiều bạc, dưới núi nhiều bích, nhiều đá trong vắt, đất đỏ, cây ở đó nhiều liễu, kỉ, chữ, dâu, thú ở đó nhiều hươu nai, nhiều trăm loài rắn và rắn bay.

Lại hướng đông 230 dặm là hòn núi Vinh Dư 榮余, trên núi nhiều đồng; dưới núi nhiều bạc, cây ở đó nhiều liều và kỉ, sâu bọ ở đó nhiều rắn lạ sâu lạ.

Tổng cộng ở đầu núi Động Đình, từ hòn núi Thiên Ngô cho đến hòn núi Vinh Dư, gồm 10 vạn núi, 2"800 dặm. Thần ở đó dạng đều mình chim mà đầu rồng. Tế thần: mao vật dùng một gà trống, dùng heo sữa cái thiến, gạo cúng dùng nếp. Thấy hòn núi Phu Phu, hòn núi Tứ Công, Nhiêu Sơn, hòn núi Dương Đế đều là nhà thờ, tế thần: đều bày đồ ngọc lụa, cúng dùng rượu, mao vật dùng thiếu xa, vật đeo mao dùng ngọc cát. Động Đình, Vinh Dư là sơn thần, tế thần: đều bày ngọc lụa, cúng dùng rượu và thái xa tế, vật đeo dùng khuê bích mười lăm thứ, năm sắc ban dâng.

Bên trên núi ở Trung Kinh, gồm cả 197 núi, 21"371 dặm.

Gồm cả danh sơn trong thiên hạ là 5"370, đất ở, gồm cả 64"056 dặm.

Vua Vũ (vị vua đầu tiên của nhà Hạ) 禹 nói: “*Kinh 5'370 núi, 64'056 dặm, là đất sinh sống. Nói đó là 'ngũ tàng', chừng ngoài ra nhiều những núi nhỏ, không đủ ghi chép. Trời đất ở đông tây 28'000 dặm, nam bắc 26'000 dặm, dòng nước đi ra từ núi 8000 dặm, dòng sinh ra ở núi 467, sắt sinh ra ở núi 3'690. Chốn nơi trời đất đây chia đất trồng, cây cối, hoa màu, nơi của giáo mác bùng nổ, chỗ của đao kiếm nảy lên, kẻ tài năng có dư, kẻ vụng về không đủ. Phong ở Thái Sơn, 72 nhà, số đếm được mất, đều ở bên trong đây, đó gọi là quốc dụng*”.

Bên trên năm phần “Ngũ Tàng Sơn Kinh”, gộp cả 15"503 chữ.

6. HẢI NGOẠI NAM KINH (海外南經)

Đất đai là chỗ gánh vác, bao giữa lục hợp²⁷, bên trong bốn biển, có mặt trời mặt trăng để soi sáng, có tinh tú trải qua, lấy bốn thời (xuân – hạ – thu – đông) làm kỷ²⁸, lấy Thái Tuế²⁹ 太歲 làm quan trọng, thần linh được sinh ra, vật chất khác hình, hoặc yếu hoặc thọ, chỉ có bậc Thánh nhân mới có thể thông tỏ được cái đạo ấy.

Ngoài biển từ góc tây nam đến góc đông nam ấy:

Nước Kết Hung 結匈 ở phía tây nam ấy, ở đây làm người Kết Hung.

Nam Sơn tại phía đông nam ấy. Từ núi này đến, trùng là rắn, rắn gọi là cá. Có một lời bảo rằng chim cánh ngang ở hướng đông nơi đó, chúng là chim xanh, đỏ, hai loài chim sánh nhau bay liệng. Có một lời bảo rằng ở phía đông Nam Sơn.

Nước Vũ Dân 羽民 ở phía đông nam ấy, nơi đó là người đầu bụ, thân mọc lông lá. Có một lời bảo rằng chim cánh ngang ở phía đông nam, nơi đó là người có đôi má dài.



Nước Vũ Dân.

Có 28 vị thần nhân, bàn tay nối liền, là chủ quản ban đêm ở nơi hoang dã này của Thiên Đế. Ở phía đông nước Vũ Dân, nơi đó là có người nhỏ má thon vai đỏ, toàn bộ 16 người.

Loài chim *tất phương* 畢方 ở phía đông đó, hướng tây sông Thanh Thủy 青水, nó là loài chim một chân. Có một lời bảo rằng 28 vị thần ở hướng đông.

Nước Hoan Đầu 灌頭 ở phía nam đó, nơi đó là người mặt người có cánh, mỏ chim, dùng chính nó bắt cá. Có một lời bảo rằng chim tất phương ở tại phía đông. Hoặc gọi đây là nước Hoan Chu 灌朱.



Nước Hoan Đầu.

Nước Yếm Hỏa 厭火 ở phía nam đó, (người nước đó) mình thú sắc đen. Sinh lửa bùng ra ở bên trong miệng (của họ). Có lời bảo rằng (nơi đó) ở phía đông nước Hoan Chu.



Nước Yêm Hỏa.

Cây *tam chu* (ba gốc) 三株 ở phía bắc nước Yêm Hỏa, ở trên sinh dòng Xích Thủy, nơi đó thì cây cối như cây bách, lá đều là ngọc trai. Có lời bảo rằng cây ở đó giống sao chổi.

Nước Tam Miêu 三苗 ở phía đông Xích Thủy, người nơi đó hay đi theo chung với nhau. Có một lời bảo rằng (nước đây) là nước Tam Mao 三毛.

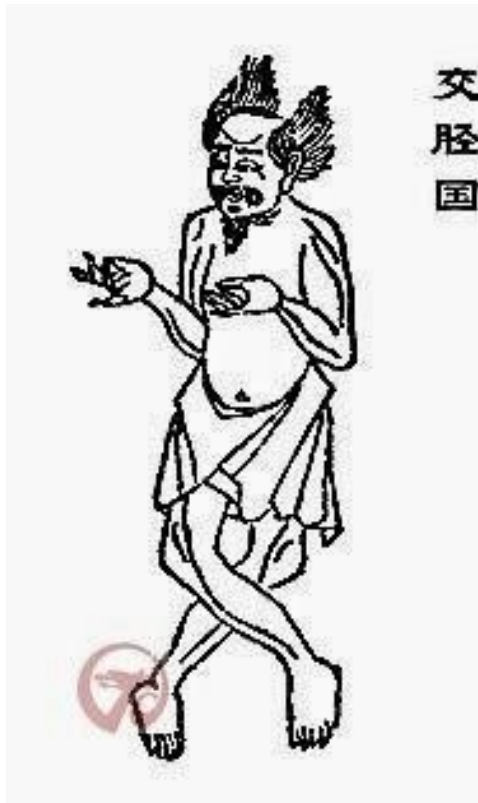
Nước Đái 戴 ở phía đông đó, người nước đó (da) màu vàng, có thể cầm cung tên bắn rắn. Có một lời bảo rằng nước Đái tại phía đông nước Tam Mao.

Nước Quán Hung 貫匈 ở phía đông đó, người nước đó phần ngực bụng đều có lỗ. Có một lời bảo rằng (nước đây) tại phía đông nước Đái.



Nước Quán Hung.

Nước Giao Hĩnh 交脛 ở phía đông, người nước đó cẳng chân đều giao nhau lại. Có một lời bảo rằng (nước đấy) tại phía đông nước Xuyên Hung 穿匈.



Nước Giao Hĩnh.

Bất Tử Dân 不死民 ở phía đông đó, người nơi đó màu đen, sống lâu, không chết. Có một lời bảo rằng (nước đây) tại phía đông nước Xuyên Hung.

Nước Phản Thiệt 反舌 ở phía đông đó, người nước đó cái lưỡi đều trở ngược. Có một lời bảo rằng (nước đây) ở phía đông nước Bất Tử Dân.

Núi lớn Côn Lôn 崑崙 ở phía đông đó, nền núi lộ hình bốn phương. Có một lời bảo rằng (nơi đó) ở phía đông nước Phản Thiệt, nền núi hướng bốn phương.

Thần Nghệ³⁰ 羿 và thần Tạc Xi³¹ 鑿齒 giao chiến ở đồng hoang Thọ Hoa 壽華, Nghệ bắn chết hắn. Tại phía đông núi lớn Côn Lôn.

Nghệ cầm cung tên; Tạc Xi cầm khiên, có thuyết bảo là cầm cái mào.

Nước Tam Thủ 三首 ở phía đông đó, người nước đó đều một thân ba đầu. Có một lời bảo rằng ở phía đông Tạc Xi.



Nước Tam Thủ.

Nước Chu Nhiêu 周饒 (cũng gọi là Tiêu Nghiêu 焦僥) ở phía đông đó, người nước đó nhỏ ngắn, đội mũ đeo quàng. Có một lời bảo rằng nước Tiêu Nghiêu tại phía đông nước Tam Thủ.

Nước Trường Tí 長臂 ở phía đông đó, (người nơi ấy) bắt cá trong nước, hai tay mỗi người đều nắm một con cá. Có một lời bảo rằng tại phía đông nước Tiêu Nghiêu, bắt cá trong biển.



Nước Trường Tĩ.

Địch Sơn 狄山, vua Đế Nghiêu³² 帝堯 an táng ở mặt nồm, vua Đế Khốc³³ 帝嚳 an táng ở mặt bắc. Rồi ở đó có gấu to, hổ vằn, vượn đuôi dài, báo, chim ba chân (gọi là *ly chu* 離朱), con *thị nhục*³⁴ 視肉. Hu Yết³⁵ 吁咽, Văn Vương³⁶ 文王 đều mai táng ở chỗ ấy. Một thuyết bảo là Thang Sơn 湯山. Còn có một lời bảo rằng nơi đây có gấu to, hổ vằn, vượn đuôi dài, báo, chim ba chân, thị nhục, con *hồ giao* 虜交. Có khu rừng rậm rạp vuông 300 dặm.

Phương Nam có thần Chúc Dung³⁷ 祝融, mình thú mặt người, cưới hai con rồng.

7. HẢI NGOẠI TÂY KINH (海外西經)

Ngoài biển từ góc tây nam đến góc tây bắc ấy:

Loài chim *diệt mông*³⁸ 滅蒙 ở phía bắc nước Kết Hung, là loài chim màu xanh, đuôi đỏ.

Núi Đại Vận 大運 cao 300 nhân, loài chim diệt mông ở phía bắc.

Đồng hoang Đại Lạc 大樂, khúc Hạ Hậu 夏后 mở màn điệu múa “Cửu Đại” 九代 này; cưỡi hai con rồng, mây trùm ba tầng. Tay trái nắm lọng xe, tay phải nắm vòng ngọc, đeo ngọc đeo. Ở phía bắc núi Đại Vận, có lời bảo (nơi đó) là đồng hoang Đại Di 大遺.

Nước Tam Thân³⁹ 三身 ở Hạ Hậu mở màn phía bắc, (người nước đó) một đầu mà ba thân.



Nước Tam Thân.

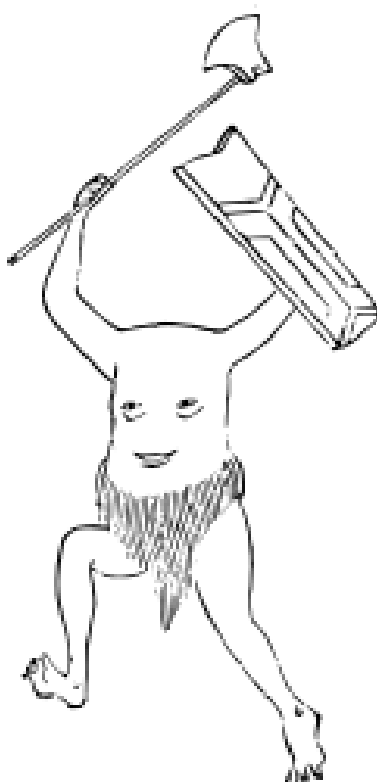
Nước Nhất Tí 一臂 ở phía bắc đó, (người nước đó) một tay, một mắt, một lỗ lông mũi. Có ngựa vàng, hổ vàng, một mắt mà một tay.

Nước Kỳ Quãng 奇肱 ở phía bắc đó, người ở đó một tay ba mắt, có âm có dương, cưỡi ngựa vàng. Có loài chim, hai đầu, màu đỏ vàng, (đậu) ở bên cạnh (người khác).



Nước Kỳ Quãng.

Hình Thiên⁴⁰ 刑天 và Hoàng Đế tranh ngôi thần, Đế chém đầu hắn, chôn ở vùng núi Thường Dương 常羊, bèn lấy bầu vú làm mắt, lấy rôn làm miệng, cầm cái mộc cái búa để múa.



Hình Thiên

Bà đồng tế thân (Nữ Tế), bà đồng kêu rầu (Nữ Thích) ở phía bắc đó (câu cúng Hình Thiên), ở ngay bên trong hai dòng sông, kêu rầu điều khiển đem cá tế thân, tế lễ cầm cái mâm.

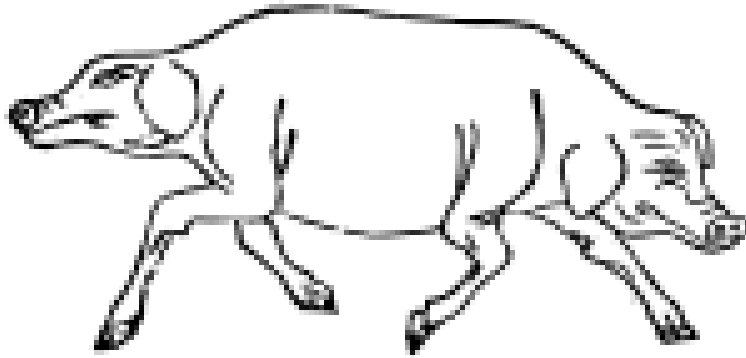
Chim *thứ* 鶯, chim *đảm* , nó màu xanh vàng, nơi nó đi qua thì nước mất (quốc gia tiêu vong). Ở phía bắc Nữ Tế, chim thứ mặt người, sống ở trên núi. Có lời bảo là chim *duy* 維, chim xanh, chim vàng cũng tụ tập.

Nước Trọng Phu 丈夫 có chim duy ở phía bắc, người nước đó mặc áo mũ và đeo kiếm.

Thây chết của Nữ Sứ 女丑, sinh mà bị mười mặt trời thiêu nướng chết. Ở phía bắc nước Trọng Phu. Lấy tay phải che lấp khuôn mặt đó. Mười mặt trời sống ở trên, Nữ Sứ sống ở trên núi.

Nước Vu Hàm 巫咸 ở phía bắc Nữ Sứ, tay phải nắm rắn xanh, tay trái cầm rắn đỏ. Tại núi Đăng Bảo 登葆, đám đồng cốt cũng được đi theo từ trên xuống dưới.

Tịnh Phong 并封 ở phía đông nước Vu Hàm, dạng nó như con lợn, phía trước phía sau đều có đầu, màu đen.



Tĩnh phong.

Nước Nữ Tử 女子 ở phía bắc nước Vu Hàm, hai người con gái sinh sống, nước bao vòng. Có lời bảo là sống trong một cửa.

Nước Hiên Viên 軒轅 ở tại mé ranh, nơi đó người chẳng thọ lắm cũng đến 800 tuổi. Ở phía bắc nước Nữ Tử. Mặt người mình rắn, đuôi giao lại với trên đầu.

Cùng Sơn 窮山 ở phía bắc đó, không dám bắn về phía tây, sợ trúng gò núi của Hiên Viên. Ở phía bắc nước Hiên Viên, gò núi nơi đó vuông vức, bốn con rắn (Tứ Xà) quấn quanh nhau.

Đông hoang Chư Yêu 諸天, chim loan tự ca, chim phượng tự múa; trứng của phượng hoàng, người dân ăn được; sương ngọt, người dân ăn được; điều chi mong muốn đều tự thuận theo. Trăm loài thú quần cư cùng với nhau. Tại phía bắc Tứ Xà, người ở đó hai tay nắm quả trứng ăn lấy, hai con chim sống dẫn đường ở trước.

Gò mả Long Ngư 龍魚 ở phía bắc đó, dạng như con mèo rừng. Có một lời bảo là con tôm. Liền có thần thánh cưỡi đến đây để đi đến chín cánh đồng. Có một lời bảo là con ba ba ở phía bắc Yêu dã 天野, cá ở nơi đó giống cá chép.

Nước Bạch Dân 白民 ở phía bắc Long Ngư, (người nước đó) mình trắng tóc rẽ. Có con *thừa hoàng* 乘黃, dạng nó như con cáo, trên lưng nó có sừng, cưỡi nó sẽ thọ 2000 tuổi.



Thừa hoàng.

Nước Túc Thận 肅慎 ở phía bắc nước Bạch Dân, có loài cây tên là *lạc đường* 雜棠, Thánh nhân thay ngôi, (người) nơi đó lấy (vỏ cây) làm áo mặc.

Nước Trường Cổ 長股 ở phía bắc Lạc-đường, tóc chẻ. Có một lời bảo (nước đó) là Trường Cước 長腳.



Nước Trường Cước.

Phương Tây có thần Nhục Thu 蓐收, tai trái có rảnh, cưới hai con rồng.



Thần Nhục Thu.

8. HẢI NGOẠI BẮC KINH (海外北經)

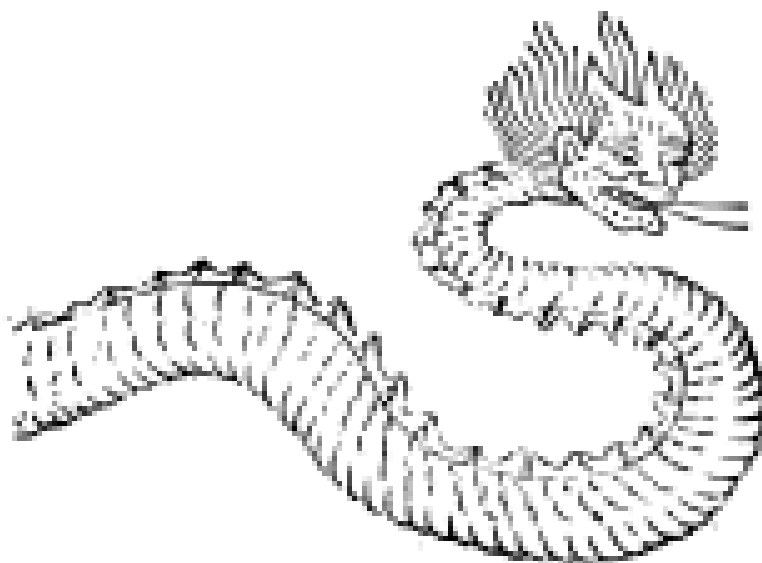
Ngoài biển từ góc đông bắc đến góc tây bắc ấy:

Có nước Vô Khải 無啓 ở phía đông nước Trường Cổ, người nước đó không có cở mở.



Nước Vô Khải.

Thần núi Chung Sơn là Chúc Âm 燭陰, thấy vào ban ngày, ẩn vào ban đêm, thổi vào mùa đông, hét vào mùa hè, không ăn, không uống, không nghỉ, nghỉ là nổi gió, thân dài nghìn dặm. Ở phía đông nước Vô Khải, đó là loài vật, mặt người, mình rắn, màu đỏ, sống ở dưới Chung Sơn.



Chúc âm.

Nước Nhất Mục 一目 ở phía đông đó, (người nơi đó) mặt họ có một con mắt mà ăn ở.



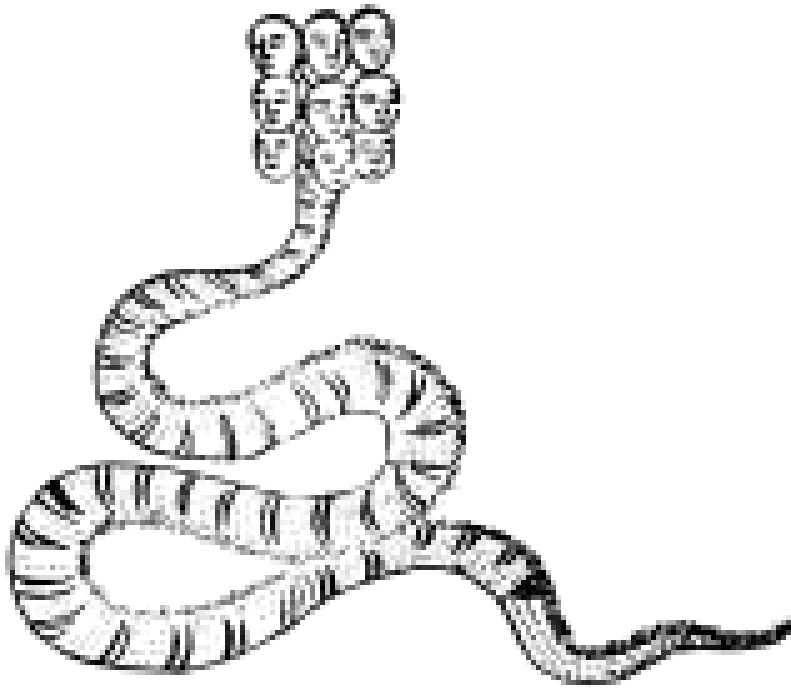
Nước Nhất Mục.

Nước Nhu Lợi 柔利 ở phía đông nước Nhất Mục, người nơi đây một tay một chân, đầu gối ngược, chân cong ở trên. Có lời bảo là nước Lưu Lợi 留利, chân người bẻ ngược.



Nước Nhu Lợi.

Bè tời của Cộng Công 共工 là Tương Liễu thị 相柳氏, chín đầu, để ăn với chín tòa núi. Tương Liễu có những điều đụng chạm, nên mới làm đằm lạch. Vua Vũ giết Tương Liễu, máu hắt tanh, không thể làm trồng giống cây cối ngũ cốc. Vua Vũ mới quyết, ba nhận ba trở, bèn lấy làm đài của những vị đê. Ở phía bắc núi Côn Lôn, phía đông nước Nhu Lợi. Tương Liễu ấy, thân rắn mà xanh lam. Chẳng dám bắn phía bắc, sợ đài của Cộng Công. Đài ở phía đông đó, đài bốn phương, góc núi có một con rắn, màu cạp, cái đầu hướng về phương nam.

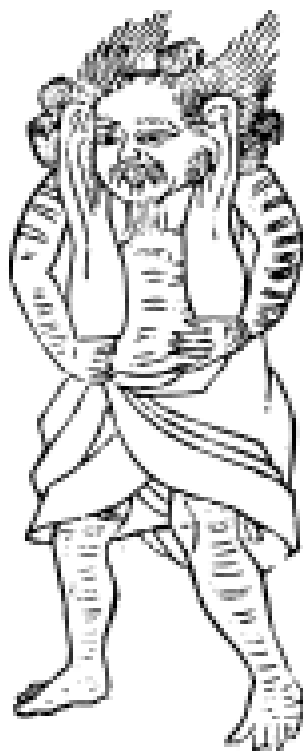


Tương Liễu thị.

Nước Thâm Mục 深目 ở phía đông đó, người nơi đó mắt sâu, giơ một tay, có lời bảo là ở phía đông đài Cộng Công.

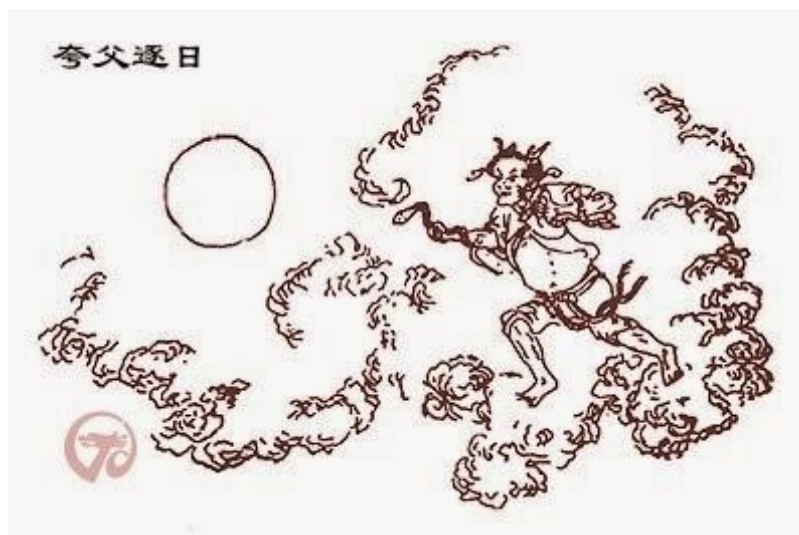
Có nước Vô Tràng 無腸 ở phía đông nước Thâm Mục, người nước đó to dài mà không có ruột.

Có nước Niếp Nhĩ 聶耳 ở phía đông nước Vô Tràng, khiến hai vắn hồ, người nước đó hai tay cầm ở tai họ, rải rác sinh sống trong nước biển, chổ ra vào có vật lạ, lưỡng hồ tại phía đông.



Nước Niép Nhĩ.

Khoa Phụ 夸父 và mặt trời đuổi chạy, vào mặt trời. Khát muốn được uống, uống ở sông ngòi; sông ngòi chẳng đủ, hướng bắc uống Đại Trạch (Đầm Lớn). Chưa đến, đường khát mà chết. Bỏ lại cây gậy, hóa làm rừng Đặng Lâm 鄧林.



Khoa Phụ đuổi mặt trời.

Nước Khoa Phụ ở phía đông Niếp Nhĩ, người ở đó lớn, tay phải cầm răn xanh, tay trái cầm răn vàng. Đặng Lâm tại phía đông đó, có hai cội cây. Có lời bảo là Bác Phụ 博父.

Chỗ vua Vũ chứa đá trong núi ở phía đông đó, được chảy vào sông nước (Hoàng Hà).

Có nước Câu Anh 拘癭 ở phía đông đó, một tay nắm cục bướu. Có lời bảo là nước Lợi Anh 利癭.

Cây tầm dài nghìn dặm, ở phía nam nước Câu Anh, mọc trên phía tây bắc sông.

Nước Kì Chủng 跂踵 ở phía nam nước Câu Anh, người nước đó hai chân đều có nhánh. Có lời bảo là Phản Chủng 反踵.

Đồng hoang Âu Ti 歐絲 ở phía đông nước Phản Chủng, một người con gái quỳ dựa vào cây mưa ra tơ.

Ba cây dâu không có cành, ở phía đông Âu Ti, cây ở đó dài trăm nhận, không có cành.

Rừng Phạm Lâm 范林 vuông 300 dặm, ở phía đông ba cây dâu, Châu Hoàn 洲環 dưới đó.

Hòn núi Vụ Ngung 務隅, Vua Chuyên Húc 顓頊 chôn ở mặt nôm. Chính nàng vợ chôn ở mặt bắc. Có lời bảo là còn có gấu to, hồ vằn, con ly chu, khâu cửu, thị nhục.

Bình Khâu 平丘 ở phía đông ba cây dâu, còn có ngọc rơi vãi, chim xanh lục, con thị nhục, cây dương liễu, cam quýt, hoa cam, được sinh ra trăm quả. Có hai núi giáp trên hang, hai gò lớn ở trong, tên là Bình Khâu.

Bên trong Bắc Hải có thú, dạng nó như con ngựa, tên là *câu dư* 騶駼. Có loài thú, tên nó là *giao* 駽, dạng nó như ngựa trắng, cưa răng, ăn thịt hổ báo. Có loài thú nôm, dạng như con ngựa, tên là *cung cung* 蛩蛩. Có loài thú xanh lam, dạng như con cọp, tên là *la la* 羅羅.

Phương bắc có con *ngu cường* 禺彊, mặt người mình chim, vòng tai hai con răn xanh, giẫm lên hai con răn xanh.

9. HẢI NGOẠI ĐÔNG KINH (海外東經)

Hải ngoại từ góc đông nam đến góc đông bắc ấy:

Ta Khâu 丘, nơi đây nhiều ngọc rải rơi, ngựa xanh, con thị nhục, cây dương liễu, cam táo. Hoa cam, trăm quả được sinh ra. Ở Đông Hải, hai ngọn núi giáp gò đồi, trên có cây cối. Có lời bảo (đây) là Ta Khâu 嗟丘, có lời bảo là được còn có trăm quả, vua Nghiêu được chôn ở phía đông.

Nước Đại Nhân 大人 ở phía bắc đó, người nơi đó to, ngồi mà gọt thuyền. Có lời bảo là ở dài phía bắc Ta Khâu.

Thần Xa Bỉ 奢比 chủ trì ở phía bắc, mình thú, mặt người, tai to, hai vòng tai đeo răn xanh. Có thuyết bảo là thần chủ trì (thi thần) Can Du 肝榆, ở phía bắc nước Đại Nhân.



Thần Xa Bỉ.

Nước Quân Tử 君子 ở phía bắc đó, áo mũ dất gươm, ăn thịt thú, khiến hai vầng cạp ở bên cạnh, người ở đó hay nhường nhịn chẳng tranh giành. Có hoa cỏ thơm nồng, sớm sinh chập chết. Có lời bảo là phía bắc ở thi thần Can Du.

Hồng hồng ở phía bắc đó, đều có hai đầu. Có lời bảo ở phía bắc nước Quân Tử.

Cái hang Triều Dương 朝陽, thần tên Thiên Ngô 天吳, vị đó là thủy bá (thần cai quản sông nước). Ở phía bắc Hồng-hồng trong giữa hai dòng

nước. Thú ở nơi đó, tám đầu mặt người, tám chân tám đuôi, lưng xanh vàng.



Thần Thiên Ngô.

Nước Thanh Khâu 青丘 ở phía bắc đó, người ở đó ăn ngũ cốc, áo tơ lụa. Nơi đây có loài cáo bốn chân chín đuôi. Có lời bảo ở phía bắc Triều Dương. Thiên Đế mệnh Thụ Hợi 豕亥 bước chạy, từ cực Đông sang đến cực Tây, năm trăm triệu mười tuyền chín nghìn tám trăm bước. Thụ Hợi tay phải nắm thẻ đoán, tai trái chỉ về hướng bắc Thanh Khâu. Có lời bảo vua Vũ khiến Thụ Hợi. Có lời bảo năm trăm triệu mười muôn chín nghìn tám trăm bước.

Nước Hắc Xi 黑齒 ở phía bắc đó, người nơi đó đen, ăn gạo gié nhai với răn, một đở một lam, ở bên cạnh đó. Có lời bảo: ở phía bắc Thụ Hợi, người nơi đó đầu đen, ăn gạo khiến với răn, ấy một con răn đỏ.

Ở dưới có Thang Cốc 湯谷. Thang Cốc trên có cây phù tang, mười mặt trời được tắm, ở phía bắc Hắc Xi. Trong dòng nước ở đây, có cây lớn, chín mặt trời sống ở dưới cành, một mặt trời sống ở trên cành.

Nước Vũ Sư Thiếp 雨師妾 ở phía bắc đó, người nơi đó đen, hai tay đều nắm một con răn, tai trái có răn xanh, tai phải có răn đỏ. Có lời bảo ở phía bắc mười mặt trời, người nơi đây mình đen mặt người, mỗi người nắm một con rùa.



Nước Vũ Sư Thiếp.

Có nước Huyền Cổ 玄股 ở phía bắc đó, người nơi đó về đùi đen, mang da cá ăn thịt chim nước, khiến hai con chim chen kè. Có lời bảo ở phía bắc Vũ Sư Thiếp.

Có nước Mao Dân 毛民 ở phía bắc đó, người nơi đó thân mọc lông. Có lời bảo ở phía bắc nước Huyền Cổ.



Nước Mao Dân.

Nước Lao Dân 勞民 ở phía bắc đó, người nơi đó đen, có người đẽ dũa dân. Có lời bảo ở phía bắc nước Mao Dân, (người ở đó) mặt người, tay mắt chân toàn màu đen.

Phương Đông có thần Câu Mang 句芒, mình chim mặt người, cưới hai con rồng.

Ngày Bính Tuất tháng tư năm Kiến Bình thứ nhất (6 TCN), đãi chiếu Thái thường thuộc thần vọng hiệu trị, Thị trung Quang lộc Huân thần cung, Thị trung phụng xa Đô úy Quang lộc đại phu thần tú lĩnh chủ tỉnh.

10. HẢI NỘI NAM KINH (海內南經)

Hải nội góc đông nam đến tây ấy:

Âu 甌 ở trong biển, Mân 閩 ở trong biển, ở đó phía tây bắc có núi. Có lời bảo là núi trong đất Mân ở trong biển.

Ba thiên tử Chương Sơn 鄒山 ở phương tây bắc của biển. Có lời bảo là ở trong biển.

Tám cội cây của rừng quế ở phía đông Phiên Ngung 番禺.

Nước Bá Lự 伯慮, nước Ly Nhĩ 離耳, nước Điêu Đề 雕題, nước

Bắc Cù 北胠 đều ở phía nam sông Uất Thủy 鬱水. Sông Uất Thủy chảy ra Tương Lăng 湘陵 biển nam. Có lời bảo là Tương Lự 相慮.

Nước Kiêu Dương 梟陽 ở phía tây nước Bắc Cù, người nơi đó mặt người môi to, mình đen có lông, gót chân ngược, thấy người cười cũng cười; tay trái cầm ống sáo.



Nước Kiêu Dương

Con tê tê ở phía đông nơi vua Thuấn mai táng, phía nam Tương Thủy 湘水, dạng nó như con trâu, thẫm đen, một sừng.

Tòa núi Thương Ngô 蒼梧, ở mặt nồm nơi Đế Thuấn mai táng, Đế Đan Chu 帝丹朱 chôn ở mặt bắc.

Rừng Phiêm Lâm 泛林 vuông ba trăm dặm, ở phía đông (nơi sống của) loài tinh tinh 狴狴.

Tinh tinh biết tên người, thú ở đây như heo sữa mà mặt người, ở phía tây nơi vua Thuấn mai táng.

Phía tây bắc nơi tinh tinh có loài tê giác, dạng nó như con trâu mà đen.

Bề tôi của vua Khải 啟 nhà Hạ là Mạnh Đồ 孟涂, đó là thần cai quản xóm làng, người đến thỉnh tụng ở nơi của Mạnh Đồ, áo mặc có máu bèn giữ lấy, đó để cầu được sinh đẻ, tại phía tây Đan Sơn 丹山. Đan Sơn ở phía nam Đan Dương, mà Đan Dương liền kề đó.

Khé dũ 窳麻 đầu rồng, sống ở trong Nhược Thủy, ở phía tây nơi tinh tinh biết tên người, dạng nó như con hùm, đầu rồng, ăn thịt người.

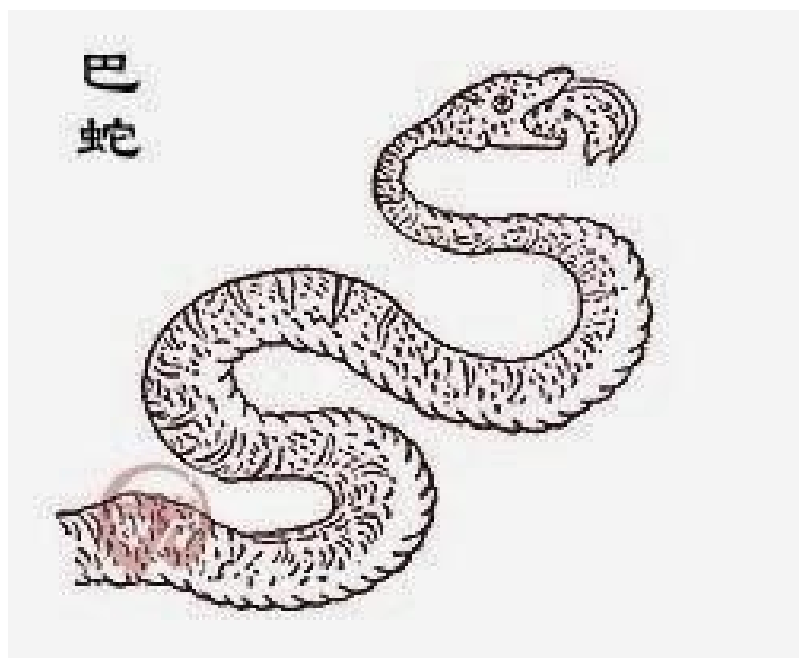
Có cây, dạng nó như trâu, một vết bóc ra nơi vỏ nó, giống dải tua, rắn vàng. Lá nó như lưới, quả nó như cây loan, cây đó như cây du gai, tên nó là kiến mộc 建木. Ở phía tây Khé dũ, trên sông Nhược Thủy.

Nước Đễ Nhân 氐人 ở phía tây cây kiến mộc, người ở đó mặt người mà mình cá, không có chân.



Nước Đễ Nhân.

Con ba xà 巴蛇 ăn thịt voi, ba năm mới nôn ra xương con voi, người quân tử ăn vào, không bị bệnh ở tim bụng. Rắn nơi đó xanh vàng đỏ đen, có thuyết nói rắn đen đầu xanh, ở phía tây nơi tê giác.



Ba xà.

Con *mao mã* 旄馬, dạng nó như ngựa, bốn khúc có xương. Tại phía tây bắc con ba xà, phía nam Cao Sơn 高山.



Mao mã.

Nước Hung Nô 匈奴, nước Khai Đề 開題, người những nước ấy cũng ở phía tây bắc.

11. HẢI NỘI TÂY KINH (海内西經)

Hải nội góc tây nam đến phía bắc ấy:

Bè tời của thần Nhị Phụ⁴¹ 貳負 tên là Nguy 危, Nguy và Nhị Phụ giết Khé Dũ. Thiên Đế bèn đem giam cầm ở núi Sơ Chúc 疏屬, cùm chân phải của ông, trói ngược hai tay với tóc, buộc ở trên cây nơi núi. Ở phía tây bắc nước Khai Đề.



Bè tời thần Nhị Phụ

Đại Trạch 大澤 vuông 100 dặm, nơi sinh đẻ và nơi thay lông của bầy chim. Ở phía bắc Nhạn Môn 鴈門.

Núi Nhạn Môn, chim nhạn bay ra ở bên trong. Ở phía bắc Cao Liễu 高柳. Cao Liễu ở phía bắc đất Đại 代.

Nơi chôn ông Hậu Tắc, núi nước bao quanh. Ở phía bắc nước Đê 氏.

Có nước Lưu Hoàng Phong Thị 流黃豐氏, trong vuông 300 dặm. Có đường bốn phương, trong có núi. Ở phía tây nơi chôn Hậu Tắc.

Dòng nước cát chảy ra Chung Sơn, đi theo phía tây đến đồi núi Côn Luân, hướng tây nam chảy vào biển, ở núi Hắc Thủy 黑水.

Đông Hồ 東胡 ở phía đông Đại Trạch.

Người Di ở phía đông Đông Hồ.

Nước Mạch 貉 ở phía đông bắc Hán Thủy. Đất gần với nước Yên 燕, (nước Yên) tiêu diệt. Chim *manh điều* 孟鳥 ở phía đông bắc nước Mạch, chim đó vằn đỏ, vàng lam, hướng đông.

Hải nội đồi núi Côn Lôn ở phía tây bắc, đô thành dưới thế của Thiên Đê. Đồi núi Côn Lôn vuông 800 dặm, cao muôn nhận. Trên có cây *mộc hòa* 木禾, dài 5 tầm⁴², to năm 5 vòng. Mặt có chín cái hố, lấy ngọc làm lan can, mặt có chín cửa, cửa có thú *khai minh* 開明 canh giữ, nơi sở tại của trăm vị thần. Núi cao Bát Ngung 八隅, mé sông Xích Thủy, chẳng phải lòng nhân từ như Hậu Nghệ thì tuyết chẳng có thể lên vực núi.



Thú Khai minh.

Xích Thủy đi ra đông nam góc núi, để đi đến phía đông bắc đó (chảy hướng tây nam trút vào Nam Hải, phía đông Yém Hỏa). Sông Hoàng Hà đi ra đông bắc góc núi, để đi đến hướng bắc đó, hướng tây nam lại vào Bột Hải, lại ra ngoài biển, liền phía tây mà bắc, vào nơi vua Vũ đã dẫn đến núi Tích Thạch 積石.

Dương Thủy 洋水, Hắc Thủy đi ra phía tây bắc góc núi, đến hướng đông, đi theo hướng đông, lại đông bắc, hướng nam vào biển, qua phía đông loài chim *tất phương*.

Vực nam Côn Lôn sâu 300 nhận, thú *khai minh* loại hồ lớn mà chín đầu, đều mặt người, đông hướng đứng trên Côn Lôn.

Phía tây Khai-minh có phượng hoàng, chim loan, đều đội răn giẫm răn, ngực có răn đỏ.

Phía bắc Khai-minh có con thị nhục, cây ngọc trai, cây ngọc vắn, cây vu kì, cây bất tử. Phượng hoàng, chim loan đều đội khiên. Lại có con ly chu, cây bách, nước ngọt, cây thánh, *mạn đoái* 曼兌, có thuyết gọi là *đỉnh mộc nha giao* 挺木牙交.

Phía đông Khai-minh có *vu bành* 巫彭, *vu đế* 巫抵, *vu dương* 巫陽, *vu lí* 巫履, *vu phàm* 巫凡, *vu tướng* 巫相, quanh kê thây của Khê-dũ, đều cầm cây thuốc bất tử để chống cự. Khê-dũ ấy, mình răn mặt người, đã bị bẻ tời của Nhị Phụ giết. Cây *phục thường* 服常, trên cây có người ba đầu, dò xét cây lang can.

Phía nam Khai-minh có cây chim, sáu đầu, thường luồng, răn hồ mang, vượn đuôi dài, báo, chim tế cây, với hàng ao cây cối, chim *tụng* 誦, chim *chuân* 鶡, thị nhục.

12. HẢI NỘI BẮC KINH (海內北經)

Hải nội góc tây bắc đến phía đông ấy:

Tòa núi Xà Vu 蛇巫, ở trên có người cầm cây côn mà đứng hướng về đông. Có thuyết là Quy Sơn 龜山.

Tây Vương Mẫu dựa bàn mà đeo ngọc trắng, phía nam đó có chim *tam thanh* 三青, bị Tây Vương Mẫu lấy ăn. Ở phía bắc núi lớn Côn Lôn.

Có người tên Đại Hành Bá 大行伯, cầm mác. Phía đông đó có nước Khuyển Phong 犬封. Thân của thần Nhị Phụ ở phía đông Đại Hành Bá.

Nước Khuyển Phong gọi là nước Khuyển Nhung 犬戎, dạng như con chó. Có một người con gái, quỳ thẳng tiến cái chén ăn. Có ngựa vằn, thân trắng nõn, lông bờm đỏ, mắt như vàng ròng, tên là *cát lượng* 吉量, cưỡi nó thọ nghìn tuổi.

Nước Quỷ 鬼 ở phía bắc thân của thần Nhị Phụ, vật nơi đó mặt người mà một mắt. Có thuyết bảo thần Nhị Phụ ở phía đông đó, nhân vật ở đó mặt người mình rắn. Con *thạo khuyển* như chó, xanh lam, ăn thịt người gặm đầu trước.

Cùng kì 窮奇 dạng như con hồ, có cánh, ăn thịt người gặm đầu trước, tóc tai cũng bị ăn luôn, ở phía bắc *thạo khuyển*. Có thuyết bảo là (con cùng-kì ăn) từ chân.



Cùg kỳ.

Đài Đé Nghiêu, đài Đé Khốc, đài Đé Đan Chu, đài Đé Thuán, đều hai đài, đài bốn phương, ở phía đông bắc Côn Lôn.

Đại phong 大蠶 dạng như con giọt sành. *Chu nga* 朱蛾 dạng như con ngài. *Kiểu* 蛟, nó là người vắn hồ, cẳng chân có cục đùi. Ở phía đông con *cùg kì*. Một thuyết bảo dạng như người. Còn xuất hiện ở phía bắc núi lớn Côn Lôn.

Tháp phi 闕非, mặt người mình thú, màu xanh.

Thây của Cự Tỉ 據比, đó là người bẻ cổ xẻ tóc, không có một tay.

Hoàn cầu 環狗, đó là người đầu thú mình thú. Một thuyết nói con nhím dạng chó, màu vàng.

Mị, đó là vật thân người đầu đen mắt đứng.

Nhung 戎, nó là người đầu người ba sừng.

Nước Lâm Thị 林氏 có thú hiếm, to như hổ, năm sắc đủ cả, đuôi dài trên mình, tên là *sô ngô* 騶吾, cưỡi nó thì ngày đi nghìn dặm.



Sô ngô.

Chỗ phía nam núi lớn Côn Lôn, có khu rừng rậm vuông 300 dặm.
Vực thẳm Tòng Cực 從極 sâu 300 nhận, chỉ có thần Băng Di 冰夷 thường
đến sống. Băng Di mặt người, cưỡi hai con rồng. Một thuyết nói (nơi đó) là
bờ vực Trung Cực 忠極.



Hà Bá (Băng Di).

Tòa núi Dương Ô 陽汙, Hoàng Hà chảy trong đó; tòa núi Lăng Môn 凌門, Hoàng Hà chảy trong đó.

Thây của vương tử Dạ 王子夜, hai tay, hai đùi, ngực, đầu, răng, đều chia đứt rải nơi khác.

Đại Trạch (đầm lớn) vuông 100 dặm, nơi sinh sống và là nơi đẻ trứng của bầy chim, ở phía bắc Nhạn Môn 鴈門.

Núi Nhạn Môn, chim nhạn bay từ trong. Ở phía bắc Cao Liễu 高柳.

Cao Liễu ở phía bắc đất Đại.

Vợ vua Thuấn là Đãng Bỉ thị 登比氏, sinh ra Tiêu Minh 宵明, Chúc Quang 燭光, sống ở sông đầm lớn. Linh của hai cô gái có thể chiếu đến nơi đây vuông trăm dặm. Một thuyết nói là Đãng Bỉ thị.

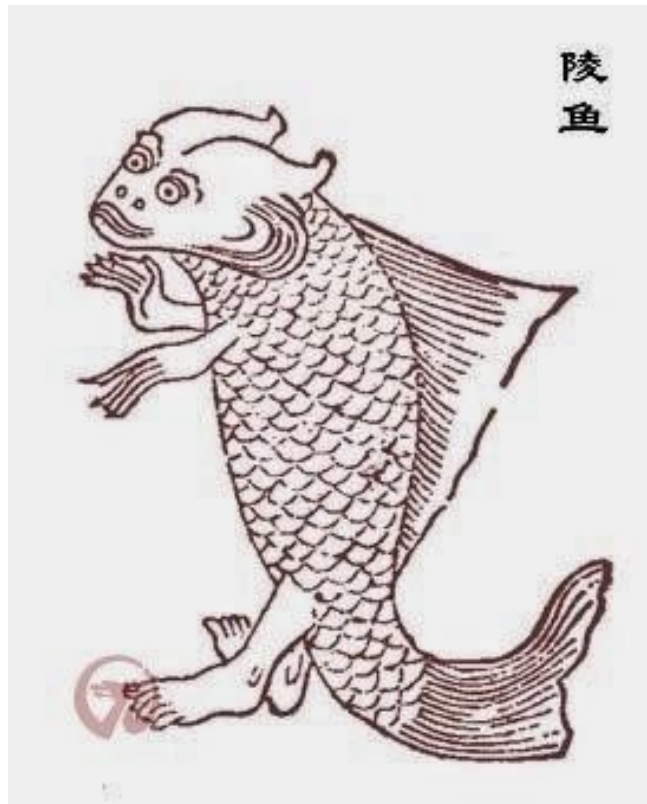
Nước Cái 盖 ở ở phía nam Cự Yên 鉅燕, phía bắc nước Oa 倭 (Nhật Bản xưa). Oa thuộc Yên.

Triều Tiên 朝鮮 ở phía đông Liệt Dương 列陽, bắc có biển, nam có núi. Liệt Dương thuộc Yên.

Liệt Cô Xạ 列姑射 ở biên sông trong châu.

Nước Xạ Cô 射姑 ở trong biển, thuộc Liệt Cô Xạ. Tây nam, núi vòng bao.

Lăng ngư 陵魚 mặt người, tay chân, mình cá, ở trong biển. Cá mè lớn sống ở trong biển.



Lăng ngư.

Xóm Minh Tổ 明組 sống ở trong biển. Núi Bồng Lai 蓬萊 ở trong biển.
Phố chợ người to ở trong biển.

13. HẢI NỘI ĐÔNG KINH (海内東經)

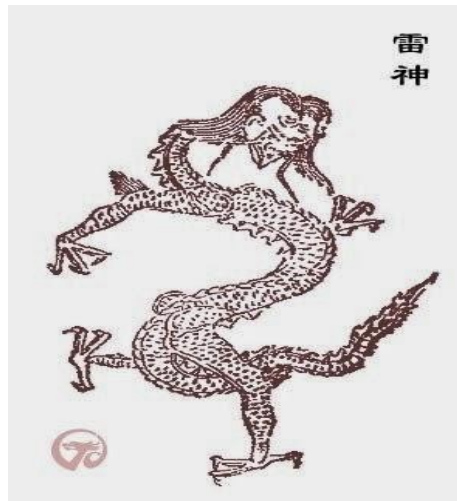
Hải nội góc đông bắc đến phía nam ấy:

Cự Yên 鉅燕 ở góc đông bắc.

Nước ở dòng cát chảy trong ấy *thuần đoan* 埽端, *tỉ dong* 璽蓉, ở hướng đông nam núi lớn Côn Lôn. Một thuyết nói là quận của hải nội, là huyện Bất Quận 不郡, ở trong dòng cát chảy.

Nước ở dòng cát chảy ngoài ấy là các nước Đại Hạ 大夏, Thụ Sa 竖沙, Cư Dao 居繇, Nguyệt Chi 月支. Tây Hồ 西胡 núi Bạch Ngọc 白玉 ở phía đông Đại Hạ, Thương Ngô 蒼梧 ở tây nam núi Bạch Ngọc, đều tại phía tây dòng cát chảy, đông nam núi lớn Côn Lôn. Núi Côn Lôn ở phía tây Tây Hồ, ven ở tây bắc.

Trong Lôi Trạch 雷澤 có thần sấm, thân rồng mà đầu người, trông ở bụng nó. Ở Ngô Tây.



Thần sấm.

Đô Châu 都州 ở trong biển, một thuyết là Úc Châu 鬱州.

Hàn Nhạn 韓雁 ở trong biển, phía nam Đô Châu.

Thủy Cưu 始鳩 ở trong biển, phía nam Đô Châu.

Núi Hội Kê 會稽 ở phía nam Đại Sở 大楚.

Ba sông Mân: sông Thủ Đại 首大, sông Xuất Ván 出汶, Bắc

Giang 北江 chảy ra Mạn Sơn 曼山, Nam Giang 南江 chảy ra Cao Sơn 高山. Cao Sơn ở phía tây Thành Đô 成都, chảy vào biển ở phía tây Trường Châu 長州.

Chiết Giang chảy ra đô thành của ba con Trời, ở phía đông đó. Ở tây bắc đất Môn 閩, vào biển, phía nam Du Kì 餘暨.

Lư Giang 廬江 chảy ra đô thành của ba con Trời. Vào sông, phía tây Bành Trạch 彭澤. Một thuyết là bảo vệ Thiên tử.

Hoài Thủy 淮水 chảy ra Du Sơn 餘山, Du Sơn ở phía đông Triều Dương 朝陽, phía tây Nghĩa Hương 義鄉, vào biển, phía bắc Hoài Phố 淮浦.

Tương Thủy 湘水 chảy ra góc đông nam nơi chôn Vua Thuấn, vòng bao phía tây, vào dưới Động Đình 洞庭. Một thuyết nói ở đông nam Tây Trạch 西澤.

Hán Thủy chảy ra hòn núi Phụ Ngư 鮒魚. Đé Chuyên Húc chôn ở mặt bắc, chín bà vợ chôn ở mặt nôm, có bốn con rắn bảo vệ.

Mông Thủy chảy ra phía tây Hán Dương 漢陽, vào sông, phía tây Nhiếp Dương 聶陽.

Ôn Thủy 溫水 chảy ra Không Động 崆峒, núi Không Động ở phía nam Lâm Phần 臨汾, vào sông lớn, phía bắc Hoa Dương 華陽.

Toánh Thủy 潁水 chảy ra Thiếu Thất 少室, núi Thiếu Thất ở phía nam Ung Thị 雍氏, chảy vào Hoài Tây 淮西, Yên Bắc 鄢北. Một thuyết nói là Câu Thị 緱氏.

Nhữ Thủy 汝水 chảy ra núi Thiên Tức 天息, ở phía tây nam làng Lương Miễn 梁勉, chảy vào tây bắc Hoài Cực 淮極, có thuyết nói Hoài ở phía bắc Kì Tư 期思.

Kính Thủy 涇水 chảy ra núi bắc Trường Thành 長城, núi ở Úc Chát 郁郅, phía bắc Trường Viên 長垣, hướng bắc chảy vào sông

Vị, Hí Bắc 戲北. Vị Thủy chảy ra núi Điều Thủ Đòng Huyệt, hướng đông trút vào Hoàng Hà, chảy vào phía bắc Hoa Âm 華陰.

Bạch Thủy 白水 chảy ra Thục 蜀, rồi hướng đông nam trút vào sông, chảy vào dưới Giang Châu thành 江州城.

Núi Nguyên Thủy 沅水 đi ra Tượng Quận 象郡 phía tây Tầm thành 潭城, chảy vào hướng đông trút sông, vào phía tây Hạ Tuyên 下雋, hợp trong Động Đình.

Cống Thủy 贛水 chảy ra núi đông Nhiếp Đô 聶都, hướng đông bắc trút vào sông, chảy vào phía tây Bành Trạch.

Tứ Thủy 泗水 chảy ra đông bắc Lỗ 魯 rồi nam, hướng tây nam qua phía tây Hồ Lăng 湖陵, rồi hướng đông nam trút vào Đông Hải, chảy vào phía bắc Hoài Âm 淮陰.

Úc Thủy chảy ra Tượng Quận, rồi hướng tây nam trút vào Nam Hải, chảy vào phía đông nam Tu Lăng 須陵.

Dị Thủy 肄水 chảy ra phía tây nam Lâm Tấn 臨晉, rồi hướng đông nam rót vào biển, nhập phía tây Phiên Ngung.

Hoàng Thủy 潢水 chảy ra núi tây bắc Quế Dương 桂陽, hướng đông nam trút vào Dị Thủy, nhập phía tây Đôn Phố 敦浦.

Lạc Thủy 洛水 chảy ra núi tây Lạc, hướng đông bắc trút vào (Hoàng) Hà, nhập phía tây Thành Cao 成皋.

Phân Thủy 汾水 chảy ra phía bắc Thượng Dũ 上廩, rồi hướng tây nam trút vào (Hoàng) Hà, nhập phía nam Bì Thị 皮氏.

Thẩm Thủy 沁水 chảy ra Tỉnh Hình 井陘, Sơn Đông 山東, hướng đông nam trút vào Hoàng Hà, nhập phía nam Hoài Đông 懷東.

Tề Thủy chảy ra Cộng Sơn 共山, gò Nam Đông Khâu 南東丘, rẽ xuyên đầm Cự Lộc 鉅鹿, trút vào Bột Hải, nhập phía đông bắc Tề Lang Hòe 齊琅槐.

Lạo Thủy 潦水 chảy ra phía đông Vệ Cao 衛皋, hướng đông nam trút vào Bột Hải, nhập Lạo Dương 潦陽.

Sông Hô Đà chảy ra phía nam Tấn Dương thành 晉陽城, rồi hướng tây đến phía bắc Dương Khúc 陽曲, rồi hướng đông trút vào Bột Hải, nhập phía bắc Việt Chương Vũ 越章武.

Chương Thủy 漳水 chảy ra phía đông Sơn Dương 山陽, hướng đông trút vào Bột Hải, nhập phía nam Chương Vũ.

14. ĐẠI HOANG ĐÔNG KINH (大荒東經)

Hốc lớn ở ngoài Đông Hải, là nước Thiều Hạo 少昊. Thiều Hạo nhụ đế Chuyên Húc ở đây, bỏ mắt cầm sắt⁴³. Có vùng Cam Sơn 甘山, sông Cam Thủy 甘水 chảy ra, sinh đầm Cam.

Ở ngoài Đông Hải, trong khoảng Cam Thủy, có nước tên Hi Hòa 羲和. Có người con gái là Hi Hòa, bèn tắm mặt trời ở đầm Cam. Bà Hi Hòa là vợ của Đế Tuấn 帝俊, đã sinh mười mặt trời.

Đại hoang dãy đông nam có núi, tên là gò đất Bì Mẫu 皮母 (Da Mẹ).

Ở ngoài Đông Hải, bên trong đại hoang, có núi tên là Đại Ngôn 大言, nhật nguyệt được đi ra.

Có hòn núi Ba Cốc 波谷, có nước là Đại Nhân 大人. Có thành phố Đại Nhân, tên là “Đại Nhân chi đường” 大人之堂. Có một người to lớn lui trên đó, dang hai cánh tay mình ra.

Có nước *tiểu nhân* (người nhỏ), tên là Tĩnh Nhân 靖人.



Nước tiểu nhân.

Có thần, mặt người mình thú, tên là thầy của Lê Linh (Lê Linh chi thi: 犁之屍).

Có núi Quát Sơn 滸山, sông Dương Thủy 楊水 đi ra.

Có nước Vị 葦, ăn lúa nếp, sai bốn loài điều: hổ, báo, hùng, bi.

Ở trong đại hoang, có núi tên là Hợp Hư 合虛, nơi nhật nguyệt đi ra.

Có nước là Trung Dung 中容. Đế Tuấn sinh Trung Dung, người Trung Dung ăn thịt thú, quả cây, sai bốn loài điều: hổ, báo, hùng, bi.

Có nước là Đông Khẩu 東口. Có nước là *quân tử* 君子, người nơi đó áo mũ đeo kiếm.

Có nước là Ty U 司幽. Đế Tuấn sinh Yên Long 晏龍, Yên Long sinh Ty U, Ty U sinh Tư Sĩ 思士, không vợ; Ty Nữ 思女, không chồng. Ăn nếp, ăn thú, họ sai bốn loài điều.

Có hòn núi tên là Đại A 大阿.

Trong đại hoang có núi tên là Minh Tinh 明星, nơi nhật nguyệt đi ra.

Có nước là Bạch Dân 白民. Đế Tuấn sinh Đế Hồng 帝鴻, Đế Hồng sinh Bạch Dân, Bạch Dân sinh Tiêu Tính 銷姓, ăn nếp, sai bốn loài điều: hổ, báo, hùng, bi.

Có nước là Thanh Khâu 青丘, có cáo chín đuôi.

Có dân Nhu Bộc 柔僕, là nước của Duy Doanh Thổ 維羸土.

Có nước là Hắc Xi 黑齒. Đế Tuấn sinh Hắc Xi, họ Khương, ăn nếp, sai bốn loài điều.

Có nước là Hạ Châu 夏州. Có nước là Cái Dư 蓋余.

Có thần nhân, tám đầu mặt người, mình cạp mười đuôi, tên là Thiên Ngô 天吳.

Ở trong đại hoang, có núi tên là Cúc Lăng Ư Thiên 鞠陵於天,

Đông Cực 東極, Ly Mậu 離瞽, nơi nhật nguyệt đi ra. Tên là Chiết Đan 折丹 – Đông phương là Chiết, lai phong là Tuấn – xứ Đông Cực có gió thổi ra vào.

Trong bãi của Đông Hải, có thần, mặt người mình chim, hai tai đeo rắn vàng, hai chân quấn rắn vàng, tên là Ngẫu Hạo 禺虯. Hoàng Đế sinh Ngẫu Hạo, Ngẫu Hạo sinh Ngẫu Kinh 禺京, Ngẫu Kinh nơi Bắc Hải, Ngẫu Hạo nơi Đông Hải, đó là thần biển.

Có núi Chiêu Diêu, sông Dung Thủy 融水 đi ra. Có nước Huyền Cổ 玄股, ăn nếp, sai bốn loài điều.

Có nước Khốn Dân 困民, họ Câu 勾, ăn nếp. Có người là Vương Hợi 王亥, hai tay cầm chim, mới ăn đầu nó. Vương Hợi thác với Hữu Dịch 有易, hà bá Bộc Ngưu 僕牛. Hữu Dịch giết Vương Hợi chiếm Bộc Ngưu. Hà bá niệm Hữu Dịch, Hữu Dịch ản ra, làm nước với thú, mới ăn thịt, tên là Diêu Dân 搖民. Đế Thuấn sinh Hí 戲, Hí sinh Diêu Dân.

Hải nội có hai người, tên là Nữ Sửu 女丑. Nữ Sửu có con cua lớn.

Ở trong đại hoang, có núi tên là Nghiệt Diêu Quân 孽搖顛羝, trên có cây phù, trụ ba trăm dặm, lá nó như cọng cải. Có hang là hang Ôn Nguyên 溫源. Thang Cốc 湯谷 trên có cây phù. Một ngày mới đến, một ngày mới ra, đều nhờ vào con quạ.

Có thần, mặt người, tai chó, mình thú, hai tai đeo răn xanh, tên là Xa Tỉ Thi 奢比屍.

Có loài chim năm sắc, Tương Hương Khí Sa. Chỉ là hạ hữu của Đế Tuấn. Đế xuống hai đàn, chim sắc coi quản.

Ở trong đại hoang, có núi tên Y Thiên Tô Môn 猗天蘇門, nơi nhật nguyệt sinh, có nước là Huân Dân 壩民.

Có Kì Sơn 綦山. Lại có Diêu Sơn 搖山. Có Tảng Sơn 臚山, lại có núi Môn Hộ 門戶. Lại có Thịnh Sơn 盛山. Lại có Đãi Sơn 待山. Có loài chim năm sắc.

Ở trong đại hoang, có núi tên là Hác Minh Tuấn Tật 壑明俊疾, nơi nhật nguyệt đi ra. Có nước là Trung Dung.

Ngoài bể đông bắc, lại có ngựa tam thanh, tam chuy 三騅, cam hoa 甘華. Còn có ngọc di, ngựa tam thanh, tam chuy, thị nhục, cam hoa, cam tổ, trăm loài cóc sỏ tại.

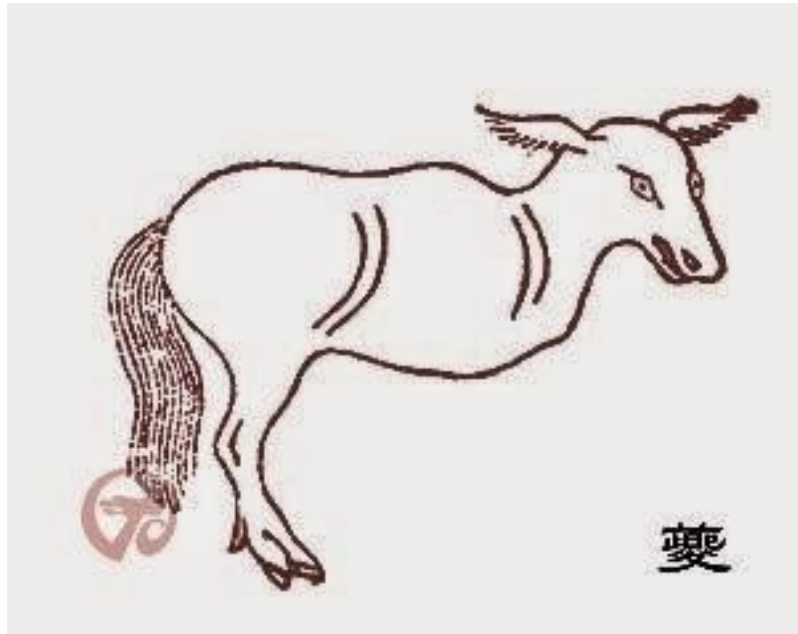
Có nước là Nữ Hòa Nguyệt Mẫu 女和月母. Có người tên là Uyển, bắc phương là Uyển, lai phong là Viêm, nơi đó góc đông bắc để ngừng nhật nguyệt, khiến cho không tương gian mọc lặn, coi quản dài ngắn.

Trong góc đông bắc đại hoang, có núi tên là Hung Lê Thổ Khâu 凶犁土丘. Ứng long đi ra cực nam, giết Xi Vụ và Hề Phụ, chẳng được phục thượng. Cho nên xuống gây hạn, hạn bèn làm trạng của ứng long, thì được mưa lớn.



Ứng long.

Trong Đông Hải có núi Lưu Ba 流波, vào biển bảy nghìn dặm. Trên đó có thú, dạng như con trâu, mình xanh mà không có sừng, một chân, ra vào nước thì ắt có mưa gió, nó tỏa sáng như nhật nguyệt, tiếng nó như sấm, tên nó là Quỷ 夔. Hoàng Đế có được, lấy xương của lân thú, tiếng vang nghe năm trăm dặm, để uy với thiên hạ.



Quỳ.

15. ĐẠI HOANG NAM KINH (大荒南經)

Ở ngoài Nam Hải, phía tây Xích Thủy, phía đông Lưu Sa, có loài thú, tả hữu có đầu, tên là *truất thích* 踠踢. Có ba con thú xanh dính cùng nhau, tên là *song song* 雙雙.



Truất thích.



Song song.

Có ngọn núi A Sơn 阿山. Ở trong Nam Hải, có hòn núi Tỉ Thiên 汜天, cùng tận của Xích Thủy.

Phía đông Xích Thủy, có cánh đồng Thương Ngô 蒼梧, là nơi chôn cất của vua Thuần và Thúc Quân⁴⁴ 叔均. Còn có vãn bôi, li du, khuru cứu, ung, cồ, ủy duy⁴⁵, gấu, hùm, voi, cạp, báo, sói, thị nhục.

Có núi Vinh Sơn 榮山, sông Vinh Thủy đi ra. Phía nam Hắc Thủy, có loài rắn tuyền, ăn con *chủ*.

Có hòn núi Vu Sơn 巫山, phía tây có chim vàng. Đế Dược 帝藥, bát trai. Chim vàng ở Vu Sơn, cai quản rắn tuyền.

Bên trong đại hoang, có hòn núi Bất Đình 不庭, cùng tận sông Vinh Thủy. Có người ba thân, vợ Đế Tuấn là Nga Hoàng 娥皇, sinh ở nước Tam Thân 三身 này, họ Diêu 姚, ăn nếp, sai bốn loài điều. Có nguồn sâu bốn phương, bốn góc đều đạt, phía bắc thuộc Hắc Thủy, phía nam thuộc Đại Hoang, cạnh bắc tên là vực Thiệu Hòa 少和, mé nam tên là Tòng Uyên 從淵, nơi tắm gội của vua Thuần.

Lại có núi Thành Sơn, cùng tận của sông Cam Thủy. Có nước Quý Ngu 季禺, con của Chuyên Húc, ăn nếp. Có nước Vũ Dân 羽民, dân đó đều mọc

lông lá. Có nước Noãn Dân 卯民, dân đó đều đẻ trứng.

Bên trong đại hoang, có hòn núi Bất Khương 不姜, cùng tận sông Hắc Thủy. Lại có núi Giả Sơn 賈山, sông Ngật Thủy 汜水 đi ra. Lại có núi Ngôn Sơn 言山. Lại có núi Đăng Bị 登備. Có núi Kiệt Kiệt 愬愬. Lại có núi Bồ Sơn 蒲山, sông Lễ Thủy 澧水 đi ra. Lại có Ngôi Sơn 隗山, phía tây đó có đụn, phía đông thì có ngọc. Lại phía nam có núi, sông Lễ Thủy đi ra. Có núi Vĩ Sơn 尾山. Có núi Thúy Sơn 翠山.

Có nước Doanh Dân 盈民, họ U, ăn nếp. Lại có người mới ăn lá cây.

Có nước Bất Tử 不死, họ A, cây cam là thức ăn.

Bên trong đại hoang, có núi tên là Khứ Chất 去瘞. Nam cực quả, Bắc bắt thành, *khứ chất* quả.

Trong bãi Nam Hải, có thần, mặt người, tai đeo hai con rắn xanh, chân quần hai con rắn đỏ, tên Bất Đình Hồ Dư 不廷胡余.

Có thần tên là Nhân Nhân Hồ 因因乎, phương nam là Nhân Hồ, lai phong là *hồ dân*, xứ nam cực vì gió ra vào.

Có núi Tương Sơn 襄山. Lại có hòn núi Trọng Âm 重陰. Có người ăn thịt thú, là Quý Li 季釐. Đế Tuấn sinh Đế Li, nên là nước Quý Li. Có vực Mân Uyên 緡淵. Thiệu Hạo sinh Bội Phạt 倍伐, Bội

Phạt xuống xứ Mân Uyên. Có nước bốn phương, tên là Tuấn Đàn 俊壇.

Có nước là Tài Dân 載民. Đế Thuấn sinh Vô Dâm 無淫, giáng ở xứ Tài, đó gọi là thầy cúng Tài Dân. Thầy cúng Tài Dân họ Phán 盼, ăn cóc, chẳng chứa chẳng mưu để mặc; chẳng cây chẳng gặt để ăn. Còn có loài chim múa hát, chim loan tự hát, phượng hoàng tự múa. Còn có trăm loài thú, quây quần nhau tại một chốn. Nơi hàng trăm ngũ cốc tụ về.

Ở trong đại hoang, có núi tên là Dung Thiên 融天, Hải Thủy 海水 phía nam chảy vào.

Có người là Tạc Xi 鑿齒, Nghệ giết đi.



Thần thú Tạc Xi.

Có hòn núi Vực Sơn 蜮山, có nước là Vực Dân 蜮民, họ Tang 桑, ăn nếp. Có người bèn giương cung bắn hoàng xà, tên là Vực Nhân.

Có hòn núi Tống Sơn 宋山, có rắn đỏ, tên là *dục xà* 育蛇. Có cây mọc trên núi, tên là *phong mộc* 楓木. Phong mộc, Xi Vưu đã dùng lá của nó làm gông cùm, đó là phong mộc.

Có người răng vuông đuôi cọp, tên là thầy của Tổ Trạng 祖狀.

Có tiêu nhân, tên là nước của Tiêu Nghiêu 焦僥, họ Cơ 幾, loài cốt tươi là thức ăn.

Ở trong đại hoang, có núi tên là núi Hủ Đồ 朽塗, cùng tận của sông Thanh Thủy. Có tòa núi Tuyết Vũ 雲雨, có cây tên là *loan* 樂.

Vua Vũ đánh Tuyết Vũ, có đá đỏ mà sinh cây loan, gốc vàng, cành đỏ, lá xanh, các vị vua đều lấy để làm thuốc.

Có nước là Bá Phục 伯服, Chuyên Húc sinh Bá Phục, ăn nếp. Có nước là Dứu Tính 黜姓. Có núi Điều Sơn 茗山. Lại có núi Tông Sơn 宗山. Lại có núi Tính Sơn 姓山. Lại có núi Hác Sơn 壑山. Lại có núi Trần Châu 陳州. Lại có núi Đông Châu 東州. Lại có núi Bạch Thủy 白水, sông Bạch Thủy đi ra, mà sinh thung lũng Bạch Uyên, là nơi thầy của Côn Ngô tắm rửa.

Có người tên Trương Hoảng 張弘, ở trên biển đánh cá. Trong biển có nước của Trương Hoảng, ăn cá, sai bốn loài điều.

Có người mỏ chim, có cánh, làm bắt cá ở biển.

Ở trong đại hoang, có người tên là Hoan Đầu 驩頭. Vợ Côn⁴⁶ là Sĩ Kính 士敬, con Sĩ Kính là Viêm Dung 炎融, sinh Hoan Đầu. Hoan Đầu mặt người mỏ chim, có cánh, ăn cá trong biển, vỗ cánh mà đi. Chỉ hợp với rau diếp đắng và gạo cây dương là thức ăn. Có nước của Hoan Đầu.

Đế Nghiêu, Đế Khốc, Đế Thuấn chôn ở núi Nhạc. Còn có vãn bối, li du, khâu cửu, ung, cỏ, diên duy, thị nhục, hùm, gấu, cọp, báo; cây son, cành đỏ, bông xanh, quả đen. Có hòn núi Thân Sơn 申山.

Ở trong đại hoang, có núi tên là Thiên Đài 天臺, biển nước từ nam chảy vào.

Ở bên ngoài bể đông nam, ở giữa Cam Thủy, có nước là Hi Hòa 羲和. Có người con gái tên là Hi Hòa, mới tám mặt trời ở vực Cam Uyên. Nàng Hi Hòa là vợ của Đế Tuấn, sinh mười mặt trời.

Có tòa núi Cái Do 蓋猶, trên đó có cây táo cam, thân cành đều màu đỏ, lá vàng, hoa trắng, quả đen. Phía đông lại có hoa cam, thân cành đều màu đỏ, lá vàng. Có ngựa xanh, có ngựa đỏ, tên là tam chuy 三騅. Có thị nhục.

Có tiểu nhân, tên là Khuẩn Nhân 菌人.

Có tòa núi Nam Loại 南類, còn có ngọc di, ngựa trắng, tam chuy, thị nhục, hoa cam, trăm loài cóc sở tại.

Chú Thích

[←1]

Đá tẩy: theo Quách Phác nói rằng tẩy rửa có thể gột sạch dơ bẩn trên mình mây.

[←2]

Hàm dương: loài dê lớn to như con lừa mà đuôi ngựa, ngày xưa được tìm thấy ở nước Đại Nguyệt thị. Tương truyền loài dê này to đến 6 thước.

[←3]

Núi Thái Hoa: tức là núi Tây Nhạc Hoa Sơn, nằm về tây nam huyện Hoa Âm tỉnh Lũng Tây hiện nay, Trung Quốc.

[←4]

Đá khánh: một loại đá dùng để làm nhạc cụ.

[←5]

Thi cưu: còn gọi là chim bố cục.

[←6]

Anh mẫn: cũng là anh vũ, tức con chim vẹt.

[←7]

Hoàng Đế: tên là Công Tôn Hiến Viên, là một trong Tam Hoàng Ngũ Đế. Ông là một vị vua thần thoại, được xem là thánh hiền và cũng là anh hùng văn hóa đời thượng cổ của Trung Hoa, sáng chế ra rất nhiều phát minh.

[←8]

Hậu Tắc: họ Cơ tên Khí, con của Đế Khốc, làm quan trông coi nghề nông thời vua Nghiêu, thiên hạ được mùa. Ông là tổ tiên của triều đại nhà Chu về sau.

[←9]

Lục Ngô: vị thần chủ quản núi Côn Lôn, còn có tên là Mi Ngô, mặt người mình cạp móng cạp mà chín đuôi.

[←10]

Tây Vương Mẫu: còn gọi là Vương Mẫu nương nương, Diêu Trì Kim Mẫu, là vị nữ thần trong truyền thuyết Trung Quốc, có diện mạo là một bà già hiền lành. Tương truyền Vương Mẫu sống ở cung Dao Trì (Diêu Trì) núi Côn Lôn, trong vườn của bà có trồng bàn đào là giống đào tiên, ăn vào trẻ mãi không già. Bà là vợ của Thiên Đế.

[←11]

Thiếu Hạo: là một vị vua thần thoại, con của Hoàng Đế với bà Nữ Tiêt. Người đời sau tôn ông là Bạch Đế.

[←12]

Quạng: một loại si mi, tức loài yêu quái ở rừng núi, mặt người mình thú, hay mê hoặc và làm hại người ta.

[←13]

Núi Đan Hồ: có thuyết cho rằng núi này nằm ở Ninh Phúc, một bộ phận ở trên chỗ núi Hạ Lan của Nội Mông; có thuyết lại nói ở vùng trong của Tân Cương.

[←14]

Cây cơ: tức cây khai, cây cao mà lá hay rụng, hình bầu dục dài, vóc cây mềm mại.

[←15]

Hoạt Thủy: dòng sông thuộc phía tây Hán Trung, tỉnh Thiểm Tây.

[←16]

Toan Thủy: tức là sông Văn Dục ở tỉnh Sơn Tây, TQ.

[←17]

Bệnh sài: Trung Quốc gọi là bạch tiền, đây là thứ bệnh thường có ở trẻ em, khiến lông tóc rụng rất nhiều.

[←18]

Hạt: giống chim như trĩ mà to, lông xanh, đầu có lông mao, tính mạnh tợn. Ngày xưa dùng lông chim này trang trí trên mũ giáp của võ tướng.

[←19]

Bộc luy: là một loài ốc sên.

[←20]

Bồ lô: một loại sò hào ở vùng nước ngọt.

[←21]

Con hạc: một giống thú giống như con cầy đầu mũi nhọn, tính hay ngủ, ngày ngủ đêm ra ăn các loài sâu, lông loang lổ, rậm mà mượt ẩm, dùng may áo ấm.

[←22]

Thuật nguyên: thuật là loại cây thuộc họ cúc, chỉ mọc trên núi; nguyên là loài cây lá và rễ có chất độc, hoa màu tím nhạt, dùng làm thuốc.

[←23]

Con đà: một loài như cá sấu, dài hơn hai trượng, bốn chân, da nó dùng để bung trống.

[←24]

Con quỳ: theo truyền thuyết là một loài quái, ở gỗ đá, giống như rồng, có một chân.

[←25]

Sông Huỳnh: tên một cái chằm ngày xưa, đến thời nhà Hán bị lấp thành bình địa, nay ở vào khoảng tỉnh Hà Nam.

[←26]

Con hiệt: một giống dã thú hình trạng giống chó.

[←27]

Lục hợp: người Trung Hoa cổ dùng 4 phương đông, tây, nam, bắc và 2 phương trên – dưới làm thành lục hợp.

[←28]

Kỷ: đơn vị thời gian của người xưa, 1 kỷ bằng 12 năm.

[←29]

Thái Tuế: cũng gọi là Tuế Tinh, tức là chỉ sao Mộc, vì sao Mộc trong dải hoàng đạo cứ mỗi năm là qua được một cung, ước 12 năm vận hành 1 vòng trời, cho nên người xưa lấy con số đó để tính 1 kỷ.

[←30]

Nghệ: một thần nhân trong thần thoại Trung Hoa cổ, cũng có thể gọi đầy đủ là Hậu Nghệ, vị anh hùng đã bắn 9 mặt trời và cũng là chồng của tiên tử Thường Nga.

[←31]

Tạc Xi: một vị thần trong truyền thuyết nửa người nửa thú, thần này có một cái răng cứng lộ ra ngoài miệng, to đến 5-6 thước, hình dạng giống như nắm cái đục.

[←32]

Đế Nghiêu: (2337 TCN–2258 TCN) là một vị vua huyền thoại của Trung Quốc cổ đại, một trong Ngũ Đế. Ông, cùng với các vua Thuấn và Vũ sau này, được Nho giáo xem là các vị vua

hiền minh kiêu mầu và các tấm gương đạo đức tiêu biểu. Nghiêu, cũng được gọi là Giao Đường Thị, ông có tên là Phóng Huân, là con trai của Đế Khốc, mẹ họ Trần Phong. Ông có người em khác mẹ là Đế Chí. Vì Nghiêu trước khi lên ngôi từng làm tù trưởng bộ lạc Đào, sau lại cải phong ở đất Đường nên có khi gọi kép là Đào Đường thị hoặc gọi là Đường Nghiêu. Nghiêu thường được ca tụng là một vị vua tài giỏi và đạo đức, lòng nhân từ và sự cần cù của ông được coi là kiêu mầu cho mọi bậc đế vương khác của Trung Quốc. Theo truyền thuyết, Nghiêu lên ngôi khi 20 tuổi, qua đời ở tuổi 119 và ông truyền ngôi cho vua Thuấn, người được ông gả cho hai cô con gái từ trước. Nghiêu truyền ngôi cho Thuấn chứ không truyền ngôi cho con là Đan Chu thường được sử sách đời sau xem là tấm gương mẫu mực của việc chọn người tài đức chứ không vì lợi ích riêng tư của dòng họ.

[←33]

Đế Khốc: còn gọi là Đế Cốc, họ Cơ, tên Tuấn, hiệu Cao Tân thị, là một vị vua huyền thoại của Trung Quốc. Đế Khốc là con của Đái Cực, Đái Cực là con của Huyền Khí, Huyền Khí là con trưởng của Hiên Viên Hoàng Đế. Ông trị vì từ năm 2412 TCN tới năm 2343 TCN, là người nhân ái khiêm nhường, được thiên hạ theo về. Ông có khả năng tận dụng đất đai và tài nguyên, có tài lãnh đạo mọi người. Đế Khốc có thái độ nghiêm túc, phẩm chất cao thượng, ứng xử hợp tình hợp lý, không tạo ra sự chênh lệch lớn trong xã hội, do đó mọi người đều tuân theo. Khốc lấy con gái họ Hữu Thai tên là Khương Nguyên sinh ra Cơ Khí - tức Hậu Tắc, là thủy tổ nhà Chu, lại lấy con gái Hữu Nhung thị là Giản Địch sinh ra Tử Tiết - là thủy tổ nhà Thương. Vợ ba Đế Cốc họ Tu Ty sinh ra người con khác là Thanh Dương thị tức Đế Chí, vợ tư họ Trần Phong sinh ra Y Kỳ Phóng Huân - tức Đế Nghiêu.

[←34]

Thị nhục: một loại quái thú trong truyền thuyết, hình dạng nó như gan con trâu, có hai con người, cắt thịt nó ra mà ăn thì mắt có thể nhìn sáng rõ hơn trong thời gian không lâu lắm.

[←35]

Hu Yết: có thể là chi Đế Thuấn. Ông là một vị vua huyền thoại thời Trung Quốc cổ đại, nằm trong Ngũ Đế. Nguyên tên ông là Trùng Hoa, người bộ lạc Hữu Ngu, ông được sinh ra ở Diêu Khư (gò Diêu) nên về sau lấy Diêu làm họ. Theo truyền thuyết, mẹ ông, Ốc Đãng là người rất hiền đức mất sớm, cha là Cổ Tâu lấy vợ khác và sinh ra Tượng. Dù bị mẹ con Tượng và cả Cổ Tâu đối xử không tốt, Thuấn vẫn một mực hiếu thuận, giữ đúng đạo làm con. Danh tiếng Trùng

Hoa được người trong bộ lạc nể phục nên khi trưởng thành, ông được bầu làm thủ lĩnh bộ lạc. Ông đem bộ lạc quy phục đế Nghiêu và được đế Nghiêu gả cho hai người con gái là Nga Hoàng và Nữ Anh, đồng thời tặng cho lương thực và rất nhiều bò dê gia súc. Khi vua Nghiêu già yếu, Thuấn được Nghiêu nhường ngôi vị quân chủ của liên minh các bộ lạc. Từ đó, ông thường được gọi là Ngu Thuấn. Thời cổ đại, trị thủy để ổn định cuộc sống, phát triển việc cày cấy là việc cấp bách hàng đầu. Theo sử sách, Thuấn sai Côn làm việc trị thủy. Côn trị thủy không thành công nên bị Thuấn xử tội chết. Thuấn lại dùng con Côn là Hạ Vũ trị thủy. Sau nhiều năm, Hạ Vũ trị thủy thành công, vì thế được Thuấn chọn làm người kế vị. Thuấn không truyền ngôi cho con mình là Thương Quân mà trao ngôi báu cho Hạ Vũ. Thuấn cùng với các vua Nghiêu và Vũ, được không giáo coi là những vị vua kiêu mầu, và là những tấm gương đạo đức trong văn hóa Trung Hoa.

[←36]

Văn Vương: tức là Chu Văn vương Cơ Xương, hiệu là Tây Bá hầu, (1090 TCN – 1050 TCN), họ người đất U (nay thuộc ấp Tuân, huyện Bân, tỉnh Thiểm Tây), là người đã xây nền móng triều đại nhà Chu trong lịch sử Trung Quốc. Khi cha Cơ Xương là Cơ Quý Lịch còn ở ngôi, Chu chỉ là một nước nhỏ thuộc vương triều nhà Thương. Quý Lịch bị vua nhà Thương giết hại, Cơ Xương nối ngôi cha làm tước bá. Cơ Xương ghi nhớ mối thù giết cha, quyết tâm cai trị tốt đất nước của mình, từ đó lật đổ ách thống trị của triều Thương. Ông bắt chước phép của ông nội là Vương Quý, xua đuổi thế lực dị tộc lân cận, đồng thời với việc dùng binh ở ngoài, tăng cường, chỉnh đốn nội chính. Ông đối xử với dân khoan hậu, giảm bớt tô thuế. Ông còn luôn luôn mặc quần áo của người bình thường ra đồng ruộng đốc thúc nông phu khai khẩn đất đai, quan tâm đến bệnh tật, nỗi khổ của trăm họ lớp dưới và những người cô quả già yếu v.v... các chính sách ấy tạo nên sự đối nghịch rõ rệt với sự thống trị tàn bạo của nhà Thương, khiến nước láng giềng có không ít người bồng bế con cái chạy sang nước Chu nương nhờ. Cơ Xương đã thực hiện nhiều biện pháp thu hút nhân tài. Hễ gặp một người có kiến thức, có tài văn võ, thì nhiệt tình khoản đãi, kể gỏi chuyện trò. Một ví dụ điển hình là đích thân đến mời Lã Vọng (Khuông Tử Nha) là một ông già câu cá bên sông Vị khi đó đã hơn sáu mươi tuổi, và phong ông làm tướng soái cầm quân đội đánh nhà Thương, thậm chí yêu cầu con mình gọi ông là Thượng Phụ. Bởi vậy, kẻ sĩ bốn phương tấp nập đến quy phục. Thực hiện chính sách mở mang của Cơ Xương, nước Chu trở thành một nước lớn mạnh ở phía tây, khiến Trụ Vương lo ngại. Trụ vương ngoài mặt phong Cơ Xương làm Tây Bá, thống soái một phương, nhưng lại tìm cách vờ mời Cơ Xương đến kinh đô Triều Ca, rồi bịa đặt ra tội danh để bắt giam Cơ Xương ở ngục Dữu Lý. Sau nhờ bày tội của Tây Bá dâng mỹ nữ, vật lạ cho vua Trụ, Trụ mới tha cho Cơ Xương. Sau khi trở về đất Chu, Cơ Xương tăng cường gấp rút diệt Thương. Ông dẫn quân vượt Hoàng Hà về phía đông, đánh thẳng đến khu vực trung tâm triều Thương, chiếm cứ phần lớn vùng phía nam sông Vị, hình thành cục diện "ba phần thiên hạ có hai phần". Đang lúc Cơ Xương chuẩn bị phát động cuộc tiến công cuối cùng diệt Thương, thì không may ông bị bệnh mất. Trước khi lâm chung, ông dặn dò người sau phải hoàn thành nghiệp lớn diệt Thương. Về sau con ông là Cơ Phát kế nghiệp, thực hiện được ý nguyện của ông, diệt vua Trụ nhà Thương, xây dựng lên nhà Chu, trở thành vua Chu Vũ Vương, truy tôn ông là Văn Vương.

[←37]

Chúc Dung: là một vị thần lửa trong thần thoại Trung Hoa.

[←38]

Diệt mông: loài chim sáo ở nước, lông mao màu xanh, đuôi đỏ.

[←39]

Nước Tam Thân: nằm ở một dải Tứ Xuyên, Quý Châu.

[←40]

Hình Thiên: là một nhân vật thần thoại của Trung Hoa, là quan đại thần của Viêm Đế Thần Nông, thấy Hoàng Đế đánh bại Xi Vưu và Khoa Phụ, ông bèn thỉnh cầu quân lực đối kháng với Hoàng Đế, nhưng Thần Nông vì cầu an nên cự tuyệt xuất binh. Hình Thiên thất vọng nên đã tìm đến tộc người Khoa Phụ hi vọng phục dựng nên lực lượng đánh bại Hoàng Đế, nhưng các quan đại thần Phong Bá, Vũ Sư và Lục Ngô lại cản trở. Về sau Hình Thiên bị Hoàng Đế dùng đòng gươm báu chém đứt đầu.

[←41]

Nhị Phụ: một vị thần trong truyền thuyết, có hình dạng mặt người mình rắn.

[←42]

Tầm: một đơn vị đo lường cổ, 1 tầm bằng 8 thước.

[←43]

Cầm sắt: một loại đàn cổ.

[←44]

Thúc Quân: tiên tổ nhà Chu, sống thời Hạ, ông là cháu của Đế Khôc, cha là Thai Tỉ, là em trai của Hậu Tắc.

[←45]

Ủy duy: một loài rắn trong truyền thuyết.

[←46]

Côn là cha đẻ của vua Đại Vũ nhà Hạ.

Table of Contents

LỜI NÓI ĐẦU

1. NAM SƠN KINH (南山經)
 2. TÂY SƠN KINH (西山經)
 3. BẮC SƠN KINH (北山經)
 4. ĐÔNG SƠN KINH (東山經)
 5. TRUNG SƠN KINH (中山經)
 6. HẢI NGOẠI NAM KINH (海外南經)
 7. HẢI NGOẠI TÂY KINH (海外西經)
 8. HẢI NGOẠI BẮC KINH (海外北經)
 9. HẢI NGOẠI ĐÔNG KINH (海外東經)
 10. HẢI NỘI NAM KINH (海內南經)
 11. HẢI NỘI TÂY KINH (海內西經)
 12. HẢI NỘI BẮC KINH (海內北經)
 13. HẢI NỘI ĐÔNG KINH (海內東經)
 14. ĐẠI HOANG ĐÔNG KINH (大荒東經)
 15. ĐẠI HOANG NAM KINH (大荒南經)
- ## CHÚ THÍCH